

Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và tiến độ triển khai các chương trình đào tạo của Hệ ĐHCQ, Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu dự kiến Học kỳ cuối năm 2025** của các khóa sau:

- + Khóa 47 - Hệ ĐHCQ (CT Song ngành tích hợp [SN TH]),
- + Khóa 48 - Hệ ĐHCQ (CT Chuẩn; CT Chất lượng cao; CT SN TH),
- + Khóa 49 - Hệ ĐHCQ (CT Chuẩn; CT TA BP; CT TA TP; CT SN TH),
- + Khóa 50 - Hệ ĐHCQ (CT Tiếng Việt; CT TA BP; CT TA TP; CT SN TH),

Nếu có yêu cầu điều chỉnh thời khóa biểu, xin vui lòng liên hệ Ban Đào tạo **trước ngày 26/05/2025** để kịp tiến độ đăng ký học phần của sinh viên.

Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo triển khai đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Ban Đào tạo.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- B. TCKHĐT; B.QTHT;
- B.CSNH, B.BĐCL&KSNB;
- TTKT;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, B.ĐT.

**KT.TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



ThS. Võ Thị Tâm

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GĐ V...	Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đồi mới sáng tạo)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GĐ N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GĐ N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY
(Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.uhh.edu.vn>)

KHÓA HỌC	THỜI GIAN			GHI CHÚ
	Giảng viên đăng ký	Quản lý môn học duyệt	Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt	
+ Khóa 47, 48,49,50 ĐHCQ	09/06/25 – 08/07/25	09/07/25 – 22/07/25	23/07/25 – 28/07/25	Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 20/07/25

**THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN CÁC KHÓA HỆ ĐHCQ
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 47 HỆ ĐHCQ_CT SONG NGÀNH TÍCH HỢP (HỌC KỲ 9) (**DU KIẾN**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHK-TĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

Các lớp Khóa 47 ĐHCQ_CT Song ngành Quản lý công & Luật và quản trị địa phương đi thực tập tốt nghiệp theo Kế hoạch của Ban Đào tạo

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHK-T-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

- Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:
- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
 - Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
 - Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 47 ĐHCQ (Chương trình Song ngành tích hợp)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	PM0TH	1

SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 47

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - PMLL		10	25C1GOV51208501	50	K47.PMLL. TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53501601	50	PM0TH.K4 7	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 48 HỆ ĐHCQ_CT CHUẨN (HỌC KỲ 7) (**DU KIẾN**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

Các lớp Khóa 48 ĐHCQ_CT Chuẩn đi thực tập tốt nghiệp theo Kế hoạch của Ban Đào tạo

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHK-T-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

- Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:
- ☐ Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
 - ☐ Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
 - ☐ Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (Chương trình Chuẩn)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD001	1
2	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI001	1
3	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS001	1
4	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE001	1
5	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI001,BI002	2
6	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER001	1
7	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE001	1
8	TÀI CHÍNH CÔNG	PF001	1
9	THUẾ TRONG KINH DOANH	TB001	1
10	QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG	HQ001,HQ002	2
11	TÀI CHÍNH	FN001,FN002	2
12	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI001	1
13	BAO HIỂM	IN001	1
	SONG NGÀNH BẢO HIỂM VÀ TÀI CHÍNH	INFN1	1
14	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF001	1
15	QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH	RM001	1
16	NGÂN HÀNG	NH001,NH002	2
17	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT001	1
18	NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ	ND001	1
19	NGÂN HÀNG QUỐC TẾ	NQ001	1
20	KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG	AE001,AE002	2
21	QUẢN TRỊ LỮ HÀNH	LH001,LH002	2
22	QUẢN TRỊ DU THUYỀN	CR001	1
23	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS001,KS002	2
24	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK001	1
25	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN001,KN002,KN003,KN004,KN005,KN006,KN007,KN008	8
26	KẾ TOÁN CÔNG	KO001	1
27	KIỂM TOÁN	AU001	1
28	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ICAEW	ICA01	1
29	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM001,KM002,KM003	3
30	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB001,IB002,IB003,IB004	4
31	NGOẠI THƯƠNG	FT001,FT002	2
32	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM001,LM002	2

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
33	MARKETING	MR001,MR002	2
34	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR001	1
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ	ARIB1	1
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	ARLM1	1
35	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV001	1
36	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA001,VA002	2
37	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR001,HR002	2
38	BẤT ĐỘNG SẢN	RE001,RE002,RE003	3
39	LUẬT KINH DOANH	LK001,LK002,LK003	3
40	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ001	1
41	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV001,AV002,AV003,AV004	4
42	QUẢN LÝ CÔNG	PM001	1
	SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	PMLL1	1
43	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC001,SC002,SC003	3
44	QUẢN TRỊ	AD001,AD002,AD003,AD004	4
45	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	CL001,CL002	2
46	QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP	EM001,EM002	2
47	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	BV001,BV002	2
48	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK001	1
49	TOÁN TÀI CHÍNH	FM001,FM002	2
50	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS001	1

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025115	50	FN001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025116	50	FN002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - FN		10	25C1FIN50518001	200	K48.FN.TT_ _TN						

CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025113	50	FI001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - FI		10	25C1FIN50517801	100	K48.FI.TT_ _TN						

NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 48 + SONG NGÀNH BẢO HIỂM & TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025112	60	IN001,INF N1.K48	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - IN		10	25C1FIN50517701	100	K48.IN.TT _TN						

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25C1FIN50501004	40	INFN1.K48	2	5	12g45 - 17g05	B2-502	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	29/08/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509010	40	INFN1.K48	6	5	07g10 - 11g30	B1-708	10/10/25 - 05/12/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501407	40	INFN1.K48	4	5	12g45 - 17g05	B2-501	06/08/25 - 01/10/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25C1FIN50500302	40	INFN1.K48	2	5	07g10 - 11g30	B2-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	05/09/25	
Tài chính định lượng		3	25C1FIN50503801	40	INFN1.K48	4	5	07g10 - 11g30	B2-102	08/10/25 - 03/12/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508607	40	INFN1.K48	4	5	12g45 - 17g05	B2-305	08/10/25 - 03/12/25	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025130	60	IF001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - IF		10	25C1FIN50518101	100	K48.IF.TT_ TN						

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - RM		10	25C1FIN50517901	100	K48.RM.T T_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025114	45	RM001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - NH		10	25C1BAN50614901	200	K48.NH.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502581	50	NH001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502582	50	NH002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - ND		10	25C1BAN50615001	100	K48.ND.TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502584	50	ND001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - NQ		10	25C1BAN50615101	100	K48.NQ.TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502585	50	NQ001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - TT		10	25C1BAN50615301	100	K48.TT.TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502586	20	TT001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - PF		10	25C1PUF50410101	100	K48.PF.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025133	45	PF001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH THUẾ TRONG KINH DOANH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - TB		10	25C1PUF50410201	100	K48.TB.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025134	50	TB001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025131	60	HQ001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025132	60	HQ002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - HQ		10	25C1PUF50410001	200	K48.HQ.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502568	55	AE001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502569	55	AE002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - ECO		10	25C1ECO50126901	200	K48.AE.TT _TN						

NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 48 + SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 + SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502563	55	AR001,ARI B1.K48,AR LM1.K48	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AR		10	25C1ECO50126701	200	K48.AR.TT _TN						

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25C1BUS50318101	40	ARIB1.K48	4	5	12g45 - 17g05	N1-503	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử		3	25C1BUS50312403	40	ARLM1.K48	4	5	12g45 - 17g05	B2-306	06/08/25 - 01/10/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25C1BUS50312201	40	ARLM1.K48	4	5	07g10 - 11g30	B2-403	06/08/25 - 01/10/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313117	40	ARLM1.K48,ARIB1.K48	6	5	07g10 - 11g30	B2-101	08/08/25 - 12/09/25	
Vận tải và bảo hiểm		3	25C1BUS50312303	40	ARLM1.K48,ARLM1.K49	4	5	07g10 - 11g30	B2-403	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị tồn kho và kho vận		3	25C1BUS50318901	40	HPTC.I.ARLM_ARLM1.K48	4	5	12g45 - 17g05	B2-306	08/10/25 - 03/12/25	
Công nghệ và đổi mới trong quản lý chuỗi cung ứng		3	25C1BUS50319201	40	HPTC.II.ARLM_ARLM1.K48	6	5	12g45 - 17g05	B2-305	08/08/25 - 03/10/25	

ARIB1.K48 học chung HP Quản trị tài chính công ty đa quốc gia với lớp 25C1BUS50301101

ARIB1.K48 học chung HP Quản trị nguồn nhân lực quốc tế với lớp 25C1BUS50318201

ARIB1.K48 học chung HP Thương mại quốc tế với lớp 25C1COM50302201

ARIB1.K48 học chung HP Mô phỏng kinh doanh với lớp 25C1BUS50313001

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502564	50	IV001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - IV		10	25C1ECO50126801	100	K48.IV.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - VA		10	25C1ECO50127101	200	K48.VA.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502572	45	VA001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502573	45	VA002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502570	55	HR001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502571	55	HR002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - HR		10	25C1ECO50127001	200	K48.HR.TT _TN						

NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - RE		10	25C1ECO50126601	200	K48.RE.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502560	45	RE001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502561	45	RE002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502562	45	RE003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502595	50	AD001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502596	50	AD002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502597	50	AD003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502598	50	AD004	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AD		10	25C1MAN50223501	500	K48.AD.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025108	45	CL001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025109	45	CL002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - CL		10	25C1MAN50223801	200	K48.CL.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025110	45	EM001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025111	45	EM002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - EM		10	25C1MAN50223901	200	K48.EM.T T_TN						

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025106	55	BV001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025107	55	BV002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - QB		10	25C1MAN50223601	200	K48.QB.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - LH		10	25C1TOU51516201	200	K48.LH.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502513	50	LH001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502514	50	LH002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DU THUYỀN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502510	50	CR001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - CR		10	25C1TOU51516001	100	K48.CR.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - KS		10	25C1TOU51516101	200	K48.KS.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502511	55	KS001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502512	55	KS002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - SK		10	25C1TOU51516301	100	K48.SK.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502515	55	SK001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502536	50	IB001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502537	50	IB002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502538	50	IB003	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502539	50	IB004	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - IB		10	25C1BUS50335501	300	K48.IB.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502557	50	FT001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502558	50	FT002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - FT		10	25C1BUS50335901	200	K48.FT.TT _TN						

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - KM		10	25C1BUS50335601	300	K48.KM.T T_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502546	40	KM001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502547	40	KM002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502548	40	KM003	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - LM		10	25C1BUS50335701	200	K48.LM.T T_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502551	50	LM001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502552	50	LM002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH MARKETING KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - MR		10	25C1BUS50335801	200	K48.MR.T T_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502553	60	MR001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502554	60	MR002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712301	45	K48.KN.T CCTKT.00 1	2	5	07g10 - 11g30	B2-101	04/08/25 - 06/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712302	45	K48.KN.T CCTKT.00 2	2	5	12g45 - 17g05	B2-104	04/08/25 - 06/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712303	45	K48.KN.T CCTKT.00 3	3	5	07g10 - 11g30	B2-101	05/08/25 - 07/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712304	45	K48.KN.T CCTKT.00 4	4	5	12g45 - 17g05	B2-103	06/08/25 - 01/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712305	45	K48.KN.T CCTKT.00 5	6	5	07g10 - 11g30	B2-102	08/08/25 - 03/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712306	45	K48.KN.T CCTKT.00 6	6	5	12g45 - 17g05	B2-104	08/08/25 - 03/10/25	
Thực tập và tốt nghiệp - KN		10	25C1ACC50728201	500	K48.KN.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502517	60	KN001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502518	60	KN002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502519	60	KN003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502520	60	KN004	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502521	60	KN005	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502522	60	KN006	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502523	60	KN007	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502524	60	KN008	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp – KO		10	25C1ACC50728101	100	K48.KO.TT _TN						
Lập dự toán và đánh giá hiệu quả hoạt động trong khu vực công		3	25C1ACC50711801	45	KO001	4	5	12g45 - 17g05	A212	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502516	50	KO001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25C1ACC50704601	60	AU001	4	5	07g10 - 11g30	A210	22/10/25 - 03/12/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A201	28/11/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502532	60	AU001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Điều tra gian lận trong kế toán		3	25C1ACC50713401	60	AU001	4	5	12g45 - 17g05	A210	22/10/25 - 03/12/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A201	14/11/25 - 21/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AU		10	25C1ACC50728401	100	K48.AU.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ICAEW KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502531	30	ICA01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - ICA		10	25C1ACC50728301	100	K48.ICA.T T_TN						

NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - EL		8	25C1LAW51115101	300	K48.LK.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502575	40	LK001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502576	40	LK002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502577	40	LK003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - LQ		8	25C1LAW51115301	100	K48.LQ.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502580	50	LQ001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 48 + SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - PM		10	25C1GOV51208401	100	K48.PM.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502594	55	PM001,PM LL1.K48	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy pháp lý		2	25C1LAW51111701	10	PMLL1.K4 8,PMLL1.K 49	6	5	12g45 - 17g05	N1-707	10/10/25 - 05/12/25	

PMLL1.K48 học chung HP Luật dân sự 2 với lớp 25C1LAW51100601

PMLL1.K48 học chung HP Luật sở hữu trí tuệ với lớp 25C1LAW51101401

PMLL1.K48 học chung HP Luật học so sánh với lớp 25C1LAW51106401

PMLL1.K48 học chung HP Luật hình sự với lớp 25C1LAW51107401

PMLL1.K48 học chung HP Luật lao động với lớp 25C1LAW51111404

PMLL1.K48 học chung HP Tư duy pháp lý với lớp 25C1LAW51111701(2TC) - 25C1LAW51109701(3 TC)

NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - TI		10	25C1UII55008101	100	K48.TI.TT_ TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502502	60	TI001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502506	50	DS001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - DS		10	25C1INF50921301	100	K48.DS.TT_ TN						

NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502508	65	EE001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - EE		10	25C1INF50921401	100	K48.EE.TT_ TN						

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502504	50	BI001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502505	50	BI002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - BI		10	25C1INF50921101	100	K48.BI.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502503	50	ER001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - ER		10	25C1INF50921001	100	K48.ER.TT _TN						

NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - SE		10	25C1INF50921201	100	K48.SE.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502507	55	SE001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - TK		10	25C1MAT50813101	100	K48.TK.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025136	60	TK001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025137	45	FM001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025138	45	FM002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - FM		10	25C1MAT50813001	200	K48.FM.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025135	40	AS001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AS		10	25C1MAT50812601	100	K48.AS.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502587	40	AV001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502588	40	AV002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502589	40	AV003	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502590	40	AV004	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AV		10	25C1FOR51321201	300	K48.AV.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Seminar 1: Tư duy doanh nhân và khởi nghiệp		2	25C1ARC54901701	50	DD001	4	5	07g10 - 11g30	B1-408	06/08/25 - 10/09/25	
Seminar 5: Quản trị khủng hoảng truyền thông		1	25C1MED54802901	50	DD001	3	5	12g45 - 17g05	B1-407	05/08/25 - 16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502501	50	DD001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Studio 6: Sản xuất phương tiện truyền thông số		3	25C1MED54802801	50	HPTC.I.DD _DD001	3	5	07g10 - 11g30	B1-408	05/08/25 - 18/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - DD		10	25C1MED54821201	100	K48.DD.TT _TN						

CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - SC		10	25C1SCM54906301	300	K48.SC.TT _TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502591	40	SC001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502592	40	SC002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502593	40	SC003	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 48 HỆ ĐHCQ_CT CHẤT LƯỢNG CAO (HỌC KỲ 7) (DU KIẾN)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

Các lớp Khóa 48 ĐHCQ_CT CLC đi thực tập tốt nghiệp theo Kế hoạch của Ban Đào tạo

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHK-T-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

- Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:
- ☐ Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
 - ☐ Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
 - ☐ Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (Chương trình Chất lượng cao)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	KINH TẾ ĐẦU TƯ (TV)	IVC01, IVC02, IVC03	3
2	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN (TV)	VAC01	1
3	QUẢN TRỊ (TA)	ADC01, ADC02	2
4	QUẢN TRỊ (TV)	ADC03, ADC04, ADC05, ADC06, ADC07	5
5	TÀI CHÍNH (TA)	FNC01, FNC02, FNC03	3
6	TÀI CHÍNH (TV)	FNC04, FNC05, FNC06, FNC07, FNC08, FNC09, FNC10, FNC11, FNC12, FNC13	10
7	NGÂN HÀNG (TV)	NHC01	1
8	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (TA)	KNC01	1
9	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (TV)	KNC02, KNC03, KNC04, KNC05, KNC06	5
10	KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)	IBC01, IBC02	2
11	KINH DOANH QUỐC TẾ (TV)	IBC03, IBC04, IBC05, IBC06	4
12	NGOẠI THƯƠNG (TA)	FTC01	1
13	KINH DOANH THƯƠNG MẠI (TV)	KMC01, KMC02	2
14	MARKETING (TV)	MRC01, MRC02	2
15	KIỂM TOÁN (TV)	AUC01, AUC02, AUC03	3
16	LUẬT KINH DOANH (TV)	LKC01, LKC02	2
17	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (TV)	EEC01	1

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 48 CLC (TA) + CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502599	50	ADC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025100	50	ADC02	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025101	50	ADC03	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025102	50	ADC04	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025103	50	ADC05	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025104	50	ADC06	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025105	50	ADC07	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AD		10	25C1MAN50223502	300	K48.ADC. TT_TN						
Thực tập và tốt nghiệp - ADE	EN	10	25C1MAN50224001	200	K48.ADCE .TT_TN						

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 48 CLC (TA) + CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025117	45	FNC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025118	45	FNC02	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025119	45	FNC03	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025120	45	FNC04	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025121	45	FNC05	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025122	45	FNC06	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025123	45	FNC07	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025124	45	FNC08	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025125	45	FNC09	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025126	45	FNC10	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025127	45	FNC11	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025128	45	FNC12	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535025129	45	FNC13	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - FN		10	25C1FIN50518002	800	K48.FNC.T T_TN						
Thực tập và tốt nghiệp - FNE	EN	10	25C1FIN50518201	200	K48.FNCE. TT_TN						

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - NH		10	25C1BAN50614902	100	K48.NHC. TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502583	40	NHC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 CLC (TA) + NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502540	40	IBC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502541	40	IBC02	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502542	50	IBC03	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502543	50	IBC04	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502544	50	IBC05	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502545	50	IBC06	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - IB		10	25C1BUS50335502	300	K48.IBC.T T_TN						
Thực tập và tốt nghiệp - IBE	EN	10	25C1BUS50336001	100	K48.IBCE. TT_TN						

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48 CLC (TA)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502559	30	FTC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - FTE	EN	10	25C1BUS50336101	100	K48.FTCE. TT_TN						

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - KM		10	25C1BUS50335602	200	K48.KMC. TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502549	50	KMC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502550	50	KMC02	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH MARKETING KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - MR		10	25C1BUS50335802	200	K48.MRC. TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502555	50	MRC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502556	50	MRC02	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 48 CLC (TA) + CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712313	48	K48.KNC. TCCTKT.0 01	4	5	12g45 - 17g05	B2-101	06/08/25 - 01/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712314	48	K48.KNC. TCCTKT.0 02	5	5	12g45 - 17g05	B2-104	07/08/25 - 02/10/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712315	48	K48.KNC. TCCTKT.0 03	6	5	07g10 - 11g30	B2-104	08/08/25 - 03/10/25	
Thực tập và tốt nghiệp - KN		10	25C1ACC50728202	300	K48.KNC. TT_TN						
Thực tập và tốt nghiệp - KNE	EN	10	25C1ACC50728501	100	K48.KNCE .TT_TN						
Phân tích báo cáo tài chính	EN	3	25C1ACC50715601	30	KNC01	4	5	12g45 - 17g05	B1-405	29/10/25 - 26/11/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-408	31/10/25 - 21/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502525	30	KNC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502526	48	KNC02	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502527	48	KNC03	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502528	48	KNC04	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502529	48	KNC05	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502530	48	KNC06	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25C1ACC50704602	40	AUC01	7	5	07g10 - 11g30	B1-506	25/10/25 - 06/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-506	25/11/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502533	50	AUC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Điều tra gian lận trong kế toán		3	25C1ACC50713402	40	AUC01	7	5	12g45 - 17g05	B1-506	25/10/25 - 06/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-506	11/11/25 - 18/11/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25C1ACC50704603	40	AUC02	2	5	07g10 - 11g30	B1-507	20/10/25 - 01/12/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-407	26/11/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502534	50	AUC02	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Điều tra gian lận trong kế toán		3	25C1ACC50713403	40	AUC02	2	5	12g45 - 17g05	B1-802	20/10/25 - 01/12/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-407	12/11/25 - 19/11/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25C1ACC50704604	40	AUC03	3	5	07g10 - 11g30	B1-805	21/10/25 - 02/12/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-708	27/11/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502535	50	AUC03	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Điều tra gian lận trong kế toán		3	25C1ACC50713404	40	AUC03	3	5	12g45 - 17g05	B1-807	21/10/25 - 02/12/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-708	06/11/25 - 13/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - AU		10	25C1ACC50728402	200	K48.AUC. TT_TN						

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 48 CLC (TV) + CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502565	40	IVC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502566	40	IVC02	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502567	40	IVC03	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - IV		10	25C1ECO50126802	200	K48.IVC.T T_TN						

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - VA		10	25C1ECO50127102	50	K48.VAC. TT_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502574	20	VAC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thực tập và tốt nghiệp - EL		8	25C1LAW51115102	200	K48.LKC.T T_TN						
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502578	35	LKC01	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502579	35	LKC02	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502509	50	EEC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thực tập và tốt nghiệp - EE		10	25C1INF50921402	100	K48.EEC.T T_TN						

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 49 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 5) (**DU KIẾN**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHK-T-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

- Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:
- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
 - Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
 - Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 49 ĐHCQ**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_CHUẨN	CT_TA BP	CT_TA TP
1	AN TOÀN THÔNG TIN	CY0001		
2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	IT0001		
3	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER0001		
4	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI0001		
5	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE0001		
6	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS0001		
7	KHOA HỌC MÁY TÍNH	CS0001		
8	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE0001, EE0002	EEP001, EEP002	
9	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD0001	DDP001	DDF001
10	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC0001, SC0002	SCP001	
11	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	FE0001	FEP001	
12	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI0001	TIP001	
13	CÔNG NGHỆ LOGISTICS	LT0001	LTP001	
14	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	RA0001	RAP001	

TRƯỜNG KINH DOANH

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_CHUẨN	CT_TA BP	CT_TA TP
15	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ		ACCP01, ICAP01	
16	KẾ TOÁN CÔNG	KO0001		
17	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN0002, KN0003, KN0004, KN0005, KN0006, KN0007, KN0008, KN009	KNP001, KNP002, KNP003	KNF001
	SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ	KN0001		
18	KIỂM TOÁN	AU0001, AU0002	AUP001, AUP002	AUF001
19	CÔNG NGHỆ MARKETING		MTP001	
20	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB0001, IB0002, IB0003, IB0004, IB0005, IB0006	IBP001, IBP002, IBP003, IBP004	IBF001, IBF002, IBF003, IBF004
21	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM0001, KM0002	KMP001, KMP002	KMF001
22	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM0001	LMP001	LMF001
23	MARKETING	MR0001, MR0002	MRP001	MRF001
24	KINH DOANH SỐ	DB0001	DBP001	
25	QUẢN TRỊ	AD0001, AD0002, AD0003, AD0004, AD0005, AD0006, AD0007, AD0008	ADP001, ADP002, ADP003, ADP004, ADP005	ADF001, ADF002
26	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	BV0001	BVP001	
27	QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP	EM0001	EMP001	
28	BẢO HIỂM	IN0001		
	SONG NGÀNH BẢO HIỂM VÀ TÀI CHÍNH	INFN01		
29	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI0001		
30	TÀI CHÍNH	FN0001, FN0002, FN0003, FN0004, FN0005	FNP001, FNP002, FNP003, FNP004	FNF001, FNF002
31	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF0001	IFP001, IFP002	
32	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	TS0001, TS0002	TSP001	
33	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS0001	KSP001	
34	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK0001	SKP001	
35	NGÂN HÀNG	NH0001, NH0002, NH0003	NHP001, NHP002	NHF001
36	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT0001	TTP001	

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; VIỆN KHOA HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_CHUẨN	CT_TA BP	CT_TA TP
37	BẤT ĐỘNG SẢN	RE0001, RE0002		
38	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR0001		
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ	ARIB01		
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	ARLM1		
39	KINH TẾ	ECO001	ECOP01	
40	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV0001, IV0002	IVP001, IVP002	
41	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR0001, HR0002, HR0003		
42	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA0001	VAP001	
43	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ0001	LQP001	
44	LUẬT KINH TẾ	EL0001, EL0002	ELP001, ELP002	
45	QUẢN LÝ CÔNG	PM0001	PMP001	
	SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	PMLL01		
46	TÀI CHÍNH CÔNG	PF0001, PF0002		
47	THUẾ	TA0001, TA0002		
48	KINH TẾ CHÍNH TRỊ	CT0001		
	SONG NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	CTLL01		
49	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV0001, AV0002, AV0003		
	SONG NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI VÀ QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH	AVTS01		
50	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS0001	ASP001	
51	TOÁN TÀI CHÍNH	FM0001		
52	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK0001		

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ICAEW_Kiểm toán 1 (ICAEW CFAB - Assurance)	EN	3	25C1ACC50722801	15	ICAP01	3	5	07g10 - 11g30	B1-805	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-805	07/08/25 - 04/09/25	
ICAEW_Kiểm toán 2 (ICAEW CAFB - Assurance)	EN	3	25C1ACC50723201	15	ICAP01	3	5	07g10 - 11g30	B1-805	09/09/25 - 07/10/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-805	11/09/25 - 02/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502329	15	ICAP01	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720113	60	ICAP01,AC CP01	3	5	12g45 - 17g05	B1-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	27/09/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25C1ACC50712601	60	ICAP01,AC CP01	3	5	12g45 - 17g05	B2-507	07/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ACCA_Kiểm toán 1 (ACCA-F8)	EN	3	25C1ACC50723801	50	ACCP01	2	5	07g10 - 11g30	B1-403	22/09/25 - 20/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-403	26/09/25 - 17/10/25	
ACCA_Kiểm toán 2 (ACCA-F8)	EN	3	25C1ACC50724401	50	ACCP01	2	5	07g10 - 11g30	B1-403	27/10/25 - 24/11/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-403	31/10/25 - 21/11/25	
ACCA_Thuế (ACCA-F6)	EN	4	25C1ACC50723401	50	ACCP01	2	5	07g10 - 11g30	B1-403	04/08/25 - 15/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-403	08/08/25 - 12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502330	50	ACCP01	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	

HP TỰ CHỌN (CAE) [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712318	60	HPTC.I.CA E.CCA_IC AP01,ACC P01	5	5	12g45 - 17g05	B2-507	02/10/25 - 04/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402601	15	HPTC.I.CA E_ICAP01	5	5	12g45 - 17g05	B1-403	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	20/09/25	

HP TỰ CHỌN (CCA) [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thuế Tài sản		3	25C1TAX50402301	50	HPTC.I.CC A_ACCP01	4	5	12g45 - 17g05	B1-403	06/08/25 - 01/10/25	

ACCP01.K49 học chung HP Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT với lớp 25C1ACC50712318

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701102	50	KO0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-205	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	28/08/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720112	50	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-301	09/08/25 - 04/10/25	
Kiểm soát nội bộ khu vực công		3	25C1ACC50711701	50	KO0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-204	09/08/25 - 04/10/25	
Kiểm toán khu vực công		3	25C1ACC50703801	50	KO0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-204	11/10/25 - 06/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702012	50	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-301	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502344	50	KO0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

CT SN TH SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP – THUẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25C1TAX50401603	60	KN0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-410	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	23/08/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712712	60	KN0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-410	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	13/09/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402901	60	KN0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-410	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	16/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608401	60	KN0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-410	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502343	60	KN0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính Công		3	25C1PUF50400201	60	KN0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-410	07/10/25 - 02/12/25	
Thuế Gián thu		3	25C1TAX50401801	60	KN0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-410	02/10/25 - 04/12/25	
Thuế trực thu		3	25C1TAX50407501	60	KN0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-410	06/10/25 - 01/12/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000403	60	KN0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-410	07/08/25 - 11/09/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712319	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.001	2	5	07g10 - 11g30	B2-103	06/10/25 - 01/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712320	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.002	2	5	12g45 - 17g05	B2-103	06/10/25 - 01/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712321	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.003	3	5	07g10 - 11g30	B2-103	07/10/25 - 02/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712322	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.004	3	5	12g45 - 17g05	B2-103	07/10/25 - 02/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712323	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.005	4	5	07g10 - 11g30	B2-103	08/10/25 - 03/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712324	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.006	4	5	12g45 - 17g05	B2-103	08/10/25 - 03/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712325	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.007	5	5	07g10 - 11g30	B2-103	02/10/25 - 04/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712326	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.008	5	5	12g45 - 17g05	B2-103	02/10/25 - 04/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712327	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.009	6	5	07g10 - 11g30	B2-103	10/10/25 - 05/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712328	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.010	6	5	12g45 - 17g05	B2-103	10/10/25 - 05/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712329	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.011	7	5	07g10 - 11g30	B2-103	11/10/25 - 06/12/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25C1ACC50712330	40	K49.KN0.K NP.TCCTK T.012	7	5	12g45 - 17g05	B2-101	11/10/25 - 06/12/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707901	55	KN0002	4	5	07g10 - 11g30	B2-203	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720301	55	KN0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-203	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720101	55	KN0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-203	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	22/08/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712701	55	KN0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-203	06/10/25 - 01/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702001	55	KN0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-203	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	15/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502331	55	KN0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707902	55	KN0003	5	5	07g10 - 11g30	B2-203	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	06/09/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720302	55	KN0003	3	5	07g45 - 12g05	N2-204	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720102	55	KN0003	3	5	07g45 - 12g05	N2-204	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	23/08/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712702	55	KN0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-203	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702002	55	KN0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-203	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	16/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502332	55	KN0003	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707903	55	KN0004	6	5	07g10 - 11g30	B2-204	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720303	55	KN0004	4	5	07g45 - 12g05	N2-204	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720103	55	KN0004	4	5	07g45 - 12g05	N2-204	06/08/25 - 01/10/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712703	55	KN0004	4	5	12g45 - 17g05	N2-204	08/10/25 - 03/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702003	55	KN0004	4	5	12g45 - 17g05	N2-204	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502333	55	KN0004	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707904	55	KN0005	7	5	07g10 - 11g30	B2-109	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720304	55	KN0005	5	5	07g45 - 12g05	N2-301	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720104	55	KN0005	5	5	07g45 - 12g05	N2-301	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	16/09/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712704	55	KN0005	5	5	12g45 - 17g05	N2-204	02/10/25 - 04/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702004	55	KN0005	5	5	12g45 - 17g05	N2-204	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	09/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502334	55	KN0005	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707905	55	KN0006	2	5	07g10 - 11g30	B2-108	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	13/08/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720305	55	KN0006	6	5	07g45 - 12g05	N2-203	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720105	55	KN0006	6	5	07g45 - 12g05	N2-203	08/08/25 - 03/10/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712705	55	KN0006	6	5	12g45 - 17g05	N2-203	10/10/25 - 05/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702005	55	KN0006	6	5	12g45 - 17g05	N2-203	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502335	55	KN0006	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707906	55	KN0007	3	5	07g10 - 11g30	B2-108	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	21/08/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720306	55	KN0007	7	5	07g45 - 12g05	N2-203	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720106	55	KN0007	7	5	07g45 - 12g05	N2-203	09/08/25 - 04/10/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712706	55	KN0007	7	5	12g45 - 17g05	N2-204	11/10/25 - 06/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702006	55	KN0007	7	5	12g45 - 17g05	N2-204	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502336	55	KN0007	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707907	55	KN0008	4	5	12g45 - 17g05	B2-109	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720307	55	KN0008	2	5	12g45 - 17g05	N2-204	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720107	55	KN0008	2	5	12g45 - 17g05	N2-204	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	12/09/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712707	55	KN0008	2	5	07g45 - 12g05	N2-204	06/10/25 - 01/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702007	55	KN0008	2	5	07g45 - 12g05	N2-204	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	05/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502337	55	KN0008	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707908	55	KN0009	5	5	12g45 - 17g05	B2-203	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	30/08/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720308	55	KN0009	3	5	12g45 - 17g05	N2-204	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720108	55	KN0009	3	5	12g45 - 17g05	N2-204	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	16/08/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712708	55	KN0009	3	5	07g45 - 12g05	N2-301	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702008	55	KN0009	3	5	07g45 - 12g05	N2-301	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	23/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502338	55	KN0009	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707909	50	KNP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-204	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720309	50	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-301	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720109	50	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-301	06/08/25 - 01/10/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712709	50	KNP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-301	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702009	50	KNP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-301	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502340	50	KNP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707910	50	KNP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-301	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720310	50	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-301	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720110	50	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-301	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	09/09/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712710	50	KNP002	5	5	07g45 - 12g05	N2-302	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	16/09/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702010	50	KNP002	5	5	07g45 - 12g05	N2-302	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502341	50	KNP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
An toàn thông tin kế toán		3	25C1ACC50707911	50	KNP003	2	5	12g45 - 17g05	B2-204	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	10/09/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C1ACC50720311	50	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-204	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C1ACC50720111	50	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-204	08/08/25 - 03/10/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712711	50	KNP003	6	5	07g45 - 12g05	N2-204	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702011	50	KNP003	6	5	07g45 - 12g05	N2-204	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502342	50	KNP003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán	EN	3	25C1ACC50716301	30	KNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-805	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tập đoàn	EN	3	25C1ACC50721301	30	KNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-805	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính Việt Nam	EN	3	25C1ACC50721001	30	KNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-805	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-705	15/08/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính	EN	3	25C1ACC50716201	30	KNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-805	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-705	22/08/25	
Phân tích báo cáo tài chính	EN	3	25C1ACC50715602	30	KNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-805	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502339	30	KNF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường công nghệ thông tin	EN	3	25C1ACC50721401	30	KNF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-101	08/10/25 - 03/12/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000402	30	KNF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-805	06/08/25 - 10/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25C1ACC50712401	48	AU0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-203	08/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25C1ACC50701401	48	AU0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-203	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25C1ACC50720001	48	AU0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-203	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25C1ACC50719601	48	AU0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-203	06/08/25 - 01/10/25	
Kiểm toán căn bản		3	25C1ACC50702501	48	AU0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-203	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502324	48	AU0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25C1ACC50712402	48	AU0002	5	5	07g45 - 12g05	N2-204	02/10/25 - 04/12/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25C1ACC50701402	48	AU0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-204	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25C1ACC50720002	48	AU0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-203	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25C1ACC50719602	48	AU0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-203	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	26/08/25	
Kiểm toán căn bản		3	25C1ACC50702502	48	AU0002	5	5	07g45 - 12g05	N2-204	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	19/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502325	48	AU0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25C1ACC50712403	43	AUP001	2	5	07g45 - 12g05	N2-202	06/10/25 - 01/12/25	
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25C1ACC50715502	43	AUP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-203	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	27/08/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25C1ACC50720003	43	AUP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-202	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25C1ACC50719603	43	AUP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-202	08/08/25 - 03/10/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25C1ACC50715702	43	AUP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-203	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	03/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502327	43	AUP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25C1ACC50712404	43	AUP002	3	5	07g45 - 12g05	N2-203	07/10/25 - 02/12/25	
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25C1ACC50715503	43	AUP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-204	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	14/08/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25C1ACC50720004	43	AUP002	7	5	12g45 - 17g05	N2-203	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25C1ACC50719604	43	AUP002	7	5	12g45 - 17g05	N2-203	09/08/25 - 04/10/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25C1ACC50715703	43	AUP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-204	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	21/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502328	43	AUP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

CT TA TP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	EN	3	25C1ACC50716401	45	AUF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-806	08/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25C1ACC50715501	45	AUF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-806	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS	EN	3	25C1ACC50720901	45	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-806	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính theo IFRS	EN	3	25C1ACC50720701	45	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-806	06/08/25 - 01/10/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25C1ACC50715701	45	AUF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-806	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502326	45	AUF001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000401	45	AUF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-806	08/08/25 - 12/09/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Blockchain trong kinh doanh		3	25C1INF50910501	45	MTP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-403	08/08/25 - 03/10/25	
Dữ liệu lớn trong marketing	EN	3	25C1INF50917001	45	MTP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-512	06/10/25 - 01/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313116	45	MTP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-102	07/08/25 - 11/09/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320901	45	MTP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-205	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	17/09/25	
Phân tích dữ liệu mạng xã hội	EN	3	25C1BUS50326701	45	MTP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-205	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502371	45	MTP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Mạng xã hội và marketing thiết bị di động	EN	3	25C1BUS50327101	45	HPTC.I.MT P_MTP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-205	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	24/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313101	48	IB0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-103	07/08/25 - 11/09/25	
Logistics quốc tế		3	25C1BUS50310701	50	IB0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-401	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301201	50	IB0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-401	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502345	50	IB0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318201	50	IB0001,AR IB1.K48	3	5	12g45 - 17g05	N1-401	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	30/08/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301101	50	IB0001,AR IB1.K48	3	5	07g10 - 11g30	N1-401	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	23/08/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302201	50	IB0001,AR IB1.K48	5	5	07g10 - 11g30	B2-204	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	16/08/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313102	48	IB0002	6	5	12g45 - 17g05	B2-103	08/08/25 - 12/09/25	
Logistics quốc tế		3	25C1BUS50310702	50	IB0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-401	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318202	50	IB0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-401	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301102	50	IB0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-401	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301202	50	IB0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-401	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502346	50	IB0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302202	50	IB0002	6	5	07g10 - 11g30	B2-205	08/08/25 - 03/10/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313103	48	IB0003	2	5	07g10 - 11g30	B2-103	04/08/25 - 15/09/25	
Logistics quốc tế		3	25C1BUS50310703	50	IB0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-401	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318203	50	IB0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-401	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	19/08/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301103	50	IB0003	5	5	07g10 - 11g30	N1-401	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	12/08/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301203	50	IB0003	5	5	07g10 - 11g30	N1-401	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502347	50	IB0003	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302203	50	IB0003	7	5	07g10 - 11g30	B2-203	09/08/25 - 04/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313104	48	IB0004	2	5	12g45 - 17g05	B2-103	04/08/25 - 15/09/25	
Logistics quốc tế		3	25C1BUS50310704	50	IB0004	6	5	12g45 - 17g05	N1-401	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318204	50	IB0004	6	5	12g45 - 17g05	N1-401	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301104	50	IB0004	6	5	07g10 - 11g30	N1-401	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301204	50	IB0004	6	5	07g10 - 11g30	N1-401	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502348	50	IB0004	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302204	50	IB0004	2	5	07g10 - 11g30	B2-204	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	20/08/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313105	48	IB0005	3	5	12g45 - 17g05	B2-103	05/08/25 - 16/09/25	
Logistics quốc tế		3	25C1BUS50310705	50	IB0005	7	5	12g45 - 17g05	N1-401	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318205	50	IB0005	7	5	12g45 - 17g05	N1-401	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301105	50	IB0005	7	5	07g10 - 11g30	N1-401	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301205	50	IB0005	7	5	07g10 - 11g30	N1-401	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502349	50	IB0005	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302205	50	IB0005	3	5	07g10 - 11g30	B2-205	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	14/08/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313106	48	IB0006	4	5	07g10 - 11g30	B2-103	06/08/25 - 10/09/25	
Logistics quốc tế		3	25C1BUS50310706	50	IB0006	2	5	07g10 - 11g30	N1-403	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318206	50	IB0006	2	5	07g10 - 11g30	N1-403	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	22/08/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301106	50	IB0006	2	5	12g45 - 17g05	N1-401	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	15/08/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301206	50	IB0006	2	5	12g45 - 17g05	N1-401	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502350	50	IB0006	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302206	50	IB0006	4	5	12g45 - 17g05	B2-203	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313107	43	IBP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-102	23/10/25 - 04/12/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308005	43	IBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-206	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	13/09/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318207	43	IBP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-403	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301107	43	IBP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-403	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307405	43	IBP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-206	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	06/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502355	43	IBP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Thương mại quốc tế	EN	3	25C1BUS50311001	43	IBP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-202	02/10/25 - 04/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313108	43	IBP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-101	31/10/25 - 05/12/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308006	43	IBP002	4	5	07g10 - 11g30	B2-204	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318208	43	IBP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-403	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301108	43	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	N1-403	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307406	43	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-204	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502356	43	IBP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Thương mại quốc tế	EN	3	25C1BUS50311002	43	IBP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-203	10/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313109	43	IBP003	7	5	07g10 - 11g30	B2-104	01/11/25 - 06/12/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308007	43	IBP003	5	5	07g10 - 11g30	B2-205	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-211	19/08/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318209	43	IBP003	5	5	07g10 - 11g30	N1-403	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301109	43	IBP003	5	5	12g45 - 17g05	N1-403	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307407	43	IBP003	5	5	12g45 - 17g05	B2-204	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-211	12/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502357	43	IBP003	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Thương mại quốc tế	EN	3	25C1BUS50311003	43	IBP003	7	5	12g45 - 17g05	B2-204	11/10/25 - 06/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313110	43	IBP004	2	5	07g10 - 11g30	B2-101	27/10/25 - 01/12/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308008	43	IBP004	6	5	07g10 - 11g30	B2-206	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C1BUS50318210	43	IBP004	6	5	07g10 - 11g30	N1-403	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1BUS50301110	43	IBP004	6	5	12g45 - 17g05	N1-403	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307408	43	IBP004	6	5	12g45 - 17g05	B2-205	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502358	43	IBP004	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Thương mại quốc tế	EN	3	25C1BUS50311004	43	IBP004	2	5	12g45 - 17g05	B2-203	06/10/25 - 01/12/25	

CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308001	45	IBF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-806	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	2	25C1BUS50313701	45	IBF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-104	29/10/25 - 03/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	EN	3	25C1BUS50307801	45	IBF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-806	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	15/08/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1BUS50320701	45	IBF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-806	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	22/08/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307401	45	IBF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-806	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502351	45	IBF001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006201	45	IBF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-807	06/08/25 - 10/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000404	45	IBF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-807	06/08/25 - 10/09/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308002	45	IBF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-806	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	2	25C1BUS50313702	45	IBF002	5	5	07g10 - 11g30	B2-104	23/10/25 - 04/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	EN	3	25C1BUS50307802	45	IBF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-806	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-303	20/09/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1BUS50320702	45	IBF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-806	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-303	27/09/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307402	45	IBF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-806	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502352	45	IBF002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006202	45	IBF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-806	07/08/25 - 11/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000405	45	IBF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-806	07/08/25 - 11/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308003	45	IBF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-808	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	2	25C1BUS50313703	45	IBF003	6	5	07g10 - 11g30	B2-102	31/10/25 - 05/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	EN	3	25C1BUS50307803	45	IBF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-808	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1BUS50320703	45	IBF003	4	5	12g45 - 17g05	B1-808	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307403	45	IBF003	4	5	12g45 - 17g05	B1-808	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502353	45	IBF003	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006203	45	IBF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-807	08/08/25 - 12/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000406	45	IBF003	6	5	07g10 - 11g30	B1-807	08/08/25 - 12/09/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25C1BUS50308004	45	IBF004	5	5	07g10 - 11g30	B1-807	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	2	25C1BUS50313704	45	IBF004	7	5	07g10 - 11g30	B2-104	20/09/25 - 25/10/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	EN	3	25C1BUS50307804	45	IBF004	5	5	07g10 - 11g30	B1-807	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-211	26/08/25	
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1BUS50320704	45	IBF004	5	5	12g45 - 17g05	B1-807	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	09/09/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307404	45	IBF004	5	5	12g45 - 17g05	B1-807	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502354	45	IBF004	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006204	45	IBF004	7	5	12g45 - 17g05	B1-806	09/08/25 - 13/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000407	45	IBF004	7	5	07g10 - 11g30	B1-806	09/08/25 - 13/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304401	55	KM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-403	09/08/25 - 04/10/25	
Hành vi người tiêu dùng		3	25C1MAR50302101	55	KM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-403	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị bán hàng		3	25C1COM50318801	55	KM0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-801	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502359	55	KM0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25C1BUS50318501	55	KM0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-403	09/08/25 - 04/10/25	
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304402	55	KM0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-406	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	22/08/25	
Hành vi người tiêu dùng		3	25C1MAR50302102	55	KM0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-406	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị bán hàng		3	25C1COM50318802	55	KM0002	4	5	12g45 - 17g05	B1-801	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502360	55	KM0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25C1BUS50318502	55	KM0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-403	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	29/08/25	
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304403	35	KMP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-406	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	13/09/25	
Hành vi người tiêu dùng		3	25C1MAR50302103	35	KMP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-406	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị bán hàng	EN	3	25C1COM50311902	35	KMP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-805	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	30/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502362	35	KMP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25C1BUS50318503	35	KMP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-406	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	06/09/25	
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304404	35	KMP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-406	06/08/25 - 01/10/25	
Hành vi người tiêu dùng		3	25C1MAR50302104	35	KMP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-406	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị bán hàng	EN	3	25C1COM50311903	35	KMP002	6	5	12g45 - 17g05	B1-805	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502363	35	KMP002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25C1BUS50318504	35	KMP002	4	5	12g45 - 17g05	N1-406	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 (KM0,KMP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ		3	25C1MAR50303101	55	HPTC.I.K M0_01	7	5	07g10 - 11g30	N1-403	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị dịch vụ		3	25C1COM50304101	55	HPTC.I.K M0_02	2	5	12g45 - 17g05	N1-403	06/10/25 - 01/12/25	
Marketing dịch vụ		3	25C1MAR50303102	35	HPTC.I.K MP_01	3	5	12g45 - 17g05	N1-406	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị dịch vụ		3	25C1COM50304102	35	HPTC.I.K MP_02	4	5	12g45 - 17g05	N1-406	08/10/25 - 03/12/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (KM0) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301207	55	HPTC.II.K M0_01	3	5	12g45 - 17g05	B1-801	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	04/09/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302207	55	HPTC.II.K M0_02	4	5	07g10 - 11g30	B1-801	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (KMP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307409	35	HPTC.II.K MP_01	5	5	07g10 - 11g30	B1-808	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	23/08/25	
Thương mại quốc tế	EN	3	25C1BUS50311006	35	HPTC.II.K MP_02	6	5	07g10 - 11g30	B1-805	08/08/25 - 03/10/25	

CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giao tiếp kinh doanh	EN	3	25C1BUS50327301	40	KMF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-807	11/10/25 - 06/12/25	
Hành vi người tiêu dùng	EN	3	25C1BUS50308801	40	KMF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-807	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị bán hàng	EN	3	25C1COM50311901	40	KMF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-801	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502361	40	KMF001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số	EN	3	25C1BUS50321601	40	KMF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-807	11/10/25 - 06/12/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000408	40	KMF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-807	05/08/25 - 16/09/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 (KMF) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ	EN	3	25C1BUS50327401	40	HPTC.I.K MF_KMF0 01	7	5	12g45 - 17g05	B1-807	09/08/25 - 04/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (KMF) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thương mại quốc tế	EN	3	25C1BUS50311005	40	HPTC.II.K MF_KMF0 01	3	5	07g10 - 11g30	B1-801	07/10/25 - 02/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử		3	25C1BUS50312401	40	LM0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-402	02/10/25 - 04/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313111	40	LM0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-101	27/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317801	40	LM0001	7	5	07g10 - 11g30	B1-805	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C1BUS50301208	40	LM0001	7	5	12g45 - 17g05	B1-808	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502364	40	LM0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Vận tải và bảo hiểm		3	25C1BUS50312301	40	LM0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-402	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	26/08/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25C1BUS50313001	40	LM0001,A RIB1.K48	7	5	07g10 - 11g30	B1-805	11/10/25 - 06/12/25	
Chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử		3	25C1BUS50312402	35	LMP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-402	10/10/25 - 05/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313112	35	LMP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-101	28/10/25 - 02/12/25	
Mô phỏng kinh doanh	EN	3	25C1BUS50307902	35	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-807	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310902	35	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-807	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	03/09/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307411	35	LMP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-807	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	27/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502366	35	LMP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Vận tải và bảo hiểm		3	25C1BUS50312302	35	LMP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-402	08/08/25 - 03/10/25	

CT TA TP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử	EN	3	25C1BUS50328801	40	LMF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-808	08/08/25 - 03/10/25	
Mô phỏng kinh doanh	EN	3	25C1BUS50307901	40	LMF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-808	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	10/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310901	40	LMF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-808	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	2	25C1BUS50313705	40	LMF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-104	27/10/25 - 01/12/25	
Quản trị xuất nhập khẩu	EN	3	25C1BUS50307410	40	LMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-808	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502365	40	LMF001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000409	40	LMF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-808	04/08/25 - 15/09/25	
Vận tải và bảo hiểm	EN	3	25C1BUS50314701	40	LMF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-808	10/10/25 - 05/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH MARKKETING KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH MARKETING KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313113	45	MR0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-102	05/08/25 - 16/09/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C1BUS50317901	45	MR0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-203	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị marketing		3	25C1MAR50301801	45	MR0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-406	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị thương hiệu		3	25C1MAR50302902	45	MR0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-406	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502367	45	MR0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Truyền thông Marketing tích hợp		3	25C1MAR50319501	45	MR0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-406	11/10/25 - 06/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313114	45	MR0002	4	5	07g10 - 11g30	B2-101	06/08/25 - 10/09/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C1BUS50317902	45	MR0002	4	5	07g10 - 11g30	B2-202	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị marketing		3	25C1MAR50301802	45	MR0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-406	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	29/08/25	
Quản trị thương hiệu		3	25C1MAR50302903	45	MR0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-406	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502368	45	MR0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Truyền thông Marketing tích hợp		3	25C1MAR50319502	45	MR0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-401	06/10/25 - 01/12/25	
ERP (SCM)		2	25C1BUS50313115	40	MRP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-103	07/08/25 - 11/09/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25C1BUS50320802	40	MRP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-202	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị marketing		3	25C1MAR50301803	40	MRP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	30/08/25	
Quản trị thương hiệu		3	25C1MAR50302904	40	MRP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-502	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502370	40	MRP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Truyền thông Marketing tích hợp		3	25C1MAR50319503	40	MRP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	23/08/25	

HP TỰ CHỌN (MR0) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị đổi mới sáng tạo		3	25C1BUS50319601	45	HPTC.I.M R0_01	3	5	07g10 - 11g30	B2-301	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	28/08/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25C1COM50302401	45	HPTC.I.M R0_02	4	5	12g45 - 17g05	B2-205	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN (MRP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị đổi mới sáng tạo (EN)	EN	3	25C1BUS50319702	40	HPTC.I.M RP_MRP00 1	5	5	12g45 - 17g05	B2-205	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-212	16/08/25	

CT TA TP] NGÀNH MARKETING KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307301	35	MRF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-705	08/08/25 - 12/09/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25C1BUS50320801	35	MRF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-808	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng trong hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	2	25C1BUS50313706	35	MRF001	6	5	07g10 - 11g30	B2-101	19/09/25 - 24/10/25	
Quản trị marketing	EN	3	25C1MAR50311301	35	MRF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-705	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-108	12/08/25	
Quản trị thương hiệu	EN	3	25C1BUS50327701	35	MRF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-705	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502369	35	MRF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Truyền thông Marketing tích hợp	EN	3	25C1BUS50327901	35	MRF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-805	02/10/25 - 04/12/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000410	35	MRF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-302	09/08/25 - 13/09/25	

HP TỰ CHỌN (MRP, MRF) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	EN	3	25C1BUS50321701	40	HPTC.LM RF.MRP_0 1bs	7	5	07g10 - 11g30	B1-506	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị đổi mới sáng tạo (EN)	EN	3	25C1BUS50319701	35	HPTC.LM RF_MRF00 1	7	5	07g10 - 11g30	B1-705	09/08/25 - 04/10/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212509	15	DB0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-705	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502397	15	DB0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính số cho nhà quản trị		3	25C1MAN50217901	15	DB0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-705	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-507	28/08/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900801	50	DB0001,D BP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-301	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số		3	25C1MAN50217801	50	DB0001,D BP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-301	09/08/25 - 04/10/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201009	50	DB0001,D BP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-302	11/10/25 - 06/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212409	50	DB0001,D BP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-302	09/08/25 - 04/10/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215008	35	DBP001	3	5	12g45 - 17g05	B1-805	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502398	35	DBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính số cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50220401	35	DBP001	3	5	12g45 - 17g05	B1-805	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-507	04/09/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212510	65	EM0001	7	5	07g10 - 11g30	B1-402	11/10/25 - 06/12/25	
Mô hình kinh doanh		3	25C1MAN50205601	65	EM0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-105	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị sáng tạo và đổi mới		3	25C1MAN50203701	65	EM0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-105	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	12/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502399	65	EM0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201010	65	EM0001	7	5	12g45 - 17g05	B1-402	09/08/25 - 04/10/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212410	65	EM0001	7	5	12g45 - 17g05	B1-402	11/10/25 - 06/12/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212511	43	EMP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-203	06/10/25 - 01/12/25	
Mô hình kinh doanh		3	25C1MAN50205602	43	EMP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-301	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị sáng tạo và đổi mới		3	25C1MAN50203702	43	EMP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-301	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023100	43	EMP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201011	43	EMP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-507	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	20/08/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212411	43	EMP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-507	06/10/25 - 01/12/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212501	60	AD0001	4	5	07g10 - 11g30	A104a	06/08/25 - 01/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201701	60	AD0001	4	5	07g10 - 11g30	A104a	08/10/25 - 03/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201801	60	AD0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-104	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	29/08/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201901	60	AD0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-104	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502380	60	AD0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201001	60	AD0001	4	5	12g45 - 17g05	A104a	08/10/25 - 03/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212401	60	AD0001	4	5	12g45 - 17g05	A104a	06/08/25 - 01/10/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212502	60	AD0002	5	5	07g10 - 11g30	A104a	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	A401	23/08/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201702	60	AD0002	5	5	07g10 - 11g30	A104a	02/10/25 - 04/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201802	60	AD0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-104	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	30/08/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201902	60	AD0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-104	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502381	60	AD0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201002	60	AD0002	5	5	12g45 - 17g05	A104a	02/10/25 - 04/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212402	60	AD0002	5	5	12g45 - 17g05	A104a	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	A401	16/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212503	60	AD0003	6	5	07g10 - 11g30	A104a	08/08/25 - 03/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201703	60	AD0003	6	5	07g10 - 11g30	A104a	10/10/25 - 05/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201803	60	AD0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-104	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201903	60	AD0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-104	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502382	60	AD0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201003	60	AD0003	6	5	12g45 - 17g05	A104a	10/10/25 - 05/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212403	60	AD0003	6	5	12g45 - 17g05	A104a	08/08/25 - 03/10/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212504	60	AD0004	7	5	07g10 - 11g30	A104a	09/08/25 - 04/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201704	60	AD0004	7	5	07g10 - 11g30	A104a	11/10/25 - 06/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201804	60	AD0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-104	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	23/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201904	60	AD0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-104	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502383	60	AD0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201004	60	AD0004	7	5	12g45 - 17g05	A303	11/10/25 - 06/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212404	60	AD0004	7	5	12g45 - 17g05	A303	09/08/25 - 04/10/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212505	60	AD0005	2	5	07g10 - 11g30	A104a	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	A401	20/08/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201705	60	AD0005	2	5	07g10 - 11g30	A104a	06/10/25 - 01/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201805	60	AD0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-104	08/08/25 - 03/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201905	60	AD0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-104	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502384	60	AD0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201005	60	AD0005	2	5	12g45 - 17g05	A104a	06/10/25 - 01/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212405	60	AD0005	2	5	12g45 - 17g05	A104a	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	A401	13/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212506	60	AD0006	3	5	07g10 - 11g30	A104a	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	A401	21/08/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201706	60	AD0006	3	5	07g10 - 11g30	A104a	07/10/25 - 02/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201806	60	AD0006	7	5	07g10 - 11g30	N2-104	09/08/25 - 04/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201906	60	AD0006	7	5	07g10 - 11g30	N2-104	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502385	60	AD0006	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201006	60	AD0006	3	5	12g45 - 17g05	A104a	07/10/25 - 02/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212406	60	AD0006	3	5	12g45 - 17g05	A104a	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	A401	14/08/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212507	60	AD0007	4	5	12g45 - 17g05	A201	06/08/25 - 01/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201707	60	AD0007	4	5	12g45 - 17g05	A201	08/10/25 - 03/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201807	60	AD0007	2	5	12g45 - 17g05	N2-104	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	19/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201907	60	AD0007	2	5	12g45 - 17g05	N2-104	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502386	60	AD0007	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201007	60	AD0007	4	5	07g10 - 11g30	A201	08/10/25 - 03/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212407	60	AD0007	4	5	07g10 - 11g30	A201	06/08/25 - 01/10/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C1MAN50212508	60	AD0008	5	5	12g45 - 17g05	A201	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A401	23/08/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C1MAN50201708	60	AD0008	5	5	12g45 - 17g05	A201	02/10/25 - 04/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201808	60	AD0008	3	5	12g45 - 17g05	N2-104	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-511	27/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201908	60	AD0008	3	5	12g45 - 17g05	N2-104	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502387	60	AD0008	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Thẩm định dự án		3	25C1MAN50201008	60	AD0008	5	5	07g10 - 11g30	A201	02/10/25 - 04/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C1MAN50212408	60	AD0008	5	5	07g10 - 11g30	A201	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A401	16/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215003	50	ADP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-206	08/08/25 - 03/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210103	50	ADP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-206	10/10/25 - 05/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201809	50	ADP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-104	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201909	50	ADP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-104	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502390	50	ADP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209503	50	ADP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-302	08/08/25 - 03/10/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210703	50	ADP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-302	10/10/25 - 05/12/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215004	50	ADP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-303	09/08/25 - 04/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210104	50	ADP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-303	11/10/25 - 06/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201810	50	ADP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-104	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-511	23/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201910	50	ADP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-104	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502391	50	ADP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209504	50	ADP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-205	09/08/25 - 04/10/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210704	50	ADP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-205	11/10/25 - 06/12/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215005	50	ADP003	2	5	12g45 - 17g05	B2-206	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	24/09/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210105	50	ADP003	2	5	12g45 - 17g05	B2-206	06/10/25 - 01/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201811	50	ADP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-104	08/08/25 - 03/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201911	50	ADP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-104	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502392	50	ADP003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209505	50	ADP003	2	5	07g10 - 11g30	B2-301	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	17/09/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210705	50	ADP003	2	5	07g10 - 11g30	B2-301	06/10/25 - 01/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215006	50	ADP004	3	5	12g45 - 17g05	B2-301	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	25/09/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210106	50	ADP004	3	5	12g45 - 17g05	B2-301	07/10/25 - 02/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201812	50	ADP004	7	5	12g45 - 17g05	N2-104	09/08/25 - 04/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201912	50	ADP004	7	5	12g45 - 17g05	N2-104	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502393	50	ADP004	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209506	50	ADP004	3	5	07g10 - 11g30	B2-303	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	18/09/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210706	50	ADP004	3	5	07g10 - 11g30	B2-303	07/10/25 - 02/12/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215007	50	ADP005	4	5	07g10 - 11g30	B2-206	06/08/25 - 01/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210107	50	ADP005	4	5	07g10 - 11g30	B2-206	08/10/25 - 03/12/25	
Lãnh đạo		3	25C1MAN50201813	50	ADP005	2	5	07g10 - 11g30	N2-301	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	05/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25C1MAN50201913	50	ADP005	2	5	07g10 - 11g30	N2-301	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502394	50	ADP005	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209507	50	ADP005	4	5	12g45 - 17g05	B2-206	06/08/25 - 01/10/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210707	50	ADP005	4	5	12g45 - 17g05	B2-206	08/10/25 - 03/12/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215001	50	ADF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-802	06/08/25 - 01/10/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210101	50	ADF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-802	08/10/25 - 03/12/25	
Lãnh đạo	EN	3	25C1MAN50210201	50	ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-801	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	15/08/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002602	50	ADF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-804	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị	EN	3	25C1MAN50210301	50	ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-801	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị sự thay đổi	EN	2	25C1MAN50215301	50	ADF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-807	27/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502388	50	ADF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209501	50	ADF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-802	08/10/25 - 03/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210701	50	ADF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-802	06/08/25 - 01/10/25	
Chiến lược marketing cho nhà quản trị	EN	3	25C1MAN50215002	50	ADF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-801	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-212	30/08/25	
Lập kế hoạch kinh doanh	EN	3	25C1MAN50210102	50	ADF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-801	02/10/25 - 04/12/25	
Lãnh đạo	EN	3	25C1MAN50210202	50	ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-807	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-212	16/08/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002603	50	ADF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-808	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển kỹ năng quản trị	EN	3	25C1MAN50210302	50	ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-807	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị sự thay đổi	EN	2	25C1MAN50215302	50	ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-507	28/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502389	50	ADF002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Thẩm định dự án	EN	3	25C1MAN50209502	50	ADF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-808	02/10/25 - 04/12/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25C1MAN50210702	50	ADF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-808	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-212	23/08/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ y tế		3	25C1MAN50214301	65	BV0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-402	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị bệnh án		3	25C1MAN50207101	65	BV0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-402	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chất lượng dịch vụ bệnh viện		3	25C1MAN50208401	65	BV0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-402	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chiến lược bệnh viện		3	25C1MAN50214001	65	BV0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-402	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-307	23/08/25	
Quản trị chuỗi cung ứng dược và thiết bị y tế bệnh viện		3	25C1MAN50214101	65	BV0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-402	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-307	30/08/25	
Quản trị hệ thống thông tin bệnh viện		3	25C1MAN50208001	65	BV0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-402	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-307	16/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502395	65	BV0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
ERP (HRM)		2	25C1INF50906001	31	BV0001.1	5	5	12g45 - 17g05	B2-102	23/10/25 - 04/12/25	
ERP (HRM)		2	25C1INF50906002	31	BV0001.2	7	5	07g10 - 11g30	B2-103	09/08/25 - 13/09/25	
ERP (HRM)		2	25C1INF50906003	30	BVP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-101	31/10/25 - 05/12/25	
Marketing dịch vụ y tế		3	25C1MAN50214302	30	BVP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-406	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị bệnh án		3	25C1MAN50207102	30	BVP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-506	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị chất lượng dịch vụ bệnh viện		3	25C1MAN50208402	30	BVP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-506	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị chiến lược bệnh viện	EN	3	25C1MAN50218901	30	BVP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-506	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị chuỗi cung ứng dược và thiết bị y tế bệnh viện		3	25C1MAN50214102	30	BVP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-406	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị hệ thống thông tin bệnh viện		3	25C1MAN50208002	30	BVP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-506	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502396	30	BVP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509601	55	FN0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-302	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	19/09/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501601	55	FN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-302	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	12/09/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509001	55	FN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-302	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023102	55	FN0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501401	55	FN0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-202	08/10/25 - 03/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509501	55	FN0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-301	06/08/25 - 01/10/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508602	55	FN0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-301	08/10/25 - 03/12/25	
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509602	55	FN0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-302	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	27/09/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501602	55	FN0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-302	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	20/09/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509002	55	FN0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-302	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023103	55	FN0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501402	55	FN0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-203	02/10/25 - 04/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509502	55	FN0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-301	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-212	06/09/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508603	55	FN0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-301	02/10/25 - 04/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509603	55	FN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-302	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501603	55	FN0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-302	06/08/25 - 01/10/25	
Sắp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509003	55	FN0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-302	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023104	55	FN0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501403	55	FN0003	6	5	12g45 - 17g05	B2-204	10/10/25 - 05/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509503	55	FN0003	6	5	07g10 - 11g30	B2-303	08/08/25 - 03/10/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508604	55	FN0003	6	5	07g10 - 11g30	B2-303	10/10/25 - 05/12/25	
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509604	55	FN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-302	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	12/08/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501604	55	FN0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-303	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	19/08/25	
Sắp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509004	55	FN0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-303	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023105	55	FN0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501404	55	FN0004	7	5	12g45 - 17g05	B2-301	11/10/25 - 06/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509504	55	FN0004	7	5	07g10 - 11g30	B2-206	09/08/25 - 04/10/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508605	55	FN0004	7	5	07g10 - 11g30	B2-206	11/10/25 - 06/12/25	
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509605	55	FN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-301	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501605	55	FN0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-302	08/08/25 - 03/10/25	
Sắp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509005	55	FN0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-302	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023106	55	FN0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501405	55	FN0005	2	5	12g45 - 17g05	B2-204	06/10/25 - 01/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509505	55	FN0005	2	5	07g10 - 11g30	B2-302	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	27/08/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508606	55	FN0005	2	5	07g10 - 11g30	B2-302	06/10/25 - 01/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509606	55	FNP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-304	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501606	55	FNP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-303	09/08/25 - 04/10/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509006	55	FNP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-303	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023109	55	FNP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505403	55	FNP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-302	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	18/09/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504703	55	FNP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-304	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	11/09/25	
Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	EN	3	25C1FIN50510703	55	FNP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-304	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509607	55	FNP002	2	5	07g10 - 11g30	N2-303	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501607	55	FNP002	2	5	12g45 - 17g05	N2-303	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	05/09/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509007	55	FNP002	2	5	12g45 - 17g05	N2-303	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023110	55	FNP002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505404	55	FNP002	4	5	07g10 - 11g30	B2-302	06/08/25 - 01/10/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504704	55	FNP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-301	06/08/25 - 01/10/25	
Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	EN	3	25C1FIN50510704	55	FNP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-301	08/10/25 - 03/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509608	55	FNP003	3	5	07g10 - 11g30	N2-303	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501608	55	FNP003	3	5	12g45 - 17g05	N2-303	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	16/08/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509008	55	FNP003	3	5	12g45 - 17g05	N2-303	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023111	55	FNP003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505405	55	FNP003	5	5	07g10 - 11g30	B2-302	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-212	30/08/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504705	55	FNP003	5	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-212	23/08/25	
Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	EN	3	25C1FIN50510705	55	FNP003	5	5	12g45 - 17g05	B2-206	02/10/25 - 04/12/25	
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509609	55	FNP004	4	5	07g10 - 11g30	N2-303	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501609	55	FNP004	4	5	12g45 - 17g05	N2-303	06/08/25 - 01/10/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25C1FIN50509009	55	FNP004	4	5	12g45 - 17g05	N2-303	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023112	55	FNP004	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505406	55	FNP004	6	5	07g10 - 11g30	B2-304	08/08/25 - 03/10/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504706	55	FNP004	6	5	12g45 - 17g05	B2-301	08/08/25 - 03/10/25	
Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	EN	3	25C1FIN50510706	55	FNP004	6	5	12g45 - 17g05	B2-301	10/10/25 - 05/12/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002604	42	FNF001	7	5	07g10 - 11g30	B2-301	09/08/25 - 13/09/25	
Sắp nhập, Mua lại và Tái cấu trúc doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50511901	42	FNF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-706	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023107	42	FNF001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505401	42	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-706	06/10/25 - 01/12/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25C1FIN50504601	42	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-706	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	13/08/25	
Tài chính định lượng	EN	3	25C1FIN50505101	42	FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-102	06/10/25 - 01/12/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504701	42	FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-706	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	20/08/25	
Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	EN	3	25C1FIN50510701	42	FNF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-706	08/08/25 - 03/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002605	42	FNF002	2	5	07g10 - 11g30	B1-707	04/08/25 - 15/09/25	
Sắp nhập, Mua lại và Tái cấu trúc doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50511902	42	FNF002	7	5	12g45 - 17g05	B1-707	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023108	42	FNF002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505402	42	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-706	07/10/25 - 02/12/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25C1FIN50504602	42	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-706	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	28/08/25	
Tài chính định lượng	EN	3	25C1FIN50505102	42	FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B2-102	07/10/25 - 02/12/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504702	42	FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-706	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	04/09/25	
Điều hành công ty cổ phần và Đạo đức trong tài chính	EN	3	25C1FIN50510702	42	FNF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-507	09/08/25 - 04/10/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25C1FIN50501001	50	FI0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-302	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích kỹ thuật		3	25C1FIN50502201	50	FI0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-302	11/10/25 - 06/12/25	
Sản phẩm phái sinh		3	25C1FIN50501501	50	FI0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-303	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023101	50	FI0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính		3	25C1FIN50508601	50	FI0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-303	11/10/25 - 06/12/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích rủi ro và mô hình hóa		3	25C1FIN50508701	50	HPTC.I.FI0 _FI0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-101	07/10/25 - 02/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 49 ĐHCQ + [CT SN TH] SONG NGÀNH BẢO HIỂM VÀ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng tài chính		3	25C1FIN50500401	50	IN0001,INF N1.K49	2	5	07g10 - 11g30	B2-501	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	29/08/25	
Quản trị tài chính kế toán bảo hiểm		3	25C1FIN50503101	50	IN0001,INF N1.K49	2	5	07g10 - 11g30	B2-501	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023116	50	IN0001,INF N1.K49	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính quốc tế		3	25C1FIN50508501	50	IN0001,INF N1.K49	4	5	07g10 - 11g30	B2-501	06/08/25 - 01/10/25	
Thị trường và dịch vụ bảo hiểm phi hàng hải		3	25C1FIN50507601	50	IN0001,INF N1.K49	2	5	12g45 - 17g05	B2-501	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	22/08/25	
Thị trường và dịch vụ tái bảo hiểm		3	25C1FIN50507701	50	IN0001,INF N1.K49	2	5	12g45 - 17g05	B2-501	06/10/25 - 01/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509507	50	IN0001,INF N1.K49	4	5	07g10 - 11g30	B2-501	08/10/25 - 03/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023113	25	IF0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C1FIN50501406	25	IF0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-203	11/10/25 - 06/12/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25C1FIN50500301	25	IF0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-304	11/10/25 - 06/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50509506	25	IF0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-304	09/08/25 - 04/10/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25C1FIN50501002	50	IF0001,IFP002	5	5	07g10 - 11g30	N2-304	09/10/25 - 04/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-510	18/11/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501610	50	IF0001,IFP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-303	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-510	12/08/25	
Thị trường tài chính quốc tế		3	25C1FIN50501801	50	IF0001,IFP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-303	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25C1FIN50501003	33	IFP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-303	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C1FIN50501611	33	IFP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-302	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023114	33	IFP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505407	33	IFP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-204	06/10/25 - 01/12/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25C1FIN50504603	33	IFP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-301	06/10/25 - 01/12/25	
Thị trường tài chính quốc tế		3	25C1FIN50501802	33	IFP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-302	10/10/25 - 05/12/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504707	33	IFP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-301	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	27/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023115	30	IFP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính công ty đa quốc gia	EN	3	25C1FIN50505408	30	IFP002	7	5	12g45 - 17g05	B1-707	11/10/25 - 06/12/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25C1FIN50504604	30	IFP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-302	11/10/25 - 06/12/25	
Đầu tư tài chính	EN	3	25C1FIN50504708	30	IFP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-302	09/08/25 - 04/10/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án lữ hành		3	25C1TOU51509301	55	TS0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-201	11/10/25 - 06/12/25	
Hướng dẫn du lịch		3	25C1TOU51502101	55	TS0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-203	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	14/08/25	
Phát triển dịch vụ lữ hành		3	25C1TOU51502001	55	TS0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-201	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong du lịch		3	25C1TOU51509401	55	TS0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-201	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị điểm đến		3	25C1TOU51509201	55	TS0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-201	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023145	55	TS0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Điểm đến du lịch toàn cầu		3	25C1TOU51509102	55	TS0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-203	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	21/08/25	
Dự án lữ hành		3	25C1TOU51509302	55	TS0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-202	06/10/25 - 01/12/25	
Hướng dẫn du lịch		3	25C1TOU51502102	55	TS0002	4	5	07g10 - 11g30	B2-202	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển dịch vụ lữ hành		3	25C1TOU51502002	55	TS0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-201	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	29/08/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong du lịch		3	25C1TOU51509402	55	TS0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-202	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	22/08/25	
Quản trị điểm đến		3	25C1TOU51509202	55	TS0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-201	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023146	55	TS0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Điểm đến du lịch toàn cầu		3	25C1TOU51509103	55	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	B2-202	06/08/25 - 01/10/25	
Dự án lữ hành		3	25C1TOU51509303	45	TSP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-202	07/10/25 - 02/12/25	
Hướng dẫn du lịch	EN	3	25C1TOU51514701	45	TSP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-202	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	16/08/25	
Phát triển dịch vụ lữ hành		3	25C1TOU51502003	45	TSP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-202	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	30/08/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong du lịch		3	25C1TOU51509403	45	TSP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-202	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	06/09/25	
Quản trị điểm đến		3	25C1TOU51509203	45	TSP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-202	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023147	45	TSP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Điểm đến du lịch toàn cầu		3	25C1TOU51509101	45	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-202	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	23/08/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án hiệu khách		3	25C1TOU51507301	40	KS0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-203	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống thông tin trong khách sạn		3	25C1HOT51503901	40	KS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-202	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị dịch vụ lưu trú		3	25C1TOU51507001	40	KS0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-202	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị nhà hàng		3	25C1TOU51504301	40	KS0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-202	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong khách sạn		3	25C1TOU51507201	40	KS0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-202	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị sự kiện và hội nghị		3	25C1HOT51504601	40	KS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-202	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502320	40	KS0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Vận hành dịch vụ buồng		3	25C1HOT51503001	40	KS0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-202	08/10/25 - 03/12/25	
Dự án hiệu khách	EN	3	25C1TOU51513701	30	KSP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-202	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	21/08/25	
Hệ thống thông tin trong khách sạn		3	25C1HOT51503902	30	KSP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-202	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị dịch vụ lưu trú		3	25C1TOU51507002	30	KSP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-202	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị nhà hàng		3	25C1TOU51504302	30	KSP001	7	5	07g45 - 12g05	N2-202	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong khách sạn		3	25C1TOU51507202	30	KSP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-202	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị sự kiện và hội nghị		3	25C1HOT51504602	30	KSP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-202	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	14/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502321	30	KSP001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Vận hành dịch vụ buồng		3	25C1HOT51503002	30	KSP001	7	5	07g45 - 12g05	N2-202	11/10/25 - 06/12/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án sự kiện và dịch vụ giải trí		3	25C1EVE51508301	50	SK0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-203	11/10/25 - 06/12/25	
Hoạch định sự kiện		3	25C1EVE51505201	50	SK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-202	02/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn dịch vụ giải trí		3	25C1EVE51508501	50	SK0001	7	5	07g45 - 12g05	B2-202	09/08/25 - 04/10/25	
Nhập môn về sự kiện		3	25C1EVE51503601	50	SK0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-203	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	12/08/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong sự kiện và giải trí		3	25C1EVE51508401	50	SK0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-202	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502322	50	SK0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tiếp thị sự kiện và giải trí		3	25C1EVE51506101	50	SK0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-203	02/10/25 - 04/12/25	
Dự án sự kiện và dịch vụ giải trí	EN	3	25C1TOU51513801	35	SKP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-202	06/10/25 - 01/12/25	
Hoạch định sự kiện		3	25C1EVE51505202	35	SKP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-201	10/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn dịch vụ giải trí	EN	3	25C1TOU51514001	35	SKP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-202	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	20/08/25	
Nhập môn về sự kiện		3	25C1EVE51503602	35	SKP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-202	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị quan hệ khách hàng trong sự kiện và giải trí	EN	3	25C1TOU51513901	35	SKP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-202	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502323	35	SKP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tiếp thị sự kiện và giải trí		3	25C1EVE51506102	35	SKP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-202	10/10/25 - 05/12/25	

HP TỰ CHỌN (SK0, SKP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi khách hàng ngành sự kiện và giải trí		3	25C1EVE51505801	50	HPTC.I.SK 0_SK0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-203	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị xếp hàng		3	25C1TOU51507501	35	HPTC.I.SK P_SKP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-202	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	13/08/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BPI] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Core Banking		2	25C1BAN50606501	22	Core Banking_C B_01	2	5	07g10 - 11g30	B2-105	27/10/25 - 01/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606502	22	Core Banking_C B_02	2	5	12g45 - 17g05	B2-105	27/10/25 - 01/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606503	22	Core Banking_C B_03	3	5	07g10 - 11g30	B2-105	28/10/25 - 02/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606504	22	Core Banking_C B_04	3	5	12g45 - 17g05	B2-105	28/10/25 - 02/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606505	22	Core Banking_C B_05	4	5	07g10 - 11g30	B2-105	29/10/25 - 03/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606506	22	Core Banking_C B_06	4	5	12g45 - 17g05	B2-105	29/10/25 - 03/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606507	22	Core Banking_C B_07	5	5	07g10 - 11g30	B2-105	23/10/25 - 04/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606508	22	Core Banking_C B_08	5	5	12g45 - 17g05	B2-105	23/10/25 - 04/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606509	22	Core Banking_C B_09	6	5	07g10 - 11g30	B2-105	31/10/25 - 05/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606510	22	Core Banking_C B_10	6	5	12g45 - 17g05	B2-105	31/10/25 - 05/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606511	22	Core Banking_C B_11	7	5	07g10 - 11g30	B2-105	01/11/25 - 06/12/25	
Core Banking		2	25C1BAN50606512	22	Core Banking_C B_12	7	5	12g45 - 17g05	B2-105	01/11/25 - 06/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25C1BAN50609401	50	NH0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-206	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	16/08/25	
Luật ngân hàng		2	25C1BAN50608501	50	NH0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-501	28/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502372	50	NH0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25C1BAN50609402	50	NH0002	6	5	07g10 - 11g30	B2-301	08/08/25 - 03/10/25	
Luật ngân hàng		2	25C1BAN50608502	50	NH0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-502	29/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502373	50	NH0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25C1BAN50609403	50	NH0003	7	5	07g10 - 11g30	B2-204	09/08/25 - 04/10/25	
Luật ngân hàng		2	25C1BAN50608503	50	NH0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-406	23/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502374	50	NH0003	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25C1BAN50609404	45	NHP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-206	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	13/08/25	
Luật ngân hàng		2	25C1BAN50608504	45	NHP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-406	31/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502376	45	NHP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25C1BAN50609405	45	NHP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-302	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	06/09/25	
Luật ngân hàng		2	25C1BAN50608505	45	NHP002	7	5	12g45 - 17g05	N1-501	01/11/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502377	45	NHP002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 (NH0, NHP) [Chọn 2 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601601	50	HPTC.I.NH 0_01	3	5	07g45 - 12g05	N1-502	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	20/09/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25C1MAN50201401	50	HPTC.I.NH 0_01	3	5	07g10 - 11g30	N1-502	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích và định giá chứng khoán		3	25C1BAN50609201	48	HPTC.I.NH 0_01bs	3	5	07g45 - 12g05	N1-306	07/10/25 - 02/12/25	
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601602	50	HPTC.I.NH 0_02	4	5	07g45 - 12g05	N1-502	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25C1MAN50201402	50	HPTC.I.NH 0_02	4	5	07g10 - 11g30	N1-502	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị đầu tư		3	25C1BAN50609301	50	HPTC.I.NH 0_02bs	4	5	07g45 - 12g05	N1-402	08/10/25 - 03/12/25	
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601603	50	HPTC.I.NH 0_03	5	5	07g45 - 12g05	N1-406	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	16/09/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25C1MAN50201403	50	HPTC.I.NH 0_03	5	5	07g10 - 11g30	N1-406	02/10/25 - 04/12/25	
Kiểm toán căn bản		3	25C1ACC50702503	50	HPTC.I.NH 0_03bs	5	5	07g45 - 12g05	N1-405	02/10/25 - 04/12/25	
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601604	45	HPTC.I.NH P_01	6	5	07g45 - 12g05	N1-406	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25C1MAN50201404	45	HPTC.I.NH P_01	6	5	07g10 - 11g30	N1-406	10/10/25 - 05/12/25	
Phân tích và định giá chứng khoán		3	25C1BAN50609202	45	HPTC.I.NH P_01bs	6	5	07g45 - 12g05	N1-303	08/08/25 - 03/10/25	
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601605	45	HPTC.I.NH P_02	7	5	07g45 - 12g05	N1-501	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25C1MAN50201405	45	HPTC.I.NH P_02	7	5	07g10 - 11g30	N1-501	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị đầu tư		3	25C1BAN50609302	45	HPTC.I.NH P_02bs	7	5	07g45 - 12g05	N1-402	11/10/25 - 06/12/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (NH0, NHP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing ngân hàng		3	25C1BAN50601801	50	HPTC.II.N H0_01	3	5	12g45 - 17g05	N1-501	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	27/09/25	
Fintech trong ngân hàng		3	25C1BAN50607501	50	HPTC.II.N H0_02	4	5	12g45 - 17g05	N1-502	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị ngân quỹ		3	25C1BAN50601501	50	HPTC.II.N H0_03	5	5	12g45 - 17g05	N1-406	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	09/09/25	
Marketing ngân hàng		3	25C1BAN50601802	50	HPTC.II.N H0_03bs	5	5	12g45 - 17g05	N1-405	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	23/09/25	
Marketing ngân hàng		3	25C1BAN50601803	45	HPTC.II.N HP_01	6	5	12g45 - 17g05	N1-406	08/08/25 - 03/10/25	
Fintech trong ngân hàng		3	25C1BAN50607502	45	HPTC.II.N HP_02	7	5	12g45 - 17g05	N1-501	09/08/25 - 04/10/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	EN	3	25C1BAN50612401	20	NHF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-506	10/10/25 - 05/12/25	
Luật ngân hàng	EN	2	25C1BAN50612501	20	NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-705	29/10/25 - 03/12/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002601	20	NHF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-506	08/08/25 - 12/09/25	
Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	EN	3	25C1BAN50605601	20	NHF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-506	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502375	20	NHF001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006205	20	NHF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-705	04/08/25 - 15/09/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 (NHF) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing ngân hàng	EN	3	25C1BAN50606101	20	HPTC.I.NH F_NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-705	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (NHF) [Chọn 2 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách tiền tệ	EN	3	25C1BAN50606001	20	HPTC.II.N HF_NHF00 1	4	5	07g10 - 11g30	B1-705	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị sự thay đổi	EN	3	25C1MAN50209901	20	HPTC.II.N HF_NHF00 1	4	5	07g10 - 11g30	B1-705	08/10/25 - 03/12/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502378	55	TT0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính cá nhân		3	25C1BAN50611401	55	TT0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-205	06/08/25 - 01/10/25	
Định giá và phân tích chứng khoán		3	25C1BAN50602101	55	TT0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-508	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502379	55	TTP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính cá nhân	EN	3	25C1BAN50611501	55	TTP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-203	02/10/25 - 04/12/25	
Định giá và phân tích chứng khoán		3	25C1BAN50602102	55	TTP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-507	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-507	23/08/25	

HP TỰ CHỌN (TT0, TTP) [Chọn 3 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Fintech trong ngân hàng		3	25C1BAN50607503	50	HPTC.I.TT 0.TTP_01bs	2	5	07g45 - 12g05	N2-103	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-510	15/08/25	
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601606	55	HPTC.I.TT 0_TT0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-301	06/10/25 - 01/12/25	
Kiểm toán căn bản		3	25C1ACC50702504	55	HPTC.I.TT 0_TT0001	2	5	07g45 - 12g05	N2-202	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-510	22/08/25	
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600601	55	HPTC.I.TT 0_TT0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-301	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-510	29/08/25	
Chính sách tiền tệ		3	25C1BAN50601607	55	HPTC.I.TT P_TTP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-301	07/10/25 - 02/12/25	
Kiểm toán căn bản		3	25C1ACC50702505	55	HPTC.I.TT P_TTP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-203	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	13/09/25	
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600602	55	HPTC.I.TT P_TTP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-301	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	20/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn hệ thống máy tính		3	25C1INF50912201	40	CY0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-301	09/08/25 - 04/10/25	
Dịch vụ mạng Internet		3	25C1INF50902501	40	CY0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-301	09/08/25 - 04/10/25	
Kiểm thử thâm nhập		3	25C1INF50912401	40	CY0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-301	11/10/25 - 06/12/25	
Phân tích mã độc		3	25C1INF50912501	40	CY0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-102	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-104	12/08/25	
Phản ứng với sự cố và điều tra số		3	25C1INF50912601	40	CY0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-301	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502303	40	CY0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

[CT chuẩn] NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An ninh thông tin		3	25C1INF50904001	55	IT0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-507	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	13/08/25	
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25C1INF50908503	55	IT0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-507	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	20/08/25	
Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin		2	25C1INF50913901	55	IT0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-507	31/10/25 - 05/12/25	
Quản lý dự án công nghệ thông tin		3	25C1INF50901602	55	IT0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-507	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502310	55	IT0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển ứng dụng Mobile		3	25C1INF50903901	55	HPTC.I.IT_ IT0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-507	06/10/25 - 01/12/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Trí tuệ nhân tạo		3	25C1INF50904201	55	HPTC.II.IT_ IT0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-507	08/08/25 - 03/10/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25C1INF50908502	63	ER0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-507	06/08/25 - 01/10/25	
Marketing căn bản		3	25C1MAR50300101	63	ER0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-401	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	15/08/25	
Quản lý dự án công nghệ thông tin		3	25C1INF50901601	63	ER0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-507	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502309	63	ER0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP trong quản trị kho		3	25C1INF50904801	63	HPTC.I.ER_ER0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-507	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP trong quản trị quan hệ khách hàng		3	25C1INF50905001	63	HPTC.II.E_R_ER0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-507	08/10/25 - 03/12/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25C1INF50908501	50	BI0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-511	08/10/25 - 03/12/25	
Kiến trúc hệ thống		3	25C1INF50900401	50	BI0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-511	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25C1INF50901001	50	BI0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-511	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển ứng dụng Desktop		3	25C1INF50903801	50	BI0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-511	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502301	50	BI0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 2 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701101	50	HPTC.I.BI_ BI0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-201	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	15/08/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C1BUS50317903	50	HPTC.I.BI_ BI0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-201	06/10/25 - 01/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Biểu diễn trực quan dữ liệu		3	25C1INF50908201	45	DS0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-101	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-104	23/08/25	
Khai phá dữ liệu		3	25C1INF50904301	45	DS0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-101	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình phân tích dữ liệu		3	25C1INF50907001	45	DS0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-101	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-104	16/08/25	
Máy học		3	25C1INF50904401	45	DS0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-301	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-306	30/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502304	45	DS0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Xử lý ngôn ngữ tự nhiên		3	25C1INF50907602	45	DS0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-101	02/10/25 - 04/12/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 2 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing kỹ thuật số		3	25C1INF50903201	45	HPTC.I.DS _DS0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-502	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	06/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển ứng dụng Mobile		3	25C1INF50903902	50	SE0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-511	02/10/25 - 04/12/25	
Phát triển ứng dụng web		3	25C1INF50901401	50	SE0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-511	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-512	23/08/25	
Quản lý dự án công nghệ thông tin		3	25C1INF50901603	50	SE0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-511	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502311	50	SE0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Thiết kế giao diện		3	25C1INF50903601	50	SE0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-511	07/10/25 - 02/12/25	
Trí tuệ nhân tạo		3	25C1INF50904202	50	SE0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-511	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-512	06/09/25	
Đảm bảo và kiểm soát chất lượng phần mềm		3	25C1INF50901901	50	SE0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-511	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-512	30/08/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập trình hàm		3	25C1INF50915401	50	CS0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-511	08/08/25 - 03/10/25	
Mạng máy tính		3	25C1INF50902401	50	CS0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-512	06/08/25 - 01/10/25	
Ngôn ngữ hình thức		3	25C1INF50915301	50	CS0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-511	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502302	50	CS0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Xử lý ngôn ngữ tự nhiên		3	25C1INF50907601	50	HPTC.I.CS _CS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-511	10/10/25 - 05/12/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống hỗ trợ ra quyết định		3	25C1INF50916101	50	HPTC.II.C S_CS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-511	08/08/25 - 03/10/25	

[CT chuẩn] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử		3	25C1INF50902901	40	EE0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-301	06/08/25 - 01/10/25	
Công nghệ thương mại điện tử		3	25C1INF50902601	40	EE0001	4	5	12g45 - 17g05	N1-301	06/08/25 - 01/10/25	
Marketing kỹ thuật số		3	25C1INF50903202	40	EE0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-101	08/08/25 - 03/10/25	
Phát triển ứng dụng thương mại điện tử		3	25C1INF50902701	40	EE0001	4	5	12g45 - 17g05	N1-301	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị dự án thương mại điện tử		3	25C1INF50903101	40	EE0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-301	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502305	40	EE0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử		3	25C1INF50902902	40	EE0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-301	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-306	19/08/25	
Công nghệ thương mại điện tử		3	25C1INF50902602	40	EE0002	5	5	12g45 - 17g05	N1-301	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-306	12/08/25	
Marketing kỹ thuật số		3	25C1INF50903203	40	EE0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-101	09/08/25 - 04/10/25	
Phát triển ứng dụng thương mại điện tử		3	25C1INF50902702	40	EE0002	5	5	12g45 - 17g05	N1-301	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị dự án thương mại điện tử		3	25C1INF50903102	40	EE0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-301	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502306	40	EE0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử		3	25C1INF50902903	35	EEP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-301	08/08/25 - 03/10/25	
Công nghệ thương mại điện tử		3	25C1INF50902603	35	EEP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-301	08/08/25 - 03/10/25	
Marketing kỹ thuật số		3	25C1INF50903204	35	EEP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-101	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-104	13/08/25	
Phát triển ứng dụng thương mại điện tử		3	25C1INF50902703	35	EEP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-301	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị dự án thương mại điện tử		3	25C1INF50903103	35	EEP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-301	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502307	35	EEP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử		3	25C1INF50902904	35	EEP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-101	09/08/25 - 04/10/25	
Công nghệ thương mại điện tử		3	25C1INF50902604	35	EEP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-102	09/08/25 - 04/10/25	
Marketing kỹ thuật số		3	25C1INF50903205	35	EEP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-101	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-104	14/08/25	
Phát triển ứng dụng thương mại điện tử		3	25C1INF50902704	35	EEP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-102	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị dự án thương mại điện tử		3	25C1INF50903104	35	EEP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-101	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502308	35	EEP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502312	35	AS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Lập trình nâng cao với R		3	25C1INF50908601	55	AS0001,AS P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-507	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-507	23/08/25	
Lý thuyết đầu tư và thị trường tài chính 2		3	25C1MAT50804601	55	AS0001,AS P001	3	5	12g45 - 17g05	N2-201	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	13/09/25	
Tài chính doanh nghiệp dành cho chuyên viên định phí (Phần 1)		2	25C1FIN50509301	55	AS0001,AS P001	3	5	12g45 - 17g05	N2-201	07/10/25 - 11/11/25	
Thông kê lập mô hình rủi ro 1		2	25C1STA50807901	55	AS0001,AS P001	3	5	07g10 - 11g30	N2-201	07/10/25 - 11/11/25	
Toán bảo hiểm dài hạn 2		3	25C1MAT50805201	55	AS0001,AS P001	5	5	12g45 - 17g05	B2-108	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	30/08/25	
Toán bảo hiểm ngắn hạn 1		3	25C1MAT50804901	55	AS0001,AS P001	3	5	07g10 - 11g30	N2-201	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	06/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502313	20	ASP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công cụ và kỹ thuật trên thị trường tài chính		3	25C1MAT50803601	60	FM0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-201	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế lượng nâng cao		3	25C1MAT50801101	60	FM0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-201	08/10/25 - 03/12/25	
Phương pháp tính		3	25C1MAT50803401	60	FM0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-507	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502314	60	FM0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Toán tài chính nâng cao		3	25C1MAT50801301	60	FM0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-201	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị học		3	25C1MAN50200101	60	HPTC.I.FM _FM0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-201	06/08/25 - 01/10/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THÔNG KÊ KINH DOANH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25C1MAT50800401	55	TK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-201	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	19/08/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301701	55	TK0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-108	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích dữ liệu đa biến		3	25C1STA50802001	55	TK0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-201	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	12/08/25	
Phân tích định lượng trong kinh doanh		3	25C1STA50801901	55	TK0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-108	09/08/25 - 04/10/25	
Phương pháp chọn mẫu		2	25C1STA50806201	55	TK0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-201	02/10/25 - 06/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502315	55	TK0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị thương hiệu		3	25C1MAR50302901	55	HPTC.I.TK _TK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-201	02/10/25 - 04/12/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ mới trong truyền thông		3	25C1MED54802501	40	DD0001	2	5	12g45 - 17g05	B1-409	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-408	08/08/25 - 05/09/25	
Nghệ thuật kể chuyện		3	25C1MED54801501	40	DD0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-808	05/08/25 - 28/10/25	
Seminar 2: Các vấn đề marketing đương đại		1	25C1MED54801001	40	DD0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-407	08/08/25 - 22/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023153	40	DD0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tham quan thực tế - TTS		1	25C1MED54803801	40	DD0001	4	5	07g10 - 11g30	THUCTE	29/10/25 - 03/12/25	
Trải nghiệm và giao diện người dùng		3	25C1MED54812401	40	DD0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-704	07/08/25 - 23/10/25	
Xu hướng truyền thông mới nổi		3	25C1MED54805201	40	DD0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-407	29/08/25 - 14/11/25	
Công nghệ mới trong truyền thông	EN	3	25C1MED54809502	20	DDF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-408	05/08/25 - 26/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-704	06/08/25 - 03/09/25	
Nghệ thuật kể chuyện	EN	3	25C1MED54808201	20	DDF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-506	05/08/25 - 28/10/25	
Seminar 2: Các vấn đề marketing đương đại	EN	1	25C1MED54807701	20	DDF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-406	07/08/25 - 21/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023155	20	DDF001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tham quan thực tế - TTSE	EN	1	25C1MED54810301	20	DDF001	6	5	07g10 - 11g30	THUCTE	31/10/25 - 05/12/25	
Trải nghiệm và giao diện người dùng	EN	3	25C1MED54809301	20	DDF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-704	04/08/25 - 27/10/25	
Xu hướng truyền thông mới nổi	EN	3	25C1MED54808502	20	DDF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-406	28/08/25 - 13/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ mới trong truyền thông	EN	3	25C1MED54809501	40	DDP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-405	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-405	08/08/25 - 05/09/25	
Nghệ thuật kể chuyện		3	25C1MED54801502	40	DDP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-405	06/08/25 - 22/10/25	
Seminar 2: Các vấn đề marketing đương đại		1	25C1MED54801002	40	DDP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-704	05/08/25 - 19/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023154	40	DDP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tham quan thực tế - TTS		1	25C1MED54803802	40	DDP001	2	5	12g45 - 17g05	THUCTE	27/10/25 - 01/12/25	
Trải nghiệm và giao diện người dùng		3	25C1MED54812402	40	DDP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-708	06/08/25 - 22/10/25	
Xu hướng truyền thông mới nổi	EN	3	25C1MED54808501	40	DDP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-704	26/08/25 - 18/11/25	
Tương tác người - máy		3	25C1MED54802101	40	HPTC.I.DD 0_DD0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-405	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-505	07/08/25 - 04/09/25	
Tương tác người - máy	EN	3	25C1MED54809101	20	HPTC.I.DD F_DDF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-506	04/08/25 - 25/08/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-509	06/08/25 - 03/09/25	
Tương tác người - máy		3	25C1MED54802102	40	HPTC.I.DD P_DDP001	5	5	07g10 - 11g30	B1-804	07/08/25 - 04/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-409	08/08/25 - 29/08/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Seminar: Công nghệ và đô thị thông minh		2	25C1ARC51203701	50	HPTC.I.SC 0.SCP_01	5	5	12g45 - 17g05	B2-502	14/08/25 - 25/09/25	
Seminar: Tư duy doanh nhân và khởi nghiệp		2	25C1ARC51203601	50	HPTC.I.SC 0.SCP_01	5	5	07g10 - 11g30	B2-503	14/08/25 - 25/09/25	
Thiết kế tích hợp		3	25C1ARC54902401	50	HPTC.II.S C0.SCP_01	5	5	12g45 - 17g05	B2-501	14/08/25 - 30/10/25	
Xã hội học		3	25C1ARC54902301	50	HPTC.II.S C0.SCP_01	5	5	07g10 - 11g30	B2-502	14/08/25 - 30/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án đô thị thông minh		6	25C1ARC51203001	17	K49.DADT TM.SCP_0 1	3	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	12/08/25 - 16/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	12/08/25 - 16/12/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	25/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	25/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	26/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	26/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	27/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	27/08/25	
						5	3	07g10 - 09g40	THUCTE	28/08/25	
						5	3	12g45 - 15g25	THUCTE	28/08/25	
						6	3	12g45 - 15g25	THUCTE	29/08/25	
						6	3	07g10 - 09g40	THUCTE	29/08/25	
Đồ án đô thị thông minh		6	25C1ARC51203002	17	K49.DADT TM.SCP_0 2	3	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	12/08/25 - 16/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	12/08/25 - 16/12/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	25/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	25/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	26/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	26/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	27/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	27/08/25	
						5	3	07g10 - 09g40	THUCTE	28/08/25	
						5	3	12g45 - 15g25	THUCTE	28/08/25	
						6	3	12g45 - 15g25	THUCTE	29/08/25	
						6	3	07g10 - 09g40	THUCTE	29/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án Kiến trúc và đô thị thông minh		6	25C1ARC51202901	16	K49.DAKT DTTM.SC0 _01	3	5	07g10 - 11g30	B2-216	12/08/25 - 09/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	12/08/25 - 09/12/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	25/08/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	25/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	26/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	26/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	27/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	27/08/25	
						5	3	07g10 - 09g40	THUCTE	28/08/25	
						5	3	12g45 - 15g25	THUCTE	28/08/25	
						6	3	12g45 - 15g25	THUCTE	29/08/25	
						6	3	07g10 - 09g40	THUCTE	29/08/25	
Đồ án Kiến trúc và đô thị thông minh		6	25C1ARC51202902	16	K49.DAKT DTTM.SC0 _02	3	5	12g45 - 17g05	B2-216	12/08/25 - 09/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-216	12/08/25 - 09/12/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	25/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	25/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	26/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	26/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	27/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	27/08/25	
						5	3	07g10 - 09g40	THUCTE	28/08/25	
						5	3	12g45 - 15g25	THUCTE	28/08/25	
						6	3	07g10 - 09g40	THUCTE	29/08/25	
						6	3	12g45 - 15g25	THUCTE	29/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án Kiến trúc và đô thị thông minh		6	25C1ARC51202903	17	K49.DAKT DTTM.SC0 _03	4	5	12g45 - 17g05	B2-216	13/08/25 - 10/12/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-216	13/08/25 - 10/12/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	25/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	25/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	26/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	26/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	27/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	27/08/25	
						5	3	07g10 - 09g40	THUCTE	28/08/25	
						5	3	12g45 - 15g25	THUCTE	28/08/25	
						6	3	07g10 - 09g40	THUCTE	29/08/25	
						6	3	12g45 - 15g25	THUCTE	29/08/25	
Đồ án Kiến trúc và đô thị thông minh		6	25C1ARC51202904	17	K49.DAKT DTTM.SC0 _04	4	5	07g10 - 11g30	B2-216	13/08/25 - 10/12/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-216	13/08/25 - 10/12/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	25/08/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	25/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	26/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	26/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	27/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	27/08/25	
						5	3	07g10 - 09g40	THUCTE	28/08/25	
						5	3	12g45 - 15g25	THUCTE	28/08/25	
						6	3	12g45 - 15g25	THUCTE	29/08/25	
						6	3	07g10 - 09g40	THUCTE	29/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tham quan đô thị		1	25C1ARC51201901	15	K49.TQDT. SC0.SCP_0 1	2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	04/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	04/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	05/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	05/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	06/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	06/08/25	
						5	2	12g45 - 14g25	THUCTE	07/08/25	
						5	2	07g10 - 08g50	THUCTE	07/08/25	
						6	2	12g45 - 14g25	THUCTE	08/08/25	
						6	2	07g10 - 08g50	THUCTE	08/08/25	
						7	2	07g10 - 08g50	THUCTE	09/08/25	
						7	2	12g45 - 14g25	THUCTE	09/08/25	
Tham quan đô thị		1	25C1ARC51201902	15	K49.TQDT. SC0.SCP_0 2	2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	04/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	04/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	05/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	05/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	06/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	06/08/25	
						5	2	07g10 - 08g50	THUCTE	07/08/25	
						5	2	12g45 - 14g25	THUCTE	07/08/25	
						6	2	07g10 - 08g50	THUCTE	08/08/25	
						6	2	12g45 - 14g25	THUCTE	08/08/25	
						7	2	12g45 - 14g25	THUCTE	09/08/25	
						7	2	07g10 - 08g50	THUCTE	09/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tham quan đô thị		1	25C1ARC51201903	15	K49.TQDT. SC0.SCP_0 3	2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	04/08/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	04/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	05/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	05/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	06/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	06/08/25	
						5	2	07g10 - 08g50	THUCTE	07/08/25	
						5	2	12g45 - 14g25	THUCTE	07/08/25	
						6	2	12g45 - 14g25	THUCTE	08/08/25	
						6	2	07g10 - 08g50	THUCTE	08/08/25	
						7	2	07g10 - 08g50	THUCTE	09/08/25	
						7	2	12g45 - 14g25	THUCTE	09/08/25	
Tham quan đô thị		1	25C1ARC51201904	15	K49.TQDT. SC0.SCP_0 4	2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	04/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	04/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	05/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	05/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	06/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	06/08/25	
						5	2	12g45 - 14g25	THUCTE	07/08/25	
						5	2	07g10 - 08g50	THUCTE	07/08/25	
						6	2	07g10 - 08g50	THUCTE	08/08/25	
						6	2	12g45 - 14g25	THUCTE	08/08/25	
						7	2	12g45 - 14g25	THUCTE	09/08/25	
						7	2	07g10 - 08g50	THUCTE	09/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tham quan đô thị		1	25C1ARC51201905	15	K49.TQDT. SC0.SCP_0 5	2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	04/08/25	
						2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	04/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	05/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	05/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	06/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	06/08/25	
						5	2	07g10 - 08g50	THUCTE	07/08/25	
						5	2	12g45 - 14g25	THUCTE	07/08/25	
						6	2	07g10 - 08g50	THUCTE	08/08/25	
						6	2	12g45 - 14g25	THUCTE	08/08/25	
						7	2	12g45 - 14g25	THUCTE	09/08/25	
						7	2	07g10 - 08g50	THUCTE	09/08/25	
Tham quan đô thị		1	25C1ARC51201906	15	K49.TQDT. SC0.SCP_0 6	2	3	07g10 - 09g40	THUCTE	04/08/25	
						2	3	12g45 - 15g25	THUCTE	04/08/25	
						3	3	12g45 - 15g25	THUCTE	05/08/25	
						3	3	07g10 - 09g40	THUCTE	05/08/25	
						4	3	07g10 - 09g40	THUCTE	06/08/25	
						4	3	12g45 - 15g25	THUCTE	06/08/25	
						5	2	12g45 - 14g25	THUCTE	07/08/25	
						5	2	07g10 - 08g50	THUCTE	07/08/25	
						6	2	07g10 - 08g50	THUCTE	08/08/25	
						6	2	12g45 - 14g25	THUCTE	08/08/25	
						7	2	12g45 - 14g25	THUCTE	09/08/25	
						7	2	07g10 - 08g50	THUCTE	09/08/25	
Quy hoạch đô thị		3	25C1ARC51202501	35	SC0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-503	11/08/25 - 27/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023150	35	SC0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Quy hoạch đô thị		3	25C1ARC51202502	35	SC0002	2	5	12g45 - 17g05	B2-503	11/08/25 - 27/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023151	35	SC0002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Quy hoạch đô thị		3	25C1ARC51202503	35	SCP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-501	15/08/25 - 31/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023152	35	SCP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

[CT chuẩn] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng số và công nghệ tài chính		3	25C1TEC55005601	25	FE0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-202	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị đổi mới sáng tạo		3	25C1TEC55002001	25	FE0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-202	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502316	25	FE0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002501	50	FE0001,FE P001	7	5	07g10 - 11g30	B2-102	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị, trách nhiệm và đạo đức trong tài chính		3	25C1TEC55005801	50	FE0001,FE P001	5	5	07g10 - 11g30	N2-202	02/10/25 - 04/12/25	
Xử lý ngôn ngữ tự nhiên ứng dụng		3	25C1TEC55005401	50	FE0001,FE P001	7	5	07g10 - 11g30	B2-102	11/10/25 - 06/12/25	
Đầu tư tài chính		3	25C1FIN50500501	50	FE0001,FE P001	5	5	07g10 - 11g30	N2-202	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	26/08/25	
Ngân hàng số và công nghệ tài chính	EN	3	25C1TEC55007001	25	FEP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-202	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị đổi mới sáng tạo	EN	3	25C1TEC55006301	25	FEP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-202	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502317	25	FEP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

[CT chuẩn] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án A.I.		3	25C1TEC55001301	60	TI0001	4	5	07g10 - 11g30	V.11	01/10/25 - 26/11/25	
Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		3	25C1TEC55000601	60	TI0001	7	5	07g10 - 11g30	V.11	13/09/25 - 08/11/25	
Kiểm tập - TI		5	25C1TEC55003701	60	TI0001	Kiểm tập vào đầu học kỳ theo lịch của Viện ĐMST					
Quản trị công nghệ		3	25C1TEC55002201	60	TI0001	4	5	12g45 - 17g05	V.11	01/10/25 - 26/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502318	60	TI0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Trực quan hóa dữ liệu		3	25C1TEC55002601	60	TI0001	3	5	07g10 - 11g30	V.11	30/09/25 - 25/11/25	
Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động		3	25C1TEC55003001	35	TI0001.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-508	02/10/25 - 04/12/25	
Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động		3	25C1TEC55003003	35	TI0001.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-512	02/10/25 - 04/12/25	
Dự án A.I.	EN	3	25C1TEC55006701	50	TIP001	5	5	12g45 - 17g05	V.11	25/09/25 - 27/11/25	
Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		3	25C1TEC55000602	50	TIP001	7	5	12g45 - 17g05	V.11	13/09/25 - 08/11/25	
Kiểm tập - TI		5	25C1TEC55003702	50	TIP001	Kiểm tập vào đầu học kỳ theo lịch của Viện ĐMST					
Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động		3	25C1TEC55003002	50	TIP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-104	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị công nghệ	EN	3	25C1TEC55006401	50	TIP001	6	5	12g45 - 17g05	V.11	03/10/25 - 28/11/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502319	50	TIP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Trực quan hóa dữ liệu	EN	3	25C1TEC55006601	50	TIP001	6	5	07g10 - 11g30	V.11	03/10/25 - 28/11/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 49 ĐHCQ

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập trình robot nâng cao		3	25C1INT54704101	52	HPTC.I.RA O.RAP_01	6	5	12g45 - 17g05	B2-502	08/08/25 - 03/10/25	
Thiết kế tối ưu robot		3	25C1INT54704301	52	HPTC.I.RA O.RAP_01	2	5	12g45 - 17g05	B2-402	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-305	14/09/25	
Xử lý tín hiệu số		3	25C1INT54704201	52	HPTC.I.RA O.RAP_01	7	5	12g45 - 17g05	B1-403	11/10/25 - 06/12/25	
Xử lý ngôn ngữ tự nhiên		3	25C1INT54703201	52	HPTC.II.R A0.RAP_01	6	5	07g10 - 11g30	B2-503	08/08/25 - 03/10/25	
Đồ án thiết kế robot		1	25C1INT54703001	26	K49.DATK RB.RA0.R AP_01	7	5	07g10 - 11g30	B2-502	09/08/25 - 13/09/25	
Đồ án thiết kế robot		1	25C1INT54703002	26	K49.DATK RB.RA0.R AP_02	7	5	12g45 - 17g05	B2-501	09/08/25 - 13/09/25	
Đồ án trí tuệ nhân tạo		1	25C1INT54703101	26	K49.DATT NT.RA0.R AP_01	7	5	07g10 - 11g30	B2-305	01/11/25 - 06/12/25	
Đồ án trí tuệ nhân tạo		1	25C1INT54703102	26	K49.DATT NT.RA0.R AP_02	5	5	12g45 - 17g05	B2-305	23/10/25 - 04/12/25	
Thí nghiệm điều khiển tự động		1	25C1INT54702801	26	K49.TNDK TD.RA0.R AP_01	3	5	12g45 - 17g05	B2-302	28/10/25 - 02/12/25	
Thí nghiệm điều khiển tự động		1	25C1INT54702802	26	K49.TNDK TD.RA0.R AP_02	5	5	07g10 - 11g30	B2-303	23/10/25 - 04/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thí nghiệm kỹ thuật robot		2	25C1INT54702101	26	K49.TNKT RB2.RA0.R AP_01	5	5	07g10 - 11g30	B2-504	07/08/25 - 23/10/25	
Thí nghiệm kỹ thuật robot		2	25C1INT54702102	26	K49.TNKT RB2.RA0.R AP_02	5	5	12g45 - 17g05	B2-503	07/08/25 - 23/10/25	
Thí nghiệm Trí tuệ nhân tạo		1	25C1INT54705201	26	K49.TNTT NT.RA0.R AP_01	4	5	07g10 - 11g30	B2-410	29/10/25 - 03/12/25	
Thí nghiệm Trí tuệ nhân tạo		1	25C1INT54705202	26	K49.TNTT NT.RA0.R AP_02	4	5	12g45 - 17g05	B2-303	29/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống nhúng		3	25C1INT54702301	30	RA0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-501	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023156	30	RA0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tương tác người và máy		3	25C1INT54702701	30	RA0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-402	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống nhúng	EN	3	25C1INT54709101	26	RAP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-502	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023157	30	RAP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tương tác người và máy	EN	3	25C1INT54709201	30	RAP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-402	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Các mô hình mô phỏng trong quản lý chuỗi cung ứng		3	25C1INT54705601	50	HPTC.CS.LT0.LTP_01	5	5	07g10 - 11g30	B2-109	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-206	07/09/25	
Kỹ thuật phân tích dữ liệu		3	25C1INT54712601	50	HPTC.KHDL.LT0.LTP_01	6	5	12g45 - 17g05	B2-507	10/10/25 - 05/12/25	
Khoa học ra quyết định		3	25C1INT54705501	50	HPTC.QL.LT0.LTP_01	4	5	12g45 - 17g05	B2-305	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị dịch vụ		3	25C1COM50304103	50	HPTC.VH.LT0.LTP_01	4	5	07g10 - 11g30	B2-504	06/08/25 - 01/10/25	
Đồ án Logistics 1		1	25C1INT54705301	22	K49.DALG1.LT0.LTP_01	3	5	07g10 - 11g30	B2-501	05/08/25 - 16/09/25	
Đồ án Logistics 1		1	25C1INT54705302	22	K49.DALG1.LT0.LTP_02	3	5	12g45 - 17g05	B2-501	05/08/25 - 16/09/25	
Đồ án Logistics 2		1	25C1INT54705401	22	K49.DALG2.LT0.LTP_01	3	5	07g10 - 11g30	B2-301	28/10/25 - 02/12/25	
Đồ án Logistics 2		1	25C1INT54705402	22	K49.DALG2.LT0.LTP_02	3	5	12g45 - 17g05	B2-411	28/10/25 - 02/12/25	
Thí nghiệm kỹ thuật robot		1	25C1INT54705801	22	K49.TNKT RB.LT0.LTP_01	6	5	07g10 - 11g30	B2-503	31/10/25 - 05/12/25	
Thí nghiệm kỹ thuật robot		1	25C1INT54705802	22	K49.TNKT RB.LT0.LTP_02	2	5	07g10 - 11g30	B2-504	27/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023158	25	LT0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25C1INF50900902	48	LT0001,LT P001	4	5	12g45 - 17g05	B2-102	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200110	50	LT0001,LT P001	4	5	07g10 - 11g30	B2-504	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023159	25	LTP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

[CT chuẩn] NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật về bất động sản		3	25C1LAW51103501	55	RE0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-309	02/10/25 - 04/12/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117401	55	RE0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-309	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-510	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023126	55	RE0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Luật về bất động sản		3	25C1LAW51103502	55	RE0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-309	10/10/25 - 05/12/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117402	55	RE0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-309	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023127	55	RE0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

HP TỰ CHỌN ĐỊNH HƯỚNG – NHÓM ĐẦU TƯ BDS

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719501	55	HPTC.DTB DS.RE_01	5	5	12g45 - 17g05	N2-308	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-510	09/09/25	
Phân tích tài chính		3	25C1FIN50509610	55	HPTC.DTB DS.RE_01	7	5	07g10 - 11g30	A306	11/10/25 - 06/12/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508401	55	HPTC.DTB DS.RE_01	7	5	07g10 - 11g30	A306	09/08/25 - 04/10/25	
Phương pháp định lượng nâng cao		3	25C1ECO50117501	55	HPTC.DTB DS.RE_RE 0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-308	02/10/25 - 04/12/25	

HP TỰ CHỌN ĐỊNH HƯỚNG – NHÓM PHÁT TRIỂN BDS

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing căn bản		3	25C1MAR50300102	55	HPTC.PTB DS.RE_02	2	5	12g45 - 17g05	N2-511	06/10/25 - 01/12/25	
Phương pháp định lượng nâng cao		3	25C1ECO50117502	55	HPTC.PTB DS.RE_02	2	5	07g10 - 11g30	N2-511	06/10/25 - 01/12/25	
Quản lý dự án bất động sản		3	25C1ECO50110701	55	HPTC.PTB DS.RE_02	2	5	07g10 - 11g30	A306	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A306	13/08/25	
Thiết kế và xây dựng		3	25C1ECO50110801	55	HPTC.PTB DS.RE_02	2	5	12g45 - 17g05	A306	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A306	20/08/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT SN TH]** SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT SN TH]** SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326401	60	AR0001	3	5	07g10 - 11g30	A201	05/08/25 - 16/09/25	
Chiến lược kinh doanh nông nghiệp		3	25C1ECO50114701	60	AR0001,A RIB1.K49, ARLM1.K49	7	5	12g45 - 17g05	A302	11/10/25 - 06/12/25	
Chuỗi cung ứng thực phẩm bền vững		3	25C1ECO50115101	60	AR0001,A RIB1.K49, ARLM1.K49	7	5	07g10 - 11g30	A302	11/10/25 - 06/12/25	
Dự án kinh doanh nông nghiệp		3	25C1ECO50114801	60	AR0001,A RIB1.K49, ARLM1.K49	7	5	07g10 - 11g30	A302	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317802	60	AR0001,A RIB1.K49, ARLM1.K49	3	5	12g45 - 17g05	A201	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	A401	14/08/25	
Quản trị kinh doanh nông nghiệp		3	25C1ECO50114601	60	AR0001,A RIB1.K49, ARLM1.K49	7	5	12g45 - 17g05	A302	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023118	60	AR0001,A RIB1.K49, ARLM1.K49	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

ARLM1.K49 học chung HP Vận tải và bảo hiểm với lớp 25C1BUS50312303

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25C1BUS50318301	50	ARIB1.K49	4	5	07g10 - 11g30	A212	06/08/25 - 01/10/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học quản lý nhân sự		3	25C1ECO50102401	68	ECO001	2	5	07g10 - 11g30	N2-105	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế lượng chuỗi thời gian		3	25C1ECO50106801	68	ECO001	2	5	07g10 - 11g30	N2-105	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	22/08/25	
Phân tích lợi ích - chi phí		3	25C1ECO50101401	68	ECO001	4	5	07g10 - 11g30	B2-410	06/08/25 - 01/10/25	
Phương pháp thu thập và quản lý dữ liệu		3	25C1ECO50106901	68	ECO001	2	5	12g45 - 17g05	N2-105	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	15/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023148	68	ECO001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Kinh tế học quản lý nhân sự		3	25C1ECO50102402	50	ECOP01	3	5	07g10 - 11g30	N2-304	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế lượng chuỗi thời gian		3	25C1ECO50106802	50	ECOP01	3	5	07g10 - 11g30	N2-304	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	16/08/25	
Phân tích chi phí lợi ích (EN)	EN	3	25C1ECO50122101	50	ECOP01	5	5	07g10 - 11g30	B2-303	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	13/09/25	
Phương pháp thu thập và quản lý dữ liệu		3	25C1ECO50106902	50	ECOP01	3	5	12g45 - 17g05	N2-304	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	23/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023149	50	ECOP01	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	

HP TỰ CHỌN TỰ DO 1 (ECO0, ECOP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kỹ nguyên số		3	25C1MAR50319301	68	HPTC.UEH 1.ECO0.1_ 01	2	5	12g45 - 17g05	N2-105	06/10/25 - 01/12/25	
Marketing trong kỹ nguyên số		3	25C1MAR50319302	50	HPTC.UEH 1.ECOP.1_ 01	3	5	12g45 - 17g05	N2-304	07/10/25 - 02/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25C1ECO50108801	50	IV0001	3	5	07g10 - 11g30	A314	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	A401	28/08/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117403	50	IV0001	3	5	07g10 - 11g30	A314	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023122	50	IV0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25C1ECO50108802	50	IV0002	4	5	12g45 - 17g05	A314	06/08/25 - 01/10/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117404	50	IV0002	4	5	12g45 - 17g05	A314	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023123	50	IV0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50112401	50	IVP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-301	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-212	06/09/25	
Nguyên lý thẩm định giá (EN)	EN	3	25C1ECO50112101	50	IVP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-301	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023124	50	IVP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50112402	50	IVP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-302	08/08/25 - 03/10/25	
Nguyên lý thẩm định giá (EN)	EN	3	25C1ECO50112102	50	IVP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-302	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023125	50	IVP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 (IV0, IVP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đầu tư và Marketing kỹ thuật số		3	25C1ECO50118101	50	HPTC.IIV 0_IV0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-304	09/08/25 - 04/10/25	
Đầu tư và Marketing kỹ thuật số		3	25C1ECO50118102	50	HPTC.IIV 0_IV0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-304	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	19/09/25	
Đầu tư và Marketing kỹ thuật số		3	25C1ECO50118103	50	HPTC.IIV P_IVP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-307	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	23/08/25	
Đầu tư và Marketing kỹ thuật số		3	25C1ECO50118104	50	HPTC.IIV P_IVP002	4	5	12g45 - 17g05	N2-307	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (IV0, IVP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích dữ liệu lớn trong đầu tư và kinh doanh		3	25C1ECO50118601	50	HPTC.II.IV 0_01	7	5	07g10 - 11g30	N2-304	11/10/25 - 06/12/25	
Chiến lược Marketing		3	25C1ECO50118701	50	HPTC.II.IV 0_02	2	5	12g45 - 17g05	N2-304	06/10/25 - 01/12/25	
Phân tích dữ liệu lớn trong đầu tư và kinh doanh		3	25C1ECO50118602	50	HPTC.II.IV P_01	3	5	12g45 - 17g05	N2-307	07/10/25 - 02/12/25	
Chiến lược Marketing		3	25C1ECO50118702	50	HPTC.II.IV P_02	4	5	12g45 - 17g05	N2-307	08/10/25 - 03/12/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 (IV0, IVP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ thuật lập trình với Stata và Python		3	25C1ECO50118801	50	HPTC.III.I V0_01	7	5	12g45 - 17g05	N2-304	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		3	25C1ECO50118901	50	HPTC.III.I V0_02	2	5	07g10 - 11g30	N2-303	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	12/09/25	
Kỹ thuật lập trình với Stata và Python		3	25C1ECO50118802	50	HPTC.III.I VP_01	3	5	07g10 - 11g30	N2-303	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	30/08/25	
Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		3	25C1ECO50118902	50	HPTC.III.I VP_02	4	5	07g10 - 11g30	N2-303	06/08/25 - 01/10/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BPI] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25C1ECO50101101	55	VA0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-307	09/08/25 - 04/10/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100701	55	VA0001	3	5	12g45 - 17g05	A212	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	A401	21/08/25	
Phân tích và quản lý đầu tư		3	25C1ECO50114101	55	VA0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-307	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị tài sản bất động sản		3	25C1ECO50105801	55	VA0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-307	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023128	55	VA0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Thẩm định giá doanh nghiệp		3	25C1ECO50104901	55	VA0001	3	5	12g45 - 17g05	A212	07/10/25 - 02/12/25	
Trực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114201	55	VA0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-307	11/10/25 - 06/12/25	
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25C1ECO50101102	40	VAP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-304	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	15/08/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112501	40	VAP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-303	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích và quản lý đầu tư		3	25C1ECO50114102	40	VAP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-307	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	22/08/25	
Quản trị tài sản bất động sản		3	25C1ECO50105802	40	VAP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-304	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023129	40	VAP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thẩm định giá doanh nghiệp (EN)	EN	3	25C1ECO50112201	40	VAP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-303	08/10/25 - 03/12/25	
Trực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114202	40	VAP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-308	11/10/25 - 06/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức ứng dụng		3	25C1ECO50116301	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-304	06/08/25 - 01/10/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111401	50	HR0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-304	06/08/25 - 01/10/25	
Quản lý hiệu suất lao động		2	25C1ECO50116101	50	HR0001	6	5	07g10 - 11g30	A212	08/08/25 - 12/09/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		2	25C1ECO50102801	50	HR0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-304	29/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023119	50	HR0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tư duy sáng tạo và phát triển		3	25C1ECO50116401	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-304	08/10/25 - 03/12/25	
Hành vi tổ chức ứng dụng		3	25C1ECO50116302	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-307	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	26/08/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111402	50	HR0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-304	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	09/09/25	
Quản lý hiệu suất lao động		2	25C1ECO50116102	50	HR0002	7	5	07g10 - 11g30	A309	09/08/25 - 13/09/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		2	25C1ECO50102802	50	HR0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-304	23/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023120	50	HR0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tư duy sáng tạo và phát triển		3	25C1ECO50116402	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-307	02/10/25 - 04/12/25	
Hành vi tổ chức ứng dụng		3	25C1ECO50116303	50	HR0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-307	08/08/25 - 03/10/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111403	50	HR0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-304	08/08/25 - 03/10/25	
Quản lý hiệu suất lao động		2	25C1ECO50116103	50	HR0003	2	5	07g10 - 11g30	A309	04/08/25 - 15/09/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		2	25C1ECO50102803	50	HR0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-304	31/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023121	50	HR0003	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tư duy sáng tạo và phát triển		3	25C1ECO50116403	50	HR0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-307	10/10/25 - 05/12/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư		2	25C1ECO50123101	50	HPTC.I.HR 0_01	6	5	12g45 - 17g05	A212	08/08/25 - 12/09/25	
Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư		2	25C1ECO50123102	50	HPTC.I.HR 0_02	7	5	12g45 - 17g05	A314	09/08/25 - 13/09/25	
Môi trường và an toàn lao động		2	25C1ECO50116801	50	HPTC.I.HR 0_03	2	5	12g45 - 17g05	A309	04/08/25 - 15/09/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật sở hữu trí tuệ		2	25C1LAW51101403	30	LQ0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-306	01/11/25 - 06/12/25	
Luật thương mại quốc tế 1		3	25C1LAW51101101	30	LQ0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-306	09/08/25 - 04/10/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101501	30	LQ0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-501	23/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023134	30	LQ0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Luật hình sự		3	25C1LAW51107405	55	LQ0001,LQ P001	5	5	07g10 - 11g30	N1-501	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	19/08/25	
Luật tổ tụng dân sự		3	25C1LAW51102001	55	LQ0001,LQ P001	5	5	07g10 - 11g30	N1-501	02/10/25 - 04/12/25	
Tư pháp quốc tế		3	25C1LAW51101705	55	LQ0001,LQ P001	5	5	12g45 - 17g05	N1-501	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	12/08/25	
Ứng dụng CNTT trong ngành luật		2	25C1INF50908801	50	LQ0001,LQ P001	3	5	12g45 - 17g05	B2-507	05/08/25 - 16/09/25	
Luật Thương mại quốc tế 1	EN	3	25C1LAW51113101	25	LQP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-303	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	03/09/25	
Luật cạnh tranh trong nền thương mại tự do	EN	2	25C1LAW51113301	25	LQP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-303	04/08/25 - 15/09/25	
Luật sở hữu trí tuệ	EN	2	25C1LAW51113003	25	LQP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-303	27/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023135	25	LQP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý		2	25C1LAW51109901	55	HPTC.I.LQ 0.LQP_LQ 0001,LQP0 01	7	5	07g10 - 11g30	B2-303	09/08/25 - 13/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính		3	25C1LAW51105801	50	EL0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-502	11/10/25 - 06/12/25	
Nhập môn kinh tế luật		2	25C1LAW51109501	50	EL0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-502	01/11/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023130	50	EL0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tư pháp quốc tế		3	25C1LAW51101701	50	EL0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-502	09/08/25 - 04/10/25	
Luật học so sánh		2	25C1LAW51106401	50	EL0001,PM LL1.K48	3	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	05/08/25 - 09/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	C(1.03)	28/08/25	
Luật hình sự		3	25C1LAW51107401	50	EL0001,PM LL1.K48	7	5	12g45 - 17g05	N1-502	09/08/25 - 04/10/25	
Luật sở hữu trí tuệ		2	25C1LAW51101401	50	EL0001,PM LL1.K48	3	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	16/09/25 - 21/10/25	
Luật học so sánh		2	25C1LAW51106402	50	EL0002	4	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	06/08/25 - 10/09/25	
Luật hình sự		3	25C1LAW51107402	50	EL0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-502	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	22/08/25	
Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính		3	25C1LAW51105802	50	EL0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-502	06/10/25 - 01/12/25	
Luật sở hữu trí tuệ		2	25C1LAW51101402	50	EL0002	4	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	17/09/25 - 22/10/25	
Nhập môn kinh tế luật		2	25C1LAW51109502	50	EL0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-502	27/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023131	50	EL0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tư pháp quốc tế		3	25C1LAW51101702	50	EL0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-502	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	15/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính		3	25C1LAW51105803	40	ELP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-402	07/10/25 - 02/12/25	
Luật so sánh	EN	2	25C1LAW51112701	40	ELP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-304	07/08/25 - 04/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-207	16/08/25	
Luật sở hữu trí tuệ	EN	2	25C1LAW51113001	40	ELP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-304	11/09/25 - 16/10/25	
Nhập môn kinh tế luật		2	25C1LAW51109503	40	ELP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-402	28/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023132	40	ELP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tư pháp quốc tế		3	25C1LAW51101703	40	ELP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-402	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-402	30/08/25	
Luật hình sự		3	25C1LAW51107403	40	ELP001,CT LL1.K49	3	5	07g10 - 11g30	N1-402	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-402	06/09/25	
Luật hình sự		3	25C1LAW51107404	40	ELP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-405	06/08/25 - 01/10/25	
Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính		3	25C1LAW51105804	40	ELP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-405	08/10/25 - 03/12/25	
Luật so sánh	EN	2	25C1LAW51112702	40	ELP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-305	08/08/25 - 12/09/25	
Luật sở hữu trí tuệ	EN	2	25C1LAW51113002	40	ELP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-305	19/09/25 - 24/10/25	
Nhập môn kinh tế luật		2	25C1LAW51109504	40	ELP002	4	5	12g45 - 17g05	N1-402	29/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023133	40	ELP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tư pháp quốc tế		3	25C1LAW51101704	40	ELP002	4	5	12g45 - 17g05	N1-402	06/08/25 - 01/10/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 (EL0, ELP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng hành nghề luật sư		2	25C1LAW51102501	50	HPTC.I.EL 0_01	5	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	07/08/25 - 11/09/25	
Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp		2	25C1LAW51110101	50	HPTC.I.EL 0_02	6	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	08/08/25 - 12/09/25	
Kỹ năng hành nghề luật sư		2	25C1LAW51102502	40	HPTC.I.EL P_01	7	5	12g45 - 17g05	B2-305	09/08/25 - 13/09/25	
Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp		2	25C1LAW51110102	40	HPTC.I.EL P_02	2	5	12g45 - 17g05	B2-302	04/08/25 - 15/09/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 (EL0, ELP) [Chọn 2 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật kinh doanh bất động sản		2	25C1LAW51103401	50	HPTC.II.E L0_01	3	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	28/10/25 - 02/12/25	
Luật môi trường		2	25C1LAW51103201	50	HPTC.II.E L0_01	3	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	16/09/25 - 21/10/25	
Luật thương mại điện tử		2	25C1LAW51106301	50	HPTC.II.E L0_01bs	3	5	07g10 - 11g30	C(1.03)	05/08/25 - 09/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	C(1.03)	21/08/25	
Luật kinh doanh bất động sản		2	25C1LAW51103402	50	HPTC.II.E L0_02	4	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	17/09/25 - 22/10/25	
Luật môi trường		2	25C1LAW51103202	50	HPTC.II.E L0_02	4	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	29/10/25 - 03/12/25	
Pháp luật và nền kinh tế số		2	25C1LAW51110701	50	HPTC.II.E L0_02bs	4	5	12g45 - 17g05	C(1.03)	06/08/25 - 10/09/25	
Luật kinh doanh bất động sản		2	25C1LAW51103403	40	HPTC.II.E LP_01	5	5	12g45 - 17g05	B2-302	23/10/25 - 04/12/25	
Luật môi trường		2	25C1LAW51103203	40	HPTC.II.E LP_01	5	5	12g45 - 17g05	B2-302	11/09/25 - 16/10/25	
Luật thương mại điện tử		2	25C1LAW51106302	40	HPTC.II.E LP_01bs	5	5	12g45 - 17g05	B2-302	07/08/25 - 04/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-207	23/08/25	
Luật kinh doanh bất động sản		2	25C1LAW51103404	40	HPTC.II.E LP_02	6	5	12g45 - 17g05	B2-303	19/09/25 - 24/10/25	
Luật môi trường		2	25C1LAW51103204	40	HPTC.II.E LP_02	6	5	12g45 - 17g05	B2-303	31/10/25 - 05/12/25	
Pháp luật và nền kinh tế số		2	25C1LAW51110702	40	HPTC.II.E LP_02bs	6	5	12g45 - 17g05	B2-303	08/08/25 - 12/09/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT SN TH]** SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị nguồn nhân lực các tổ chức công		3	25C1PUM51200401	35	PM0001,P MLL1.K49	6	5	07g10 - 11g30	B2-203	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023139	35	PM0001,P MLL1.K49	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Hành chính công vụ		3	25C1LAW51106901	50	PM0001,P MP001,PM LL1.K49	4	5	12g45 - 17g05	N1-501	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế đô thị mới và Marketing thành phố		3	25C1ARC51203301	50	PM0001,P MP001,PM LL1.K49	4	5	07g10 - 11g30	N1-501	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ năng lãnh đạo trong khu vực công		3	25C1PUM51200802	50	PM0001,P MP001,PM LL1.K49	4	5	12g45 - 17g05	N1-501	06/08/25 - 01/10/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101502	50	PM0001,P MP001,PM LL1.K49	6	5	12g45 - 17g05	B2-304	08/08/25 - 12/09/25	
Thẩm định dự án đầu tư công		3	25C1PUM51200601	50	PM0001,P MP001,PM LL1.K49	4	5	07g10 - 11g30	N1-501	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị nguồn nhân lực các tổ chức công	EN	3	25C1PUM51207501	15	PMP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-204	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023140	15	PMP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	

PMLL1.K49 học chung HP Tư duy pháp lý với lớp 25C1LAW5111701(2TC) - 25C1LAW51109701(3 TC)

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25C1TAX50401601	55	PF0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-308	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-510	26/08/25	
Kế toán tài chính căn bản II		3	25C1ACC50713101	55	PF0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-307	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-510	19/08/25	
Kế toán tài chính các đơn vị Công		3	25C1PUF50400801	55	PF0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-307	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán thuế		3	25C1TAX50400501	55	PF0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-308	02/10/25 - 04/12/25	
Quản lý tài chính các đơn vị Công		3	25C1PUF50400701	55	PF0001	7	5	07g10 - 11g30	A314	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023141	55	PF0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Hoạch định Thuế		3	25C1TAX50401602	55	PF0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-308	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán tài chính căn bản II		3	25C1ACC50713102	55	PF0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-307	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán tài chính các đơn vị Công		3	25C1PUF50400802	55	PF0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-307	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán thuế		3	25C1TAX50400502	55	PF0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-308	10/10/25 - 05/12/25	
Quản lý tài chính các đơn vị Công		3	25C1PUF50400702	55	PF0002	2	5	07g10 - 11g30	A210	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A401	03/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023142	55	PF0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thẩm định và quản lý dự án Công		3	25C1PUF50401301	55	HPTC.I.PF_01	7	5	12g45 - 17g05	A217	09/08/25 - 04/10/25	
Luật hành chính		3	25C1LAW51100701	55	HPTC.I.PF_02	2	5	12g45 - 17g05	A210	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A401	27/08/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712713	55	TA0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-309	11/10/25 - 06/12/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719701	55	TA0001	3	5	12g45 - 17g05	A210	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	A401	28/08/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702013	55	TA0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-309	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023143	55	TA0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Thuế Giá trị gia tăng		3	25C1TAX50401802	55	TA0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-308	09/08/25 - 04/10/25	
Thuế Quốc tế		3	25C1TAX50402201	55	TA0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-308	11/10/25 - 06/12/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C1ACC50712714	55	TA0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-307	06/10/25 - 01/12/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719702	55	TA0002	4	5	07g10 - 11g30	A210	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25C1ACC50702014	55	TA0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-307	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	29/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023144	55	TA0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thuế Giá trị gia tăng		3	25C1TAX50401803	55	TA0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-308	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	05/09/25	
Thuế Quốc tế		3	25C1TAX50402202	55	TA0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-308	06/10/25 - 01/12/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT SN TH] SONG NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Các lý thuyết kinh tế phương tây hiện đại		3	25C1PHI51001201	35	CT0001,CT LL1.K49	2	5	12g45 - 17g05	A212	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A401	13/08/25	
Kinh tế chính trị - phần TBCN		3	25C1POL51000501	35	CT0001,CT LL1.K49	2	5	07g10 - 11g30	A212	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A401	20/08/25	
Kỹ năng lãnh đạo trong khu vực công		3	25C1PUM51200801	35	CT0001,CT LL1.K49	6	5	07g10 - 11g30	N2-304	10/10/25 - 05/12/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25C1ECO50101201	35	CT0001,CT LL1.K49	6	5	12g45 - 17g05	N2-303	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023117	35	CT0001,CT LL1.K49	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Đường lối kinh tế của Đảng CSVN		3	25C1REC51001101	35	CT0001,CT LL1.K49	6	5	12g45 - 17g05	N2-303	10/10/25 - 05/12/25	

CTLL1.K49 học chung HP Luật dân sự 2 với lớp 25C1LAW51100602

CTLL1.K49 học chung HP Luật hình sự với lớp 25C1LAW51107403

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật Đầu tư và Quản lý tài sản công		3	25C1LAW51111201	35	HPTC.ICT _CT0001,C TLL1.K49	6	5	07g10 - 11g30	N2-304	08/08/25 - 03/10/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ + [CT SN TH] SONG NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI VÀ QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Biên dịch thương mại		3	25C1ENG51305001	55	AV0001,A VTS1.K49	2	5	07g10 - 11g30	B2-206	06/10/25 - 01/12/25	
Hình thái - Cú pháp học		3	25C1ENG51314601	55	AV0001,A VTS1.K49	4	5	07g10 - 11g30	B2-304	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh doanh quốc tế - EN	EN	3	25C1BUS50326101	55	AV0001,A VTS1.K49	4	5	12g45 - 17g05	B2-302	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ năng viết nâng cao 2		3	25C1ENG51314901	55	AV0001,A VTS1.K49	5	5	07g10 - 11g30	B2-305	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	12/08/25	
Ngữ nghĩa học		3	25C1ENG51314501	55	AV0001,A VTS1.K49	3	5	07g10 - 11g30	B2-202	07/10/25 - 02/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ		3	25C1ENG51315101	55	AV0001,A VTS1.K49	6	5	07g10 - 11g30	B2-204	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023136	55	AV0001,A VTS1.K49	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Biên dịch thương mại		3	25C1ENG51305002	55	AV0002	2	5	12g45 - 17g05	B2-205	06/10/25 - 01/12/25	
Hình thái - Cú pháp học		3	25C1ENG51314602	55	AV0002	4	5	12g45 - 17g05	B2-303	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh doanh quốc tế - EN	EN	3	25C1BUS50326102	55	AV0002	4	5	07g10 - 11g30	B2-305	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ năng viết nâng cao 2		3	25C1ENG51314902	55	AV0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-303	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-108	19/08/25	
Ngữ nghĩa học		3	25C1ENG51314502	55	AV0002	3	5	12g45 - 17g05	B2-204	07/10/25 - 02/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ		3	25C1ENG51315102	55	AV0002	6	5	12g45 - 17g05	B2-205	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023137	55	AV0002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Biên dịch thương mại		3	25C1ENG51305003	55	AV0003	2	5	07g10 - 11g30	B2-304	06/10/25 - 01/12/25	
Hình thái - Cấu pháp học		3	25C1ENG51314603	55	AV0003	4	5	07g10 - 11g30	B2-306	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh doanh quốc tế - EN	EN	3	25C1BUS50326103	55	AV0003	2	5	12g45 - 17g05	B2-304	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	29/08/25	
Kỹ năng viết nâng cao 2		3	25C1ENG51314903	55	AV0003	5	5	07g10 - 11g30	B2-306	07/08/25 - 25/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	05/09/25	
Ngữ nghĩa học		3	25C1ENG51314503	55	AV0003	3	5	07g10 - 11g30	B2-203	07/10/25 - 02/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ		3	25C1ENG51315103	55	AV0003	6	5	07g10 - 11g30	B2-205	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535023138	55	AV0003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	

AVTS1.K49 học chung HP Kinh tế vĩ mô với lớp 25C1ECO50100201

AVTS1.K49 học chung HP Quản trị du lịch với lớp 25C1TOU51500102

LỊCH HỌC HP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002606	90	K49.LSD.0 01	2	5	07g45 - 12g05	N2-405	04/08/25 - 15/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002607	90	K49.LSD.0 02	2	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/08/25 - 15/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002608	90	K49.LSD.0 03	3	5	07g45 - 12g05	N2-405	05/08/25 - 16/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002609	90	K49.LSD.0 04	3	5	12g45 - 17g05	N2-405	05/08/25 - 16/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002610	90	K49.LSD.0 05	4	5	07g45 - 12g05	N2-405	06/08/25 - 10/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002611	90	K49.LSD.0 06	4	5	12g45 - 17g05	N2-405	06/08/25 - 10/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002612	90	K49.LSD.0 07	5	5	07g45 - 12g05	N2-405	07/08/25 - 11/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002613	90	K49.LSD.0 08	5	5	12g45 - 17g05	N2-405	07/08/25 - 11/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002614	90	K49.LSD.0 09	6	5	07g45 - 12g05	N2-405	08/08/25 - 12/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002615	90	K49.LSD.0 10	6	5	12g45 - 17g05	N2-405	08/08/25 - 12/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002616	90	K49.LSD.0 11	7	5	07g45 - 12g05	N2-405	09/08/25 - 13/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002617	90	K49.LSD.0 12	7	5	12g45 - 17g05	N2-405	09/08/25 - 13/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002618	90	K49.LSD.0 13	2	5	07g45 - 12g05	N2-405	22/09/25 - 27/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002619	90	K49.LSD.0 14	2	5	12g45 - 17g05	N2-405	22/09/25 - 27/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002620	90	K49.LSD.0 15	3	5	07g45 - 12g05	N2-405	23/09/25 - 28/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002621	90	K49.LSD.0 16	3	5	12g45 - 17g05	N2-405	23/09/25 - 28/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002622	90	K49.LSD.0 17	4	5	07g45 - 12g05	N2-405	17/09/25 - 22/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002623	90	K49.LSD.0 18	4	5	12g45 - 17g05	N2-405	17/09/25 - 22/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002624	90	K49.LSD.0 19	5	5	07g45 - 12g05	N2-405	18/09/25 - 23/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002625	90	K49.LSD.0 20	5	5	12g45 - 17g05	N2-405	18/09/25 - 23/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002626	90	K49.LSD.0 21	6	5	07g45 - 12g05	N2-405	19/09/25 - 24/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002627	90	K49.LSD.0 22	6	5	12g45 - 17g05	N2-405	19/09/25 - 24/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002628	90	K49.LSD.0 23	7	5	07g45 - 12g05	N2-405	20/09/25 - 25/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002629	90	K49.LSD.0 24	7	5	12g45 - 17g05	N2-405	20/09/25 - 25/10/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002630	90	K49.LSD.0 25	2	5	07g45 - 12g05	N2-407	04/08/25 - 15/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002631	90	K49.LSD.0 26	2	5	12g45 - 17g05	N2-407	04/08/25 - 15/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002632	90	K49.LSD.0 27	3	5	07g45 - 12g05	N2-407	05/08/25 - 16/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002633	90	K49.LSD.0 28	3	5	12g45 - 17g05	N2-407	05/08/25 - 16/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002634	90	K49.LSD.0 29	4	5	07g45 - 12g05	N2-407	06/08/25 - 10/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002635	90	K49.LSD.0 30	4	5	12g45 - 17g05	N2-407	06/08/25 - 10/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002636	90	K49.LSD.0 31	5	5	07g45 - 12g05	N2-407	07/08/25 - 11/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002637	90	K49.LSD.0 32	5	5	12g45 - 17g05	N2-407	07/08/25 - 11/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002638	90	K49.LSD.0 33	6	5	07g45 - 12g05	N2-407	08/08/25 - 12/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002639	90	K49.LSD.0 34	6	5	12g45 - 17g05	N2-407	08/08/25 - 12/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002640	90	K49.LSD.0 35	7	5	07g45 - 12g05	N2-407	09/08/25 - 13/09/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002641	90	K49.LSD.0 36	7	5	12g45 - 17g05	N2-407	09/08/25 - 13/09/25	

LỊCH HỌC HP TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000411	90	K49.TTHC M.001	2	5	07g45 - 12g05	N2-205	04/08/25 - 15/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000412	90	K49.TTHC M.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-205	04/08/25 - 15/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000413	90	K49.TTHC M.003	3	5	07g45 - 12g05	N2-205	05/08/25 - 16/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000414	90	K49.TTHC M.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-205	05/08/25 - 16/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000415	90	K49.TTHC M.005	4	5	07g45 - 12g05	N2-205	06/08/25 - 10/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000416	90	K49.TTHC M.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-205	06/08/25 - 10/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000417	90	K49.TTHC M.007	5	5	07g45 - 12g05	N2-205	07/08/25 - 11/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000418	90	K49.TTHC M.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-205	07/08/25 - 11/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000419	90	K49.TTHC M.009	6	5	07g45 - 12g05	N2-205	08/08/25 - 12/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000420	90	K49.TTHC M.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-205	08/08/25 - 12/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000421	90	K49.TTHC M.011	7	5	07g45 - 12g05	N2-205	09/08/25 - 13/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000422	90	K49.TTHC M.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-205	09/08/25 - 13/09/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000423	90	K49.TTHC M.013	2	5	07g45 - 12g05	N2-205	22/09/25 - 27/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000424	90	K49.TTHC M.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-205	22/09/25 - 27/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000425	90	K49.TTHC M.015	3	5	07g45 - 12g05	N2-205	23/09/25 - 28/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000426	90	K49.TTHC M.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-205	23/09/25 - 28/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000427	90	K49.TTHC M.017	4	5	07g45 - 12g05	N2-205	17/09/25 - 22/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000428	90	K49.TTHC M.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-205	17/09/25 - 22/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000429	90	K49.TTHC M.019	5	5	07g45 - 12g05	N2-205	18/09/25 - 23/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000430	90	K49.TTHC M.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-205	18/09/25 - 23/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000431	90	K49.TTHC M.021	6	5	07g45 - 12g05	N2-205	19/09/25 - 24/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000432	90	K49.TTHC M.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-205	19/09/25 - 24/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000433	90	K49.TTHC M.023	7	5	07g45 - 12g05	N2-205	20/09/25 - 25/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000434	90	K49.TTHC M.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-205	20/09/25 - 25/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000435	90	K49.TTHC M.025	2	5	07g45 - 12g05	N2-407	22/09/25 - 27/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000436	90	K49.TTHC M.026	2	5	12g45 - 17g05	N2-407	22/09/25 - 27/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000437	90	K49.TTHC M.027	3	5	07g45 - 12g05	N2-407	23/09/25 - 28/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000438	90	K49.TTHC M.028	3	5	12g45 - 17g05	N2-407	23/09/25 - 28/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000439	90	K49.TTHC M.029	4	5	07g45 - 12g05	N2-407	17/09/25 - 22/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000440	90	K49.TTHC M.030	4	5	12g45 - 17g05	N2-407	17/09/25 - 22/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000441	90	K49.TTHC M.031	5	5	07g45 - 12g05	N2-407	18/09/25 - 23/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000442	90	K49.TTHC M.032	5	5	12g45 - 17g05	N2-407	18/09/25 - 23/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000443	90	K49.TTHC M.033	6	5	07g45 - 12g05	N2-407	19/09/25 - 24/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000444	90	K49.TTHC M.034	6	5	12g45 - 17g05	N2-407	19/09/25 - 24/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000445	90	K49.TTHC M.035	7	5	07g45 - 12g05	N2-407	20/09/25 - 25/10/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000446	90	K49.TTHC M.036	7	5	12g45 - 17g05	N2-407	20/09/25 - 25/10/25	

LỊCH HỌC HP KHOA HỌC DỮ LIỆU_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905901	45	K49.KHDL .001	2	5	07g10 - 11g30	N1-303	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905902	45	K49.KHDL .002	2	5	12g45 - 17g05	N1-303	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905903	45	K49.KHDL .003	3	5	07g10 - 11g30	N1-301	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905904	45	K49.KHDL .004	3	5	12g45 - 17g05	N1-301	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905905	45	K49.KHDL .005	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	29/10/25 - 03/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905906	45	K49.KHDL .006	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	29/10/25 - 03/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905907	45	K49.KHDL .007	5	5	07g10 - 11g30	N1-303	23/10/25 - 04/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905908	45	K49.KHDL .008	5	5	12g45 - 17g05	N1-303	23/10/25 - 04/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905909	45	K49.KHDL .009	6	5	07g10 - 11g30	N1-303	31/10/25 - 05/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905910	45	K49.KHDL .010	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	31/10/25 - 05/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905911	45	K49.KHDL .011	3	5	07g10 - 11g30	N1-303	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905912	45	K49.KHDL .012	2	5	06g20 - 10g40	N1-301	27/10/25 - 01/12/25	

LỊCH HỌC HP KỸ NĂNG MỀM_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309501	70	K49.KNM. 001	2	5	07g10 - 11g30	N2-305	22/09/25 - 27/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309502	70	K49.KNM. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	22/09/25 - 27/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309503	70	K49.KNM. 003	3	5	07g10 - 11g30	N2-305	23/09/25 - 28/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309504	70	K49.KNM. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	23/09/25 - 28/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309505	70	K49.KNM. 005	4	5	07g10 - 11g30	N2-305	17/09/25 - 22/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309506	70	K49.KNM. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	17/09/25 - 22/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309507	70	K49.KNM. 007	5	5	07g10 - 11g30	N2-305	18/09/25 - 23/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309508	70	K49.KNM. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-305	18/09/25 - 23/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309509	70	K49.KNM. 009	6	5	07g10 - 11g30	N2-305	19/09/25 - 24/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309510	70	K49.KNM. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	19/09/25 - 24/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309511	70	K49.KNM. 011	7	5	07g10 - 11g30	N2-305	20/09/25 - 25/10/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309512	70	K49.KNM. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	20/09/25 - 25/10/25	

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 3) (**DU KIẾN**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHK-TĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHK-T-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

- Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:
- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
 - Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
 - Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	IT0001		
2	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER0001		
3	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI0001		
4	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE0001		
5	KHOA HỌC MÁY TÍNH	CS0001		
6	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE0001, EE0002	EET001	
7	CÔNG NGHỆ LOGISTICS	LT0001	LTP001	
8	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	RA0001	RAP001	
9	ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	IC0001	ICP001	
10	AN TOÀN THÔNG TIN	CY0001		
11	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS0001		
12	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD0001	DDP001	DDF001
13	CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (Art Tech)	AT0001	ATP001	
14	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC0001	SCP001	
15	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	FE0001	FEP001	
16	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI0001	TIP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ

TRƯỜNG KINH DOANH

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
17	KẾ TOÁN CÔNG	KO0001		
18	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN0001, KN0002, KN0003, KN0004, KN0005, KN0006, KN0007, KN0008	KNP001, KNP002, KNP003	KNF001
	SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ	KN0009		
19	KIỂM TOÁN	AU0001, AU0002	AUP001, AUP002	AUF001
20	CÔNG NGHỆ MARKETING	MT0001	MTP001	
21	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB0001, IB0002, IB0003, IB0004, IB0005	IBP001, IBP002	IBF001, IBF002, IBF003, IBF004, IBF005
22	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM0001, KM0002, KM0003	KMP001	KMF001
23	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM0001	LMP001	LMF001
24	QUẢN TRỊ KINH DOANH <i>(Sẽ điều chỉnh sau khi có kết quả đăng ký hướng CTĐT ngành QTKD)</i>	BA0001, BA0002, BA0003, BA0004, BA0005, BA0006, BA0007, BA0008, BA0009	BAP001, BAP002, BAP003, BAP004	
25	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	TS0001, TS0002	TSP001	
26	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS0001	KSP001	
27	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK0001	SKP001	
28	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHIỆP NGHIỆP QUỐC TẾ		CCAP01, CAEP01	
29	MARKETING	MR0001, MR0002	MRP001	MRF001
30	BẢO HIỂM	IN0001		
31	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI0001	FIP001	
32	TÀI CHÍNH	FN0001, FN0002, FN0003, FN0004, FN0005	FNP001, FNP002, FNP003	FNF001, FNF002, FNF003
33	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF0001	IFP001	IFF001
34	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG <i>(Đề án nhân lực trình độ quốc tế TP.HCM)</i>			FBDPF1

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; VIỆN KHOA HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
35	BẤT ĐỘNG SẢN	RE0001, RE0002		
36	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR0001	ARP001	
37	KINH TẾ	ECO001	ECOP01	
38	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV0001, IV0002	IVP001, IVP002	
39	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR0001, HR0002	HRP001	
40	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA0001, VA0002	VAP001	
41	TÀI CHÍNH CÔNG	PF0001		
42	THUẾ	TA0001, TA0002	TAP001	
43	QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG	HQ0001	HQP001	
44	KINH TẾ CHÍNH TRỊ	CT0001		
45	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV0001, AV0002, AV0003		
46	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS0001	ASP001	
47	TOÁN TÀI CHÍNH	FM0001		
48	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK0001	TKP001	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402606	52	KN0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-312	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	03/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706501	52	KN0001	2	5	07g45 - 12g05	N2-310	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719503	52	KN0001	2	5	07g45 - 12g05	N2-310	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	26/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502124	52	KN0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508407	52	KN0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-312	06/10/25 - 01/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719801	52	KN0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-302	08/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402607	52	KN0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-310	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	27/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706502	52	KN0002	3	5	07g45 - 12g05	N2-310	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719504	52	KN0002	3	5	07g45 - 12g05	N2-310	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	20/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502125	52	KN0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508408	52	KN0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-310	07/10/25 - 02/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719802	52	KN0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-302	09/10/25 - 04/12/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-405	06/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402608	52	KN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-310	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706503	52	KN0003	4	5	07g45 - 12g05	N2-308	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719505	52	KN0003	4	5	07g45 - 12g05	N2-308	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502126	52	KN0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508409	52	KN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-310	08/10/25 - 03/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719803	52	KN0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-309	10/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402609	52	KN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-310	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	23/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706504	52	KN0004	5	5	07g45 - 12g05	N2-311	09/10/25 - 04/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-407	02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719506	52	KN0004	5	5	07g45 - 12g05	N2-311	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502127	52	KN0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508410	52	KN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-310	02/10/25 - 04/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719804	52	KN0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-310	11/10/25 - 06/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402610	52	KN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-310	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706505	52	KN0005	6	5	07g45 - 12g05	N2-312	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719507	52	KN0005	6	5	07g45 - 12g05	N2-312	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502128	52	KN0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508411	52	KN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-310	10/10/25 - 05/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719805	52	KN0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-307	06/10/25 - 01/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402611	52	KN0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-311	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706506	52	KN0006	7	5	07g45 - 12g05	N2-402	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719508	52	KN0006	7	5	07g45 - 12g05	N2-402	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502129	52	KN0006	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508412	52	KN0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-311	11/10/25 - 06/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719806	52	KN0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-309	07/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402612	52	KN0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-311	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	26/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706507	52	KN0007	2	5	12g45 - 17g05	N2-401	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719509	52	KN0007	2	5	12g45 - 17g05	N2-401	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502130	52	KN0007	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508413	52	KN0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-311	06/10/25 - 01/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719807	52	KN0007	4	5	07g45 - 12g05	N2-511	08/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402613	52	KN0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-311	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	04/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706508	52	KN0008	3	5	12g45 - 17g05	N2-311	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719510	52	KN0008	3	5	12g45 - 17g05	N2-311	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-510	27/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502131	52	KN0008	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508414	52	KN0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-311	07/10/25 - 02/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719808	52	KN0008	5	5	07g45 - 12g05	N2-511	09/10/25 - 04/12/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-405	06/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402614	55	KNP001	4	5	07g10 - 11g30	N2-309	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706509	55	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-311	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719511	55	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-311	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502132	55	KNP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508415	55	KNP001	4	5	07g10 - 11g30	N2-309	08/10/25 - 03/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720501	55	KNP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-206	10/10/25 - 05/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402615	55	KNP002	5	5	07g10 - 11g30	N2-312	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	23/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706510	55	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-311	09/10/25 - 04/12/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-407	02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719512	55	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-311	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-509	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502133	55	KNP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508416	55	KNP002	5	5	07g10 - 11g30	N2-312	02/10/25 - 04/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720502	55	KNP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-501	11/10/25 - 06/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402616	55	KNP003	6	5	07g10 - 11g30	N2-401	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706511	55	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-311	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719513	55	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-311	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502134	55	KNP003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508417	55	KNP003	6	5	07g10 - 11g30	N2-401	10/10/25 - 05/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720503	55	KNP003	2	5	07g10 - 11g30	B1-802	06/10/25 - 01/12/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam	EN	3	25C1TAX50405202	45	KNF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-706	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	30/08/25	
Kế toán công	EN	3	25C1ACC50715401	45	KNF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-707	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720401	45	KNF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-707	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	23/08/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002402	45	KNF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-706	07/08/25 - 11/09/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307303	45	KNF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-508	06/08/25 - 10/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502135	45	KNF001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504302	45	KNF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-706	07/10/25 - 02/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720504	45	KNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-507	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319802	45	KNF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-706	09/08/25 - 04/10/25	

[CT SN TH] SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402617	30	KN0009	4	5	12g45 - 17g05	B1-406	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706512	30	KN0009	4	5	07g10 - 11g30	B1-406	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719514	30	KN0009	4	5	07g10 - 11g30	B1-406	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25C1POL51002403	30	KN0009	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	08/08/25 - 12/09/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719703	30	KN0009	6	5	12g45 - 17g05	B1-406	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502136	30	KN0009	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508418	30	KN0009	4	5	12g45 - 17g05	B1-406	08/10/25 - 03/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719809	30	KN0009	6	5	12g45 - 17g05	B1-406	10/10/25 - 05/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319803	30	KN0009	2	5	07g10 - 11g30	B1-506	04/08/25 - 06/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402618	60	KO0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-106	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706513	60	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-106	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719515	60	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-106	09/08/25 - 04/10/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719704	60	KO0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-106	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502137	60	KO0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ICAEW_Kế toán quản trị 1 (ICAEW CFAB-Management Information)	EN	3	25C1ACC50722601	15	CAEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	18/09/25 - 16/10/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-406	20/09/25 - 11/10/25	
ICAEW_Kế toán quản trị 2 (ICAEW CFAB-Management Information)	EN	3	25C1ACC50722701	15	CAEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	23/10/25 - 13/11/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-406	25/10/25 - 22/11/25	
ICAEW_Kế toán tài chính và lập báo cáo 1 (ICAEW ACA -Financial Accounting & Reporting)	EN	3	25C1ACC50722901	15	CAEP01	5	5	12g45 - 17g05	B1-406	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-406	19/08/25	
ICAEW_Nguyên tắc thuế (ICAEW CFAB-Principle of Taxation)	EN	4	25C1ACC50722401	68	CAEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	07/08/25 - 11/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-406	09/08/25 - 13/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706514	68	CAEP01,C CAP01	7	5	12g45 - 17g05	B1-404	09/08/25 - 04/10/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719705	68	CAEP01,C CAP01	7	5	12g45 - 17g05	B1-404	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021111	68	CAEP01,C CAP01	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ACCA_Báo cáo tài chính 1 (ACCA-F7)	EN	3	25C1ACC50723901	60	CCAP01	4	5	12g45 - 17g05	B1-502	06/08/25 - 01/10/25	
ACCA_Quản trị hiệu quả hoạt động 1(ACCA-F5)	EN	3	25C1ACC50723701	60	CCAP01	7	5	07g10 - 11g30	B1-403	09/08/25 - 04/10/25	
ACCA_Quản trị hiệu quả hoạt động 2(ACCA-F5)	EN	3	25C1ACC50724201	60	CCAP01	7	5	07g10 - 11g30	B1-403	11/10/25 - 06/12/25	

[CT TV] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402602	48	AU0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-311	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502119	48	AU0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508403	48	AU0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-309	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402603	48	AU0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-401	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502120	48	AU0002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508404	48	AU0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-310	09/08/25 - 04/10/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402604	35	AUP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-507	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502121	35	AUP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508405	35	AUP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402605	35	AUP002	5	5	07g10 - 11g30	B1-507	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502122	35	AUP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508406	35	AUP002	5	5	12g45 - 17g05	B1-508	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	19/08/25	

CT TA TP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam	EN	3	25C1TAX50405201	52	AUF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-801	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	12/09/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909201	50	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-508	29/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25C1POL51002401	52	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-803	06/08/25 - 10/09/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307302	52	AUF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-803	29/10/25 - 03/12/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122201	52	AUF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-803	06/08/25 - 10/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502123	52	AUF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504301	52	AUF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-802	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	05/09/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319801	52	AUF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-801	08/08/25 - 03/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc và cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50909801	35	MT0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-102	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	27/08/25	
Hành vi người tiêu dùng trong kỷ nguyên số		3	25C1MAR50325201	35	MT0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-406	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-212	13/08/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301702	35	MT0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-406	06/10/25 - 01/12/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318009	35	MT0001	6	5	07g10 - 11g30	N1-606	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502158	35	MT0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Cấu trúc và cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50909802	40	MTP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-512	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-102	18/09/25	
Hành vi người tiêu dùng trong kỷ nguyên số	EN	3	25C1BUS50326801	40	MTP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-406	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	04/09/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25C1BUS50321501	40	MTP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-406	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318010	40	MTP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-705	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502159	40	MTP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	

[CT TV] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304405	69	LM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-601	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305209	69	LM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-601	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N1-707	14/08/25	
Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh		3	25C1BUS50330101	69	LM0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-701	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C1BUS50317904	69	LM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-601	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329812	69	LM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-601	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502155	69	LM0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304406	30	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-402	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320911	30	LMP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	06/08/25 - 01/10/25	
Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh		3	25C1BUS50330102	30	LMP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-402	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25C1BUS50320803	30	LMP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329813	30	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502156	30	LMP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	

CT TA TP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002507	40	LMF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-303	27/10/25 - 01/12/25	
Giao tiếp kinh doanh	EN	3	25C1BUS50327302	40	LMF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-804	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320912	40	LMF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-804	09/08/25 - 04/10/25	
Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh	EN	3	25C1BUS50330701	40	LMF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-507	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25C1BUS50320804	40	LMF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-804	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329907	40	LMF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-804	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502157	40	LMF001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319810	40	LMF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-802	05/08/25 - 07/10/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305201	60	IB0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-506	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318001	60	IB0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-506	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317803	60	IB0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-501	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329801	60	IB0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-501	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	05/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502138	60	IB0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305202	60	IB0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-502	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	16/08/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318002	60	IB0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-502	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317804	60	IB0002	3	5	07g10 - 11g30	N1-501	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329802	60	IB0002	3	5	07g10 - 11g30	N1-501	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502139	60	IB0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305203	60	IB0003	6	5	07g10 - 11g30	N1-501	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318003	60	IB0003	6	5	07g10 - 11g30	N1-501	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317805	60	IB0003	4	5	07g10 - 11g30	N1-601	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329803	60	IB0003	4	5	07g10 - 11g30	N1-601	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502140	60	IB0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305204	60	IB0004	7	5	07g10 - 11g30	N1-506	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318004	60	IB0004	7	5	07g10 - 11g30	N1-506	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317806	60	IB0004	5	5	07g10 - 11g30	N1-506	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329804	60	IB0004	5	5	07g10 - 11g30	N1-506	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-701	23/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502141	60	IB0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305205	60	IB0005	2	5	07g10 - 11g30	N1-506	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-707	13/08/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318005	60	IB0005	2	5	07g10 - 11g30	N1-506	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317807	60	IB0005	6	5	07g10 - 11g30	N1-502	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329805	60	IB0005	6	5	07g10 - 11g30	N1-502	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502142	60	IB0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320902	60	IBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-305	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321001	60	IBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-305	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	04/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317808	60	IBP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-601	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329806	60	IBP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-601	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502143	60	IBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320903	60	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-304	08/10/25 - 03/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321002	60	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-304	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317809	60	IBP002	2	5	12g45 - 17g05	N1-501	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	05/09/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329807	60	IBP002	2	5	12g45 - 17g05	N1-501	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502144	60	IBP002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	

CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002501	45	IBF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-203	29/10/25 - 03/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320904	45	IBF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-508	11/10/25 - 06/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321003	45	IBF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-508	09/08/25 - 04/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122202	45	IBF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-407	09/08/25 - 13/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310903	45	IBF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-707	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-108	26/08/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329901	45	IBF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-707	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502145	45	IBF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319804	45	IBF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-808	05/08/25 - 07/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006206	45	IBF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-707	07/08/25 - 11/09/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002502	45	IBF002	5	5	07g10 - 11g30	B2-204	23/10/25 - 04/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320905	45	IBF002	6	5	07g10 - 11g30	B1-707	10/10/25 - 05/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321004	45	IBF002	2	5	07g10 - 11g30	B1-708	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	10/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122203	45	IBF002	2	5	12g45 - 17g05	B1-707	04/08/25 - 15/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310904	45	IBF002	6	5	07g10 - 11g30	B1-707	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329902	45	IBF002	2	5	07g10 - 11g30	B1-708	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502146	45	IBF002	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319805	45	IBF002	4	5	07g10 - 11g30	B1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006207	45	IBF002	6	5	12g45 - 17g05	B1-707	08/08/25 - 12/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002503	45	IBF003	6	5	07g10 - 11g30	B2-305	31/10/25 - 05/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320906	45	IBF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321005	45	IBF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	28/08/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122204	45	IBF003	3	5	12g45 - 17g05	B1-707	05/08/25 - 16/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310905	45	IBF003	7	5	07g10 - 11g30	B1-707	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329903	45	IBF003	7	5	07g10 - 11g30	B1-707	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502147	45	IBF003	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319806	45	IBF003	5	5	07g10 - 11g30	B1-708	07/08/25 - 02/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006208	45	IBF003	7	5	12g45 - 17g05	B1-708	09/08/25 - 13/09/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002504	45	IBF004	7	5	07g10 - 11g30	B2-301	01/11/25 - 06/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320907	45	IBF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-706	08/10/25 - 03/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321006	45	IBF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122205	45	IBF004	4	5	07g10 - 11g30	B1-707	06/08/25 - 10/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310906	45	IBF004	2	5	12g45 - 17g05	B1-708	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	12/09/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329904	45	IBF004	2	5	12g45 - 17g05	B1-708	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502148	45	IBF004	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319807	45	IBF004	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	08/08/25 - 03/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006209	45	IBF004	2	5	07g10 - 11g30	B1-507	04/08/25 - 15/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002505	45	IBF005	4	5	12g45 - 17g05	B2-203	29/10/25 - 03/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320908	45	IBF005	5	5	12g45 - 17g05	B1-708	02/10/25 - 04/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321007	45	IBF005	5	5	12g45 - 17g05	B1-708	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-207	06/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122206	45	IBF005	5	5	07g10 - 11g30	B1-508	07/08/25 - 11/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310907	45	IBF005	3	5	12g45 - 17g05	B1-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-207	30/08/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329905	45	IBF005	3	5	12g45 - 17g05	B1-508	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502149	45	IBF005	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319808	45	IBF005	7	5	12g45 - 17g05	B1-507	09/08/25 - 04/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006210	45	IBF005	3	5	07g10 - 11g30	B1-507	05/08/25 - 16/09/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305206	45	KM0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-402	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	13/09/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318006	45	KM0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-402	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329808	45	KM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-405	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503901	45	KM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-405	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	20/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502150	45	KM0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305207	45	KM0002	6	5	12g45 - 17g05	N1-402	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318007	45	KM0002	6	5	12g45 - 17g05	N1-402	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329809	45	KM0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-405	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503902	45	KM0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-405	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502151	45	KM0002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305208	45	KM0003	7	5	12g45 - 17g05	N1-402	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318008	45	KM0003	7	5	12g45 - 17g05	N1-402	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329810	45	KM0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-405	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503903	45	KM0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-403	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502152	45	KM0003	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320909	60	KMP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	10/09/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321008	60	KMP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329811	60	KMP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-501	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503904	60	KMP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-501	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502154	60	KMP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002506	60	KMF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-410	01/11/25 - 06/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320910	60	KMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-801	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321009	60	KMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-801	10/10/25 - 05/12/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122207	60	KMF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-802	08/08/25 - 12/09/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329906	60	KMF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-804	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị tài chính	EN	3	25C1FIN50506201	60	KMF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-804	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502153	60	KMF001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319809	60	KMF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-802	04/08/25 - 06/10/25	

[CT TV] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305210	60	MR0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-601	02/10/25 - 04/12/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301703	60	MR0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-601	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-701	20/09/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329814	60	MR0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-701	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502160	60	MR0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305211	60	MR0002	6	5	07g10 - 11g30	N1-506	10/10/25 - 05/12/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301704	60	MR0002	6	5	07g10 - 11g30	N1-506	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329815	60	MR0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-701	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502161	60	MR0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305212	40	MRP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-606	11/10/25 - 06/12/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25C1BUS50321502	40	MRP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-501	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329816	40	MRP001	5	5	07g10 - 11g30	N1-405	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502162	40	MRP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

[CT TA TP] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002508	45	MRF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-808	28/10/25 - 02/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320913	45	MRF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-508	06/10/25 - 01/12/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25C1BUS50321503	45	MRF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-508	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	17/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122208	45	MRF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-506	27/10/25 - 01/12/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329908	45	MRF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-507	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502163	45	MRF001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319811	45	MRF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-509	06/08/25 - 01/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006211	45	MRF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-507	08/08/25 - 12/09/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701103	50	BA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-312	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201201	50	BA0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	12/09/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200301	50	BA0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502164	50	BA0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211301	50	BA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-312	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701104	50	BA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-312	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-509	16/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201202	50	BA0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-312	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-509	23/08/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200302	50	BA0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-312	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502165	50	BA0002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211302	50	BA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-312	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701105	50	BA0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-312	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201203	50	BA0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-401	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200303	50	BA0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-401	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502166	50	BA0003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211303	50	BA0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-312	10/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701106	50	BA0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-312	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201204	50	BA0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-401	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-510	23/09/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200304	50	BA0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-401	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502167	50	BA0004	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211304	50	BA0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-312	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701107	50	BA0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-403	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g45 - 12g05	N2-511	13/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201205	50	BA0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-401	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200305	50	BA0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-401	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502168	50	BA0005	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211305	50	BA0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-403	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701108	50	BA0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-401	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-511	14/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201206	50	BA0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-401	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200306	50	BA0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-401	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502169	50	BA0006	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211306	50	BA0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-401	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701109	50	BA0007	4	5	07g45 - 12g05	N2-310	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201207	50	BA0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-312	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	19/09/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200307	50	BA0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-312	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502170	50	BA0007	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211307	50	BA0007	4	5	07g10 - 11g30	N2-310	08/10/25 - 03/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701110	50	BA0008	5	5	07g45 - 12g05	N2-401	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	16/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201208	50	BA0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-312	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	23/08/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200308	50	BA0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-312	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502171	50	BA0008	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211308	50	BA0008	5	5	07g10 - 11g30	N2-401	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701111	50	BA0009	6	5	07g45 - 12g05	N2-402	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201209	50	BA0009	4	5	07g10 - 11g30	N2-311	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200309	50	BA0009	4	5	07g10 - 11g30	N2-311	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502172	50	BA0009	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211309	50	BA0009	6	5	07g10 - 11g30	N2-402	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701112	55	BAP001	7	5	07g45 - 12g05	N2-403	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201210	55	BAP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-402	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	09/09/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208801	55	BAP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-205	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502173	55	BAP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209001	55	BAP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-502	11/10/25 - 06/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701113	55	BAP002	2	5	07g45 - 12g05	N2-401	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	27/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201211	55	BAP002	6	5	07g10 - 11g30	N2-403	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208802	55	BAP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-301	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502174	55	BAP002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209002	55	BAP002	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701114	55	BAP003	3	5	07g45 - 12g05	N2-401	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	04/09/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201212	55	BAP003	7	5	07g10 - 11g30	N2-404	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208803	55	BAP003	7	5	07g10 - 11g30	B2-303	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502175	55	BAP003	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209003	55	BAP003	3	5	07g10 - 11g30	B2-204	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701115	55	BAP004	4	5	12g45 - 17g05	N2-402	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201213	55	BAP004	2	5	12g45 - 17g05	N2-404	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	26/09/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208804	55	BAP004	2	5	12g45 - 17g05	B2-304	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502176	55	BAP004	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209004	55	BAP004	4	5	12g45 - 17g05	B2-204	08/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500205	52	TS0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-312	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500103	52	TS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-309	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	28/08/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500403	52	TS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-309	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502116	52	TS0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506605	52	TS0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/10/25 - 06/12/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500206	52	TS0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-311	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-509	05/09/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500104	52	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-309	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500404	52	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-309	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502117	52	TS0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506606	52	TS0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-510	06/10/25 - 01/12/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500207	52	TSP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-309	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-510	20/09/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500105	52	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-309	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-510	13/09/25	
Quản trị đám đông	EN	3	25C1TOU51514401	52	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-204	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502118	52	TSP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506607	52	TSP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-307	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500201	35	KS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-308	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	13/09/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500101	35	KS0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-304	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	30/08/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500401	35	KS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-308	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502112	35	KS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506601	35	KS0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-511	07/10/25 - 02/12/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500202	35	KSP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-103	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị du lịch	EN	3	25C1TOU51513301	35	KSP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-501	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500402	35	KSP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-103	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502113	35	KSP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506602	35	KSP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-103	08/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500203	68	SK0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-106	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	19/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502114	68	SK0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506603	68	SK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-105	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500102	68	SK0001,A VTS1.K49	7	5	07g45 - 12g05	N2-105	09/08/25 - 04/10/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500204	30	SKP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-303	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị du lịch	EN	3	25C1TOU51513302	30	SKP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-304	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	03/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502115	30	SKP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506604	30	SKP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-301	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719521	55	FN0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-409	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507204	55	FN0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-404	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021113	55	FN0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508425	55	FN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-408	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	03/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719522	55	FN0002	7	5	07g45 - 12g05	N2-501	11/10/25 - 06/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507205	55	FN0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-408	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021114	55	FN0002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508426	55	FN0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-408	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719523	55	FN0003	2	5	12g45 - 17g05	N2-408	06/10/25 - 01/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507206	55	FN0003	2	5	07g10 - 11g30	N2-409	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	26/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021115	55	FN0003	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508427	55	FN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-408	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719524	55	FN0004	3	5	12g45 - 17g05	N2-403	07/10/25 - 02/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507207	55	FN0004	3	5	07g10 - 11g30	N2-409	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	23/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021116	55	FN0004	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508428	55	FN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-408	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	30/08/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719525	55	FN0005	4	5	12g45 - 17g05	N2-409	08/10/25 - 03/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507208	55	FN0005	4	5	07g10 - 11g30	N2-404	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021117	55	FN0005	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508429	55	FN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-408	08/08/25 - 03/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719526	50	FNP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-409	02/10/25 - 04/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507209	50	FNP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-410	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021118	50	FNP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508430	50	FNP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-409	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719527	50	FNP002	6	5	12g45 - 17g05	N2-409	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507210	50	FNP002	6	5	07g10 - 11g30	N2-410	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021119	50	FNP002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508431	50	FNP002	2	5	12g45 - 17g05	N2-409	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-511	20/08/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719528	50	FNP003	7	5	12g45 - 17g05	N2-410	11/10/25 - 06/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507211	50	FNP003	7	5	07g10 - 11g30	N2-502	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021120	50	FNP003	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508432	50	FNP003	3	5	12g45 - 17g05	N2-404	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-511	28/08/25	

HP TỰ CHỌN (FN0, FNP) [Chọn 1 HP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị học		3	25C1MAN50200106	55	HPTC.I.FN 0_01	6	5	07g10 - 11g30	N2-409	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200107	55	HPTC.I.FN 0_02	7	5	07g10 - 11g30	N2-501	09/08/25 - 04/10/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103703	55	HPTC.I.FN 0_03	2	5	12g45 - 17g05	N2-408	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	19/09/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103704	55	HPTC.I.FN 0_04	3	5	12g45 - 17g05	N2-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	16/08/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701116	55	HPTC.I.FN 0_05	6	5	07g45 - 12g05	N2-311	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200108	55	HPTC.I.FN 0_05bs	4	5	12g45 - 17g05	N2-409	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200109	50	HPTC.I.FN P_01	5	5	12g45 - 17g05	N2-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	19/08/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103705	50	HPTC.I.FN P_02	6	5	12g45 - 17g05	N2-409	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701117	50	HPTC.I.FN P_03	5	5	12g45 - 17g05	N2-404	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200112	60	HPTC.I.FN P_03bs	7	5	12g45 - 17g05	N2-410	09/08/25 - 04/10/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002509	50	FNF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-802	28/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720402	50	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-508	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	15/08/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909202	50	FNF001	4	5	12g45 - 17g05	B2-101	29/10/25 - 03/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510602	50	FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-509	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	22/08/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122209	50	FNF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-707	06/08/25 - 10/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021121	50	FNF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504304	50	FNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-804	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319816	50	FNF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-708	08/08/25 - 03/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006212	50	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-509	27/10/25 - 01/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002510	50	FNF002	6	5	12g45 - 17g05	B1-507	31/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720403	50	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/09/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909203	50	FNF002	5	5	12g45 - 17g05	B2-104	23/10/25 - 04/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510603	50	FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-509	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-706	13/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122210	50	FNF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-509	07/08/25 - 11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021122	50	FNF002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504305	50	FNF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-509	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319817	50	FNF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-708	09/08/25 - 04/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006213	50	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-509	28/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002511	50	FNF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-706	23/10/25 - 04/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720404	50	FNF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-508	06/08/25 - 01/10/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909204	50	FNF003	6	5	12g45 - 17g05	B2-104	31/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510604	50	FNF003	4	5	12g45 - 17g05	B1-708	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122211	50	FNF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-508	08/08/25 - 12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021123	50	FNF003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504306	50	FNF003	6	5	07g10 - 11g30	B1-508	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319818	50	FNF003	2	5	07g10 - 11g30	B1-509	04/08/25 - 06/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006214	50	FNF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-508	29/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507203	30	FI0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-410	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	05/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719520	65	FI0001,FIP 001	2	5	07g45 - 12g05	N2-106	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608404	65	FI0001,FIP 001	2	5	07g45 - 12g05	N2-106	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021112	65	FI0001,FIP 001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508424	65	FI0001,FIP 001	4	5	07g10 - 11g30	N2-106	06/08/25 - 01/10/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510601	45	FIP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-304	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-211	12/08/25	

[CT TV] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719529	50	IF0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-410	07/10/25 - 02/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507212	50	IF0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-408	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	27/09/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608405	50	IF0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-410	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021124	50	IF0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508433	50	IF0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-411	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	20/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719530	40	IFP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-408	08/10/25 - 03/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510605	40	IFP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-212	27/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608406	40	IFP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-408	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021125	40	IFP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508434	40	IFP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-411	08/08/25 - 03/10/25	

CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002512	40	IFF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-305	27/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720405	40	IFF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-409	02/10/25 - 04/12/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909205	40	IFF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-103	08/11/25 - 06/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-512	02/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510606	40	IFF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-211	19/08/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122212	40	IFF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-509	09/08/25 - 13/09/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25C1BAN50610701	40	IFF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-211	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021126	40	IFF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504307	40	IFF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-509	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319819	40	IFF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-509	05/08/25 - 07/10/25	

CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (Đề án nhân lực trình độ quốc tế_TP.HCM) KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002549	30	FBDPF1	4	5	07g10 - 11g30	B1-704	29/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720406	30	FBDPF1	7	5	07g10 - 11g30	B1-701	18/10/25 - 06/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-501	07/11/25	
Khoa học dữ liệu trong tài chính	EN	3	25C1DAT50515501	30	FBDPF1	2	5	12g45 - 17g05	B2-512	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-103	26/09/25	
Khởi nghiệp kinh doanh	EN	2	25C1ENT50223201	30	FBDPF1	5	5	07g10 - 11g30	B1-505	07/08/25 - 11/09/25	
Kinh tế lượng	EN	3	25C1INT50516001	30	FBDPF1	7	5	12g45 - 17g05	B1-408	18/10/25 - 06/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-501	14/11/25	
Luật doanh nghiệp	EN	3	25C1LAW51107203	30	FBDPF1	4	5	07g10 - 11g30	B1-701	06/08/25 - 01/10/25	
Marketing	EN	3	25C1MAR50334301	30	FBDPF1	4	5	12g45 - 17g05	B1-701	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122213	30	FBDPF1	2	5	07g10 - 11g30	B1-803	04/08/25 - 15/09/25	
SQL and Databases	EN	3	25C1SQL50515601	30	FBDPF1	5	5	07g10 - 11g30	B2-512	16/10/25 - 04/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-508	24/10/25 - 31/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021156	30	FBDPF1	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	EN	3	25C1MON50516401	30	FBDPF1	2	4	07g10 - 10g40	B1-701	06/10/25	
						2	4	12g45 - 16g15	V.02	06/10/25	
						3	4	12g45 - 16g15	V.02	07/10/25	
						3	4	07g10 - 10g40	V.02	07/10/25	
						4	4	07g10 - 10g40	V.02	08/10/25	
						4	4	12g45 - 16g15	V.02	08/10/25	
						5	4	07g10 - 10g40	V.02	09/10/25	
						5	4	12g45 - 16g15	V.02	09/10/25	
						6	4	12g45 - 16g15	V.02	10/10/25	
						6	4	07g10 - 10g40	V.02	10/10/25	
						7	4	12g45 - 16g15	V.02	11/10/25	
						7	4	07g10 - 10g40	V.02	11/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006221	30	FBDPF1	5	5	12g45 - 17g05	B1-701	07/08/25 - 11/09/25	
VBA - Visual Basic for Applications	EN	3	25C1VBA50515701	30	FBDPF1	3	5	07g10 - 11g30	B2-104	14/10/25 - 02/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-508	05/12/25	

[CT TV] NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25C1TAX50401604	60	IN0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-105	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719531	60	IN0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-105	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507213	60	IN0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-105	08/08/25 - 03/10/25	
Nguyên lý bảo hiểm		3	25C1FIN50502301	60	IN0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-105	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021127	60	IN0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C1ECO50100102	55	IT0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-202	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	06/09/25	
Lập trình hướng đối tượng		3	25C1INF50903702	55	IT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-507	30/08/25	
Mạng máy tính		3	25C1INF50902402	55	IT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-508	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50911901	55	IT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-508	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502107	55	IT0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900802	60	BI0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-307	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502101	60	BI0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901101	60	BI0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-307	08/10/25 - 03/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900601	32	BI0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-102	06/10/25 - 01/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900501	32	BI0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-102	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-103	19/09/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900602	32	BI0001.2	3	5	07g10 - 11g30	B2-102	07/10/25 - 02/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900502	32	BI0001.2	3	5	07g10 - 11g30	B2-102	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-104	16/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900603	52	ER0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-511	06/10/25 - 01/12/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900805	52	ER0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-308	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719502	52	ER0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-310	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-509	29/08/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25C1INF50900901	52	ER0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-511	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502106	52	ER0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901105	52	ER0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-308	08/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1INF50900701	52	SE0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-512	08/10/25 - 03/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900604	55	SE0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-512	08/10/25 - 03/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900506	55	SE0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-512	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502108	52	SE0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901106	55	SE0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-308	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập trình Python		3	25C1INF50915201	60	CS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-508	08/08/25 - 03/10/25	
Lập trình hướng đối tượng		3	25C1INF50903701	60	CS0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-507	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-507	30/08/25	
Lý thuyết đồ thị		3	25C1INF50915101	60	CS0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-310	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502102	60	CS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Trí tuệ nhân tạo		3	25C1INF50904203	60	CS0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-507	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900503	60	EE0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-508	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	03/09/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900803	60	EE0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-310	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200102	60	EE0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-308	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502103	60	EE0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901102	60	EE0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-310	10/10/25 - 05/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900504	60	EE0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-508	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-507	23/09/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900804	60	EE0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-309	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200103	60	EE0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-308	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502104	60	EE0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901103	60	EE0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-309	11/10/25 - 06/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900505	40	EEP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-103	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25C1INF50905501	40	EEP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-308	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	13/08/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200104	40	EEP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-309	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	20/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502105	40	EEP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901104	40	EEP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-308	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C1ECO50100103	48	CY0001	3	5	07g10 - 11g30	N2-307	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	14/08/25	
Lý thuyết mật mã		3	25C1INF50911701	48	CY0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-308	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	21/08/25	
Lý thuyết thông tin và mã hóa		3	25C1INF50911801	48	CY0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-308	07/10/25 - 02/12/25	
Mạng máy tính		3	25C1INF50902403	48	CY0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-507	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021106	48	CY0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	

[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1INF50900702	45	DS0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-104	10/10/25 - 05/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900609	45	DS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-102	10/10/25 - 05/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900507	45	DS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-102	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021105	45	DS0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901107	45	DS0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-302	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế kỹ thuật		3	25C1INT54700501	72	IC0001,ICP 001	3	5	12g45 - 17g05	B1-404	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	07/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021153	75	IC0001,ICP 001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thị giác máy		3	25C1INT54702401	72	IC0001,ICP 001	4	5	07g10 - 11g30	B1-402	06/08/25 - 01/10/25	
Điều khiển Logic khả trình		3	25C1INT54710301	72	IC0001,ICP 001	3	5	12g45 - 17g05	B1-403	07/10/25 - 02/12/25	
Điện tử công suất		3	25C1INT54710101	72	IC0001,ICP 001	4	5	12g45 - 17g05	B1-404	06/08/25 - 01/10/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến		3	25C1INT54701501	65	IC0001,RA 0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-403	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	31/08/25	
Khoa học máy tính 2		3	25C1INT54702001	65	IC0001,RA 0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-404	08/08/25 - 03/10/25	
Kỹ thuật robot 1		3	25C1INT54701801	65	IC0001,RA 0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-404	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết điều khiển tự động		3	25C1INT54701201	65	IC0001,RA 0001	5	5	12g45 - 17g05	B1-403	02/10/25 - 04/12/25	
Thiết kế máy		3	25C1INT54701701	65	IC0001,RA 0001	4	5	12g45 - 17g05	B1-403	08/10/25 - 03/12/25	
Vi điều khiển		3	25C1INT54701401	65	IC0001,RA 0001	2	5	12g45 - 17g05	B1-402	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	24/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ cấu chấp hành và cảm biến	EN	3	25C1INT54706101	30	ICP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-409	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	14/09/25	
Khoa học máy tính 2	EN	3	25C1INT54709001	30	ICP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-506	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	28/09/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25C1INT54706201	30	ICP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-407	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết điều khiển tự động	EN	3	25C1INT54708801	30	ICP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-503	02/10/25 - 04/12/25	
Thiết kế máy	EN	3	25C1INT54708001	30	ICP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-707	08/10/25 - 03/12/25	
Vi điều khiển	EN	3	25C1INT54706501	30	ICP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-504	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	21/09/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25C1ENG51319901	37	K50.TACT D1.IC0.ICP _01	7	5	07g10 - 11g30	B2-304	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25C1ENG51319902	37	K50.TACT D1.IC0.ICP _02	7	5	12g45 - 17g05	B2-502	09/08/25 - 04/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ quản lý kho vận và tồn kho		3	25C1INT54712401	50	LT0.LTP_0 1B	2	5	12g45 - 17g05	B1-408	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	28/09/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến		3	25C1INT54701502	40	LT0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-504	10/10/25 - 05/12/25	
Kinh tế kỹ thuật		3	25C1INT54700503	40	LT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-503	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	05/10/25	
Kỹ thuật robot 1		3	25C1INT54701802	40	LT0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-502	02/10/25 - 04/12/25	
Thiết kế máy		3	25C1INT54701702	40	LT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-501	07/10/25 - 02/12/25	
Vận trù học		3	25C1INT54704801	40	LT0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-501	08/10/25 - 03/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C1ACC50700101	65	LT0001,LT P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-411	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	17/08/25	
Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin		3	25C1INT54712301	65	LT0001,LT P001	6	5	12g45 - 17g05	B1-402	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021155	65	LT0001,LT P001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng		3	25C1INT54704901	65	LT0001,LT P001	2	5	07g10 - 11g30	B2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến	EN	3	25C1INT54706103	25	LTP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-504	02/10/25 - 04/12/25	
Cơ kỹ thuật 2	EN	3	25C1INT54707802	25	LTP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-502	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	05/10/25	
Kinh tế kỹ thuật	EN	3	25C1INT54707201	25	LTP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-411	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25C1INT54706203	25	LTP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-502	08/10/25 - 03/12/25	
Thiết kế máy	EN	3	25C1INT54708003	25	LTP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-302	07/10/25 - 02/12/25	
Vận trù học	EN	3	25C1INT54706301	25	LTP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-302	08/10/25 - 03/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Học máy		3	25C1INT54703401	65	HPTC.I.RA 0.RAP_RA 0001,RAP0 01	7	5	12g45 - 17g05	B2-402	11/10/25 - 06/12/25	
Thí nghiệm vật lý		1	25C1INT54700301	30	RA.LT_TN VL_01B	2	5	12g45 - 17g05	Xuong Inv 1	27/10/25 - 01/12/25	
Thí nghiệm vật lý		1	25C1INT54700302	30	RA.LT_TN VL_02B	3	5	07g10 - 11g30	Xuong Inv 1	28/10/25 - 02/12/25	
Thí nghiệm vật lý		1	25C1INT54700303	30	RA.LT_TN VL_03B	3	5	12g45 - 17g05	Xuong Inv 1	28/10/25 - 02/12/25	
Cơ kỹ thuật 2		3	25C1INT54701101	65	RA0001,LT 0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-404	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	31/08/25	
Kinh tế kỹ thuật		3	25C1INT54700502	60	RA0001,R AP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-404	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	24/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021154	65	RA0001,R AP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thị giác máy		3	25C1INT54702402	60	RA0001,R AP001	7	5	07g10 - 11g30	B1-404	11/10/25 - 06/12/25	
Trí tuệ nhân tạo	EN	3	25C1INT54706801	50	RAP.LTP_ 01B	3	5	07g10 - 11g30	B2-504	05/08/25 - 07/10/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến	EN	3	25C1INT54706102	35	RAP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-409	06/08/25 - 01/10/25	
Cơ kỹ thuật 2	EN	3	25C1INT54707801	35	RAP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-407	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	21/09/25	
Khoa học máy tính 2	EN	3	25C1INT54709002	35	RAP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-402	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	14/09/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25C1INT54706202	35	RAP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-306	07/10/25 - 02/12/25	
Lý thuyết điều khiển tự động	EN	3	25C1INT54708802	35	RAP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-502	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	07/09/25	
Thiết kế máy	EN	3	25C1INT54708002	40	RAP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-407	06/10/25 - 01/12/25	
Vi điều khiển	EN	3	25C1INT54706502	35	RAP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-407	08/08/25 - 03/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án Nghệ thuật và văn hóa		3	25C1MED54815501	50	DD0001	7	5	07g10 - 11g30	B1-505	27/09/25 - 03/01/26	
Dựng hình và kết xuất		3	25C1MED54816901	50	DD0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-510	04/08/25 - 08/12/25	
Sáng tạo nội dung truyền thông		3	25C1MED54815901	50	DD0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-408	08/08/25 - 24/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021150	50	DD0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Dự án Nghệ thuật và văn hóa	EN	3	25C1MED54817701	40	DDF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-407	27/09/25 - 03/01/26	
Dựng hình và kết xuất	EN	3	25C1MED54817801	40	DDF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-510	06/08/25 - 03/12/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002428	40	DDF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-505	08/08/25 - 12/09/25	
Sáng tạo nội dung truyền thông	EN	3	25C1MED54817302	40	DDF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-505	04/08/25 - 27/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021152	40	DDF001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320037	40	DDF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-409	08/08/25 - 03/10/25	
Dự án Nghệ thuật và văn hóa		3	25C1MED54815502	20	DDP001	3	5	12g45 - 17g05	B1-406	23/09/25 - 30/12/25	
Dựng hình và kết xuất		3	25C1MED54816902	20	DDP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-510	07/08/25 - 11/12/25	
Sáng tạo nội dung truyền thông	EN	3	25C1MED54817301	20	DDP001	5	5	07g10 - 11g30	B1-408	07/08/25 - 23/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021151	20	DDP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Quản trị và truyền thông		3	25C1MED54800601	50	HPTC.I.DD 0_DD0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-407	07/08/25 - 23/10/25	
Quản trị và truyền thông	EN	3	25C1MED54807202	40	HPTC.I.DD F_DDF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-505	05/08/25 - 28/10/25	
Quản trị và truyền thông	EN	3	25C1MED54807201	20	HPTC.I.DD P_DDP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-704	06/08/25 - 22/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT(ART TECH) KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (ART TECH) KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công thái học		3	25C1MED54811701	42	AT0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-409	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-409	09/08/25 - 06/09/25	
Hiệu ứng hình ảnh VFX		3	25C1MED54812201	42	AT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-510	23/09/25 - 30/12/25	
Mình họa kỹ thuật số		2	25C1MED54810901	42	AT0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-510	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021148	42	AT0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Studio thuật toán sáng tạo		3	25C1MED54819301	42	AT0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-701	04/08/25 - 15/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-701	07/08/25 - 11/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-701	08/08/25 - 12/09/25	
Thiết kế ảo và tương tác		3	25C1MED54812501	42	AT0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-105	27/08/25 - 22/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-105	19/09/25 - 24/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005946	42	AT0001	4	5	07g10 - 11g30	B1-708	29/10/25 - 03/12/25	
Công thái học		3	25C1MED54811702	30	ATP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-804	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-505	09/08/25 - 06/09/25	
Hiệu ứng hình ảnh VFX		3	25C1MED54812202	30	ATP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-510	23/09/25 - 30/12/25	
Mình họa kỹ thuật số		2	25C1MED54810902	30	ATP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-510	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021149	30	ATP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Studio thuật toán sáng tạo		3	25C1MED54819302	30	ATP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-405	04/08/25 - 15/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-405	06/08/25 - 10/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-405	08/08/25 - 12/09/25	
Thiết kế ảo và tương tác		3	25C1MED54812502	30	ATP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-105	28/08/25 - 16/10/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-105	13/09/25 - 25/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006220	30	ATP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-409	27/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201701	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _01	5	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
						5	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201702	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _02	5	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
						5	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201703	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _03	5	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
						5	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201704	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _04	6	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
						6	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201705	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _05	6	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201706	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _06	6	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902201	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 01	3	5	12g45 - 17g05	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902202	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 02	3	5	12g45 - 17g05	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902203	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 03	3	5	07g10 - 11g30	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902204	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 04	7	5	12g45 - 17g05	B2-215	11/10/25 - 03/01/26	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-215	11/10/25 - 03/01/26	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902205	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 05	7	5	07g10 - 11g30	B2-215	11/10/25 - 03/01/26	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-215	11/10/25 - 03/01/26	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902206	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 06	7	5	07g10 - 11g30	B2-215	11/10/25 - 03/01/26	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-215	11/10/25 - 03/01/26	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021146	65	SC0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Lịch sử kiến trúc và đô thị		3	25C1ARC51202001	33	SC0001.1	7	5	07g10 - 11g30	B1-409	09/08/25 - 11/10/25	
Thiết kế cảnh quan thông minh		3	25C1ARC51202601	33	SC0001.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-805	31/10/25 - 26/12/25	
Lịch sử kiến trúc và đô thị		3	25C1ARC51202002	32	SC0001.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-408	09/08/25 - 11/10/25	
Thiết kế cảnh quan thông minh		3	25C1ARC51202602	32	SC0001.2	2	5	12g45 - 17g05	B1-406	27/10/25 - 22/12/25	
Lịch sử kiến trúc và đô thị	EN	3	25C1ARC54904201	30	SCP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-409	04/08/25 - 13/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021147	30	SCP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thiết kế cảnh quan thông minh	EN	3	25C1ARC54904401	30	SCP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-805	31/10/25 - 26/12/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1TEC55005001	40	FE0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-102	06/08/25 - 01/10/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507201	40	FE0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-405	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021107	40	FE0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508422	40	FE0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-405	07/10/25 - 02/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608801	40	FE0001	7	5	07g45 - 12g05	N1-405	11/10/25 - 06/12/25	
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1TEC55005002	40	FEP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-103	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-104	28/08/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507202	40	FEP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-405	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021108	40	FEP001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508423	40	FEP001	4	5	12g45 - 17g05	N1-707	08/10/25 - 03/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608802	40	FEP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-405	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An ninh thông tin		3	25C1INF50904002	65	TI0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-502	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống kỹ thuật số căn bản		3	25C1TEC55002401	65	TI0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-508	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu		3	25C1TEC55000301	65	TI0001	5	5	07g10 - 11g30	V.11	07/08/25 - 18/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	V.11	30/08/25 - 06/09/25	
Khoa học dữ liệu nâng cao		3	25C1TEC55002301	65	TI0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-508	23/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021109	65	TI0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002502	35	TI0001.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-508	06/10/25 - 01/12/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002504	30	TI0001.2	3	5	12g45 - 17g05	B2-104	07/10/25 - 02/12/25	
An ninh thông tin		3	25C1INF50904003	45	TIP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-505	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống kỹ thuật số căn bản		3	25C1TEC55002402	45	TIP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-102	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu		3	25C1TEC55000302	45	TIP001	5	5	12g45 - 17g05	V.11	07/08/25 - 18/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	V.11	30/08/25 - 06/09/25	
Khoa học dữ liệu nâng cao		3	25C1TEC55002302	45	TIP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-512	08/08/25 - 03/10/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002503	45	TIP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-512	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021110	45	TIP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thống kê toán		3	25C1MAT50800801	50	AS0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-310	09/08/25 - 04/10/25	
Toán tài chính (dành cho chuyên viên định phí)		3	25C1MAT50806601	50	AS0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-310	11/10/25 - 06/12/25	
Lý thuyết xác suất nâng cao		3	25C1MAT50806501	72	AS0001,AS P001	7	5	12g45 - 17g05	N2-105	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502109	72	AS0001,AS P001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900605	35	AS0001,AS P001.1	5	5	12g45 - 17g05	N1-306	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình cơ bản		3	25C1INF50906601	35	AS0001,AS P001.1	5	5	12g45 - 17g05	N1-306	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-306	26/08/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900606	35	AS0001,AS P001.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-306	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình cơ bản		3	25C1INF50906602	35	AS0001,AS P001.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-306	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-306	09/09/25	
Thống kê toán	EN	3	25C1MAT50808401	30	ASP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-306	08/08/25 - 03/10/25	
Toán tài chính (dành cho chuyên viên định phí)	EN	3	25C1MAT50808501	30	ASP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-306	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900607	55	FM0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-508	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình cơ bản		3	25C1INF50906603	55	FM0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-508	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-507	06/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502110	55	FM0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508402	55	FM0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-309	06/10/25 - 01/12/25	
Thống kê toán		3	25C1MAT50800802	55	FM0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-309	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	12/09/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD II		3	25C1STA50802701	35	TK0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-302	07/10/25 - 02/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900608	50	TK0001,TK P001	3	5	07g10 - 11g30	B2-512	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-104	21/08/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402902	50	TK0001,TK P001	7	5	07g10 - 11g30	N2-311	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200105	50	TK0001,TK P001	7	5	07g10 - 11g30	N2-311	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502111	50	TK0001,TK P001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tin học trong kinh doanh		3	25C1INF50900101	50	TK0001,TK P001	3	5	07g10 - 11g30	B2-512	07/10/25 - 02/12/25	
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD II	EN	3	25C1STA50809201	15	TKP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-705	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-406	12/08/25	

[CT TV] NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế bất động sản		3	25C1ECO50105601	50	RE0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-403	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113804	50	RE0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-403	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25C1ECO50108803	50	RE0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-403	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế đô thị		3	25C1ECO50105501	50	RE0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-403	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502192	50	RE0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Đầu tư và tài trợ bất động sản		3	25C1ECO50105101	50	RE0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-403	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	03/10/25	
Kinh tế bất động sản		3	25C1ECO50105602	50	RE0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-403	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113805	50	RE0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-403	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-509	13/09/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25C1ECO50108804	50	RE0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-403	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế đô thị		3	25C1ECO50105502	50	RE0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-403	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502193	50	RE0002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Đầu tư và tài trợ bất động sản		3	25C1ECO50105102	50	RE0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-509	20/09/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113901	40	AR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-105	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305213	60	AR0001,A RP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-105	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế học chuỗi giá trị nông sản thực phẩm		3	25C1ECO50122401	60	AR0001,A RP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-105	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106701	60	AR0001,A RP001	4	5	07g10 - 11g30	N2-105	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502182	60	AR0001,A RP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Kinh tế học tài chính	EN	3	25C1ECO50123901	30	ARP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-406	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-705	29/08/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25C1MAT50800402	72	ECO0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-106	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-107	12/08/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113801	72	ECO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-207	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502183	72	ECO0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tối ưu hóa		3	25C1MAT50800301	72	ECO0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-106	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế lượng		3	25C1MAT50800403	40	ECOP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-402	08/08/25 - 03/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50119201	40	ECOP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-305	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	13/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502184	40	ECOP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tối ưu hóa		3	25C1MAT50800302	40	ECOP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-402	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113902	55	IV0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-401	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106705	55	IV0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-401	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100702	55	IV0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-404	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502188	55	IV0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Thực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114203	55	IV0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113903	55	IV0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-408	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106706	55	IV0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-408	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	12/08/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100703	55	IV0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-408	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502189	55	IV0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Thực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114204	55	IV0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-309	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113904	50	IVP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-201	10/10/25 - 05/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106707	50	IVP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-201	08/08/25 - 03/10/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112502	50	IVP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-305	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-502	17/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502190	50	IVP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Thực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114205	50	IVP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-511	10/10/25 - 05/12/25	
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113905	50	IVP002	7	5	07g10 - 11g30	N2-409	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106708	50	IVP002	7	5	07g10 - 11g30	N2-409	09/08/25 - 04/10/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112503	50	IVP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-306	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502191	50	IVP002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Thực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114206	50	IVP002	7	5	12g45 - 17g05	N2-510	11/10/25 - 06/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106709	40	VA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-506	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113806	40	VA0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-506	08/08/25 - 03/10/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117405	40	VA0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-506	10/10/25 - 05/12/25	
Pháp luật về thẩm định giá		3	25C1LAW51109301	40	VA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-506	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502194	40	VA0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106710	40	VA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-506	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	12/08/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113807	40	VA0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-506	09/08/25 - 04/10/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117406	40	VA0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-506	11/10/25 - 06/12/25	
Pháp luật về thẩm định giá		3	25C1LAW51109302	40	VA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-506	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502195	40	VA0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106711	40	VAP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-512	08/08/25 - 03/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50119203	40	VAP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-306	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	20/08/25	
Nguyên lý thẩm định giá (EN)	EN	3	25C1ECO50112103	40	VAP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-306	06/10/25 - 01/12/25	
Pháp luật về thẩm định giá		3	25C1LAW51109303	40	VAP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-512	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502196	40	VAP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dân số và phát triển		3	25C1ECO50115801	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-312	08/10/25 - 03/12/25	
Khoa học quản lý		3	25C1ECO50115901	50	HR0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-309	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế học lao động		3	25C1ECO50102101	50	HR0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106702	50	HR0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	26/09/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113802	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-312	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502185	50	HR0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Dân số và phát triển		3	25C1ECO50115802	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-404	02/10/25 - 04/12/25	
Khoa học quản lý		3	25C1ECO50115902	50	HR0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-510	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế học lao động		3	25C1ECO50102102	50	HR0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-402	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106703	50	HR0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-402	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	06/09/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113803	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-404	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	30/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502186	50	HR0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Dân số và phát triển		3	25C1ECO50115803	60	HRP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-105	07/10/25 - 02/12/25	
Khoa học quản lý		3	25C1ECO50115903	60	HRP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-312	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh tế học lao động		3	25C1ECO50102103	60	HRP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-402	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106704	60	HRP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-402	09/08/25 - 04/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50119202	60	HRP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-411	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502187	60	HRP001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719516	60	HQ0001	2	5	07g45 - 12g05	N2-404	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	29/08/25	
Nguyên lý quản lý hải quan		3	25C1CUS50403201	60	HQ0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-404	06/10/25 - 01/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402903	60	HQ0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-402	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021100	60	HQ0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508419	60	HQ0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Thương mại quốc tế: lý thuyết và chính sách		3	25C1CUS50405901	60	HQ0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-404	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719517	55	HQP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-404	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	13/09/25	
Nguyên lý quản lý hải quan		3	25C1CUS50403202	55	HQP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-404	07/10/25 - 02/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng	EN	3	25C1PUF50405301	55	HQP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	06/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021101	55	HQP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504303	55	HQP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	02/10/25 - 04/12/25	
Thương mại quốc tế: lý thuyết và chính sách	EN	3	25C1PUF50408401	55	HQP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-509	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản I		3	25C1ACC50713001	55	PF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-404	09/08/25 - 04/10/25	
Luật doanh nghiệp		2	25C1LAW51111501	55	PF0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-410	09/08/25 - 13/09/25	
Nguyên lý Thuế		3	25C1TAX50400301	55	PF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-404	11/10/25 - 06/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402904	55	PF0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-402	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-511	21/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021102	55	PF0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính Công		3	25C1PUF50400203	55	PF0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-402	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719518	40	TA0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-403	06/08/25 - 01/10/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103701	40	TA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-404	06/08/25 - 01/10/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402905	40	TA0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-408	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608402	40	TA0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-403	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021103	40	TA0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508420	40	TA0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-408	10/10/25 - 05/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402906	40	TA0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-411	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608403	40	TA0002	5	5	07g45 - 12g05	N2-409	02/10/25 - 04/12/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508421	40	TA0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-411	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719519	60	TA0002,TA P001	5	5	07g45 - 12g05	N2-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	19/08/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103702	60	TA0002,TA P001	5	5	12g45 - 17g05	N2-404	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021104	60	TA0002,TA P001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng	EN	3	25C1PUF50405302	30	TAP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-306	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-212	20/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25C1BAN50610702	30	TAP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-304	10/10/25 - 05/12/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504309	30	TAP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-306	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị chiến lược các tổ chức công		3	25C1PUM51200701	55	CT0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-403	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502181	55	CT0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính Công		3	25C1PUF50400202	55	CT0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-402	02/10/25 - 04/12/25	
Triết học - phần CN duy vật biện chứng		3	25C1PHI51000701	55	CT0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-403	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-509	06/09/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C1ECO50100201	55	CT0001,A	5	5	12g45 - 17g05	N2-402	07/08/25 - 25/09/25	
					VTS1.K49	7	5	12g45 - 17g05	N2-411	06/09/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C1ENG51314001	55	AV0001	3	5	07g10 - 11g30	A210	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	A401	04/09/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C1ENG51314201	55	AV0001	5	5	07g10 - 11g30	A210	02/10/25 - 04/12/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C1ENG51314101	55	AV0001	4	5	07g10 - 11g30	A303	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502197	55	AV0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh		3	25C1ENG51304301	55	AV0001	2	5	07g10 - 11g30	A210	06/10/25 - 01/12/25	
Tiếng Việt thực hành		2	25C1ENG51303701	55	AV0001	6	5	07g10 - 11g30	A210	08/08/25 - 12/09/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C1ENG51314002	55	AV0002	4	5	07g10 - 11g30	A211	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C1ENG51314202	55	AV0002	6	5	07g10 - 11g30	A210	10/10/25 - 05/12/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C1ENG51314102	55	AV0002	5	5	07g10 - 11g30	A210	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A401	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502198	55	AV0002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh		3	25C1ENG51304302	55	AV0002	3	5	07g10 - 11g30	A210	07/10/25 - 02/12/25	
Tiếng Việt thực hành		2	25C1ENG51303702	55	AV0002	2	5	07g10 - 11g30	A303	04/08/25 - 15/09/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C1ENG51314003	55	AV0003	3	5	12g45 - 17g05	A303	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	A401	04/09/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C1ENG51314203	55	AV0003	5	5	12g45 - 17g05	A210	02/10/25 - 04/12/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C1ENG51314103	55	AV0003	4	5	12g45 - 17g05	A210	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502199	55	AV0003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh		3	25C1ENG51304303	55	AV0003	2	5	12g45 - 17g05	A210	06/10/25 - 01/12/25	
Tiếng Việt thực hành		2	25C1ENG51303703	55	AV0003	6	5	12g45 - 17g05	A210	08/08/25 - 12/09/25	

LỊCH HỌC HP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002513	95	K50.CNXH KH.001	4	5	07g45 - 12g05	N2-205	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002514	95	K50.CNXH KH.002	4	5	12g45 - 17g05	N2-205	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002515	95	K50.CNXH KH.003	6	5	07g45 - 12g05	N2-205	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002516	95	K50.CNXH KH.004	6	5	12g45 - 17g05	N2-205	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002517	95	K50.CNXH KH.005	7	5	07g45 - 12g05	N2-205	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002518	95	K50.CNXH KH.006	7	5	12g45 - 17g05	N2-205	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002519	95	K50.CNXH KH.007	4	5	07g45 - 12g05	N2-305	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002520	95	K50.CNXH KH.008	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002521	95	K50.CNXH KH.009	6	5	07g45 - 12g05	N2-305	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002522	95	K50.CNXH KH.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002523	95	K50.CNXH KH.011	7	5	07g45 - 12g05	N2-305	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002524	95	K50.CNXH KH.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002525	95	K50.CNXH KH.013	4	5	07g45 - 12g05	N2-407	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002526	95	K50.CNXH KH.014	4	5	12g45 - 17g05	N2-407	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002527	95	K50.CNXH KH.015	6	5	07g45 - 12g05	N2-407	31/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002528	95	K50.CNXH KH.016	6	5	12g45 - 17g05	N2-407	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002529	95	K50.CNXH KH.017	7	5	07g45 - 12g05	N2-407	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002530	95	K50.CNXH KH.018	7	5	12g45 - 17g05	N2-407	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002531	95	K50.CNXH KH.019	4	5	07g45 - 12g05	N2-505	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002532	95	K50.CNXH KH.020	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002533	95	K50.CNXH KH.021	6	5	07g45 - 12g05	N2-505	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002534	95	K50.CNXH KH.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002535	95	K50.CNXH KH.023	7	5	07g45 - 12g05	N2-505	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002536	95	K50.CNXH KH.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002537	95	K50.CNXH KH.025	3	5	07g45 - 12g05	N2-205	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-205	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002538	95	K50.CNXH KH.026	3	5	12g45 - 17g05	N2-205	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-205	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002539	95	K50.CNXH KH.027	3	5	07g45 - 12g05	N2-305	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-305	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002540	95	K50.CNXH KH.028	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002541	95	K50.CNXH KH.029	3	5	07g45 - 12g05	N2-405	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-405	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002542	95	K50.CNXH KH.030	3	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002543	95	K50.CNXH KH.031	2	5	07g45 - 12g05	N2-205	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-407	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002544	95	K50.CNXH KH.032	2	5	12g45 - 17g05	N2-205	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-407	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002545	95	K50.CNXH KH.033	2	5	07g45 - 12g05	N2-305	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-505	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002546	95	K50.CNXH KH.034	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-505	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002547	95	K50.CNXH KH.035	2	5	07g45 - 12g05	N2-405	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-507	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002548	95	K50.CNXH KH.036	2	5	12g45 - 17g05	N2-405	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-507	27/11/25	

LỊCH HỌC HP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122001	95	K50.PTBV. 001	2	5	07g10 - 11g30	N2-305	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122002	95	K50.PTBV. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122003	95	K50.PTBV. 003	3	5	07g10 - 11g30	N2-305	05/08/25 - 16/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122004	95	K50.PTBV. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	05/08/25 - 16/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122005	95	K50.PTBV. 005	4	5	07g10 - 11g30	N2-305	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122006	95	K50.PTBV. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122007	95	K50.PTBV. 007	5	5	07g10 - 11g30	N2-305	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122008	95	K50.PTBV. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-305	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122009	95	K50.PTBV. 009	6	5	07g10 - 11g30	N2-305	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122010	95	K50.PTBV. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122011	95	K50.PTBV. 011	7	5	07g10 - 11g30	N2-305	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122012	95	K50.PTBV. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122013	95	K50.PTBV. 013	2	5	07g10 - 11g30	N2-505	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122014	95	K50.PTBV. 014	2	5	12g45 - 17g05	N2-505	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122015	95	K50.PTBV. 015	3	5	07g10 - 11g30	N2-505	05/08/25 - 16/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122016	95	K50.PTBV. 016	3	5	12g45 - 17g05	N2-505	05/08/25 - 16/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122017	95	K50.PTBV. 017	4	5	07g10 - 11g30	N2-505	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122018	95	K50.PTBV. 018	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122019	95	K50.PTBV. 019	5	5	07g10 - 11g30	N2-505	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122020	95	K50.PTBV. 020	5	5	12g45 - 17g05	N2-505	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122021	95	K50.PTBV. 021	6	5	07g10 - 11g30	N2-505	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122022	95	K50.PTBV. 022	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122023	95	K50.PTBV. 023	7	5	07g10 - 11g30	N2-505	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122024	95	K50.PTBV. 024	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122025	95	K50.PTBV. 025	2	5	07g10 - 11g30	N2-505	22/09/25 - 27/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122026	95	K50.PTBV. 026	2	5	12g45 - 17g05	N2-505	22/09/25 - 27/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122027	95	K50.PTBV. 027	3	5	07g10 - 11g30	N2-505	23/09/25 - 28/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122028	95	K50.PTBV. 028	3	5	12g45 - 17g05	N2-505	23/09/25 - 28/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122029	95	K50.PTBV. 029	4	5	07g10 - 11g30	N2-505	17/09/25 - 22/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122030	95	K50.PTBV. 030	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	17/09/25 - 22/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122031	95	K50.PTBV. 031	5	5	07g10 - 11g30	N2-505	18/09/25 - 23/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122032	95	K50.PTBV. 032	5	5	12g45 - 17g05	N2-505	18/09/25 - 23/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122033	95	K50.PTBV. 033	6	5	07g10 - 11g30	N2-505	19/09/25 - 24/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122034	95	K50.PTBV. 034	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	19/09/25 - 24/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122035	95	K50.PTBV. 035	7	5	07g10 - 11g30	N2-505	20/09/25 - 25/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122036	95	K50.PTBV. 036	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	20/09/25 - 25/10/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP2)_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319833	44	K50.TACO B2.001	2	5	07g10 - 11g30	N1-505	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319834	44	K50.TACO B2.002	2	5	12g45 - 17g05	N1-505	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319835	44	K50.TACO B2.003	3	5	07g10 - 11g30	N1-505	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319836	44	K50.TACO B2.004	3	5	12g45 - 17g05	N1-505	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319837	44	K50.TACO B2.005	4	5	07g10 - 11g30	N1-505	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319838	44	K50.TACO B2.006	4	5	12g45 - 17g05	N1-505	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319839	44	K50.TACO B2.007	5	5	07g10 - 11g30	N1-505	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319840	44	K50.TACO B2.008	5	5	12g45 - 17g05	N1-505	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319841	44	K50.TACO B2.009	6	5	07g10 - 11g30	N1-505	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319842	44	K50.TACO B2.010	6	5	12g45 - 17g05	N1-505	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319843	44	K50.TACO B2.011	7	5	07g10 - 11g30	N1-505	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319844	44	K50.TACO B2.012	7	5	12g45 - 17g05	N1-505	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319845	44	K50.TACO B2.013	2	5	07g10 - 11g30	N1-606	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319846	44	K50.TACO B2.014	2	5	12g45 - 17g05	N1-606	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319847	44	K50.TACO B2.015	3	5	07g10 - 11g30	N1-606	05/08/25 - 07/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319848	44	K50.TACO B2.016	3	5	12g45 - 17g05	N1-606	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319849	44	K50.TACO B2.017	4	5	07g10 - 11g30	N1-606	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319850	44	K50.TACO B2.018	4	5	12g45 - 17g05	N1-606	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319851	44	K50.TACO B2.019	5	5	07g10 - 11g30	N1-606	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319852	44	K50.TACO B2.020	5	5	12g45 - 17g05	N1-606	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319853	44	K50.TACO B2.021	6	5	07g10 - 11g30	N1-606	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319854	44	K50.TACO B2.022	6	5	12g45 - 17g05	N1-606	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319855	44	K50.TACO B2.023	7	5	07g10 - 11g30	N1-606	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319856	44	K50.TACO B2.024	7	5	12g45 - 17g05	N1-606	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319857	44	K50.TACO B2.025	2	5	07g10 - 11g30	N1-705	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319858	44	K50.TACO B2.026	2	5	12g45 - 17g05	N1-705	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319859	44	K50.TACO B2.027	3	5	07g10 - 11g30	N1-705	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319860	44	K50.TACO B2.028	3	5	12g45 - 17g05	N1-705	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319861	44	K50.TACO B2.029	4	5	07g10 - 11g30	N1-705	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319862	44	K50.TACO B2.030	4	5	12g45 - 17g05	N1-705	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319863	44	K50.TACO B2.031	5	5	07g10 - 11g30	N1-705	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319864	44	K50.TACO B2.032	5	5	12g45 - 17g05	N1-705	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319865	44	K50.TACO B2.033	6	5	07g10 - 11g30	N1-705	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319866	44	K50.TACO B2.034	6	5	12g45 - 17g05	N1-705	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319867	44	K50.TACO B2.035	7	5	07g10 - 11g30	N1-705	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319868	44	K50.TACO B2.036	7	5	12g45 - 17g05	N1-705	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319869	44	K50.TACO B2.037	2	5	07g10 - 11g30	N1-706	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319870	44	K50.TACO B2.038	2	5	12g45 - 17g05	N1-706	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319871	44	K50.TACO B2.039	3	5	07g10 - 11g30	N1-706	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319872	44	K50.TACO B2.040	3	5	12g45 - 17g05	N1-706	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319873	44	K50.TACO B2.041	4	5	07g10 - 11g30	N1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319874	44	K50.TACO B2.042	4	5	12g45 - 17g05	N1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319875	44	K50.TACO B2.043	5	5	07g10 - 11g30	N1-706	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319876	44	K50.TACO B2.044	5	5	12g45 - 17g05	N1-706	07/08/25 - 02/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319877	44	K50.TACO B2.045	6	5	07g10 - 11g30	N1-706	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319878	44	K50.TACO B2.046	6	5	12g45 - 17g05	N1-706	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319879	44	K50.TACO B2.047	7	5	07g10 - 11g30	N1-706	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319880	44	K50.TACO B2.048	7	5	12g45 - 17g05	N1-706	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319881	44	K50.TACO B2.049	2	5	07g10 - 11g30	N2-108	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319882	44	K50.TACO B2.050	2	5	12g45 - 17g05	N2-108	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319883	44	K50.TACO B2.051	3	5	07g10 - 11g30	N2-108	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319884	44	K50.TACO B2.052	3	5	12g45 - 17g05	N2-108	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319885	44	K50.TACO B2.053	4	5	07g10 - 11g30	N2-108	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319886	44	K50.TACO B2.054	4	5	12g45 - 17g05	N2-108	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319887	44	K50.TACO B2.055	5	5	07g10 - 11g30	N2-108	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319888	44	K50.TACO B2.056	5	5	12g45 - 17g05	N2-108	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319889	44	K50.TACO B2.057	6	5	07g10 - 11g30	N2-108	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319890	44	K50.TACO B2.058	6	5	12g45 - 17g05	N2-108	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319891	44	K50.TACO B2.059	7	5	07g10 - 11g30	N2-108	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319892	44	K50.TACO B2.060	7	5	12g45 - 17g05	N2-108	09/08/25 - 04/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319893	44	K50.TACO B2.061	2	5	07g10 - 11g30	N2-206	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319894	44	K50.TACO B2.062	2	5	12g45 - 17g05	N2-206	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319895	44	K50.TACO B2.063	3	5	07g10 - 11g30	N2-206	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319896	44	K50.TACO B2.064	3	5	12g45 - 17g05	N2-206	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319897	44	K50.TACO B2.065	4	5	07g10 - 11g30	N2-206	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319898	44	K50.TACO B2.066	4	5	12g45 - 17g05	N2-206	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319899	44	K50.TACO B2.067	5	5	07g10 - 11g30	N2-206	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198100	44	K50.TACO B2.068	5	5	12g45 - 17g05	N2-206	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198101	44	K50.TACO B2.069	6	5	07g10 - 11g30	N2-206	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198102	44	K50.TACO B2.070	6	5	12g45 - 17g05	N2-206	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198103	44	K50.TACO B2.071	7	5	07g10 - 11g30	N2-206	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198104	44	K50.TACO B2.072	7	5	12g45 - 17g05	N2-206	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198105	44	K50.TACO B2.073	2	5	12g45 - 17g05	N2-103	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198106	44	K50.TACO B2.074	3	5	07g10 - 11g30	N2-103	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198107	44	K50.TACO B2.075	4	5	12g45 - 17g05	N2-103	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198108	44	K50.TACO B2.076	5	5	07g10 - 11g30	N2-103	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198109	44	K50.TACO B2.077	6	5	12g45 - 17g05	N2-103	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198110	44	K50.TACO B2.078	7	5	07g10 - 11g30	N2-103	09/08/25 - 04/10/25	

LỊCH HỌC HP KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002404	95	K50.KTCT. 001	2	5	07g45 - 12g05	N2-507	04/08/25 - 15/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002405	95	K50.KTCT. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-507	04/08/25 - 15/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002406	95	K50.KTCT. 003	3	5	07g45 - 12g05	N2-507	05/08/25 - 16/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002407	95	K50.KTCT. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-507	05/08/25 - 16/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002408	95	K50.KTCT. 005	4	5	07g45 - 12g05	N2-507	06/08/25 - 10/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002409	95	K50.KTCT. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-507	06/08/25 - 10/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002410	95	K50.KTCT. 007	5	5	07g45 - 12g05	N2-507	07/08/25 - 11/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002411	95	K50.KTCT. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-507	07/08/25 - 11/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002412	95	K50.KTCT. 009	6	5	07g45 - 12g05	N2-507	08/08/25 - 12/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002413	95	K50.KTCT. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-507	08/08/25 - 12/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002414	95	K50.KTCT. 011	7	5	07g45 - 12g05	N2-507	09/08/25 - 13/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002415	95	K50.KTCT. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-507	09/08/25 - 13/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002416	95	K50.KTCT. 013	2	5	07g45 - 12g05	N2-507	22/09/25 - 27/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002417	95	K50.KTCT. 014	2	5	12g45 - 17g05	N2-507	22/09/25 - 27/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002418	95	K50.KTCT. 015	3	5	07g45 - 12g05	N2-507	23/09/25 - 28/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002419	95	K50.KTCT. 016	3	5	12g45 - 17g05	N2-507	23/09/25 - 28/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002420	95	K50.KTCT. 017	4	5	07g45 - 12g05	N2-507	17/09/25 - 22/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002421	95	K50.KTCT. 018	4	5	12g45 - 17g05	N2-507	17/09/25 - 22/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002422	95	K50.KTCT. 019	5	5	07g45 - 12g05	N2-507	18/09/25 - 23/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002423	95	K50.KTCT. 020	5	5	12g45 - 17g05	N2-507	18/09/25 - 23/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002424	95	K50.KTCT. 021	6	5	07g45 - 12g05	N2-507	19/09/25 - 24/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002425	95	K50.KTCT. 022	6	5	12g45 - 17g05	N2-507	19/09/25 - 24/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002426	95	K50.KTCT. 023	7	5	07g45 - 12g05	N2-507	20/09/25 - 25/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002427	95	K50.KTCT. 024	7	5	12g45 - 17g05	N2-507	20/09/25 - 25/10/25	

LỊCH HỌC HP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326402	44	K50.NMTL H.001	2	5	07g10 - 11g30	N1-505	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326403	44	K50.NMTL H.002	2	5	12g45 - 17g05	N1-505	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326404	44	K50.NMTL H.003	3	5	07g10 - 11g30	N1-505	28/10/25 - 02/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326405	44	K50.NMTL H.004	3	5	12g45 - 17g05	N1-505	28/10/25 - 02/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326406	44	K50.NMTL H.005	4	5	07g10 - 11g30	N1-505	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326407	44	K50.NMTL H.006	4	5	12g45 - 17g05	N1-505	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326408	44	K50.NMTL H.007	5	5	07g10 - 11g30	N1-505	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326409	44	K50.NMTL H.008	5	5	12g45 - 17g05	N1-505	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326410	44	K50.NMTL H.009	6	5	07g10 - 11g30	N1-505	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326411	44	K50.NMTL H.010	6	5	12g45 - 17g05	N1-505	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326412	44	K50.NMTL H.011	7	5	07g10 - 11g30	N1-505	01/11/25 - 06/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326413	44	K50.NMTL H.012	7	5	12g45 - 17g05	N1-505	01/11/25 - 06/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326414	44	K50.NMTL H.013	2	5	07g10 - 11g30	N1-706	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326415	44	K50.NMTL H.014	2	5	12g45 - 17g05	N1-706	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326416	44	K50.NMTL H.015	3	5	07g10 - 11g30	N1-706	28/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326417	44	K50.NMTL H.016	3	5	12g45 - 17g05	N1-706	28/10/25 - 02/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326418	44	K50.NMTL H.017	4	5	07g10 - 11g30	N1-706	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326419	44	K50.NMTL H.018	4	5	12g45 - 17g05	N1-706	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326420	44	K50.NMTL H.019	5	5	07g10 - 11g30	N1-706	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326421	44	K50.NMTL H.020	5	5	12g45 - 17g05	N1-706	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326422	44	K50.NMTL H.021	6	5	07g10 - 11g30	N1-706	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326423	44	K50.NMTL H.022	6	5	12g45 - 17g05	N1-706	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326424	44	K50.NMTL H.023	7	5	07g10 - 11g30	N1-706	01/11/25 - 06/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326425	44	K50.NMTL H.024	7	5	12g45 - 17g05	N1-706	01/11/25 - 06/12/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ, TRUYỀN THÔNG VÀ THIẾT KẾ (HP2)_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320001	44	K50.TACT D2.001	2	5	07g10 - 11g30	N2-313	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320002	44	K50.TACT D2.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-313	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320003	44	K50.TACT D2.003	3	5	07g10 - 11g30	N2-313	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320004	44	K50.TACT D2.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-313	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320005	44	K50.TACT D2.005	4	5	07g10 - 11g30	N2-313	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320006	44	K50.TACT D2.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-313	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320007	44	K50.TACT D2.007	5	5	07g10 - 11g30	N2-313	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320008	44	K50.TACT D2.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-313	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320009	44	K50.TACT D2.009	6	5	07g10 - 11g30	N2-313	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320010	44	K50.TACT D2.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-313	08/08/25 - 03/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320011	44	K50.TACT D2.011	7	5	07g10 - 11g30	N2-313	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320012	44	K50.TACT D2.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-313	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320013	44	K50.TACT D2.013	2	5	07g10 - 11g30	N2-406	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320014	44	K50.TACT D2.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-406	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320015	44	K50.TACT D2.015	3	5	07g10 - 11g30	N2-406	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320016	44	K50.TACT D2.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-406	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320017	44	K50.TACT D2.017	4	5	07g10 - 11g30	N2-406	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320018	44	K50.TACT D2.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-406	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320019	44	K50.TACT D2.019	5	5	07g10 - 11g30	N2-406	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320020	44	K50.TACT D2.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-406	07/08/25 - 02/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320021	44	K50.TACT D2.021	6	5	07g10 - 11g30	N2-406	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320022	44	K50.TACT D2.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-406	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320023	44	K50.TACT D2.023	7	5	07g10 - 11g30	N2-406	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320024	44	K50.TACT D2.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-406	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320025	44	K50.TACT D2.025	2	5	07g10 - 11g30	N2-412	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320026	44	K50.TACT D2.026	2	5	12g45 - 17g05	N2-412	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320027	44	K50.TACT D2.027	3	5	07g10 - 11g30	N2-412	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320028	44	K50.TACT D2.028	3	5	12g45 - 17g05	N2-412	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320029	44	K50.TACT D2.029	4	5	07g10 - 11g30	N2-412	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320030	44	K50.TACT D2.030	4	5	12g45 - 17g05	N2-412	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320031	44	K50.TACT D2.031	5	5	07g10 - 11g30	N2-412	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320032	44	K50.TACT D2.032	5	5	12g45 - 17g05	N2-412	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320033	44	K50.TACT D2.033	6	5	07g10 - 11g30	N2-412	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320034	44	K50.TACT D2.034	6	5	12g45 - 17g05	N2-412	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320035	44	K50.TACT D2.035	7	5	07g10 - 11g30	N2-412	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320036	44	K50.TACT D2.036	7	5	12g45 - 17g05	N2-412	09/08/25 - 04/10/25	

LỊCH HỌC HP KHOA HỌC DỮ LIỆU_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905913	48	K50.KHDL .001	2	5	07g10 - 11g30	N1-301	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905914	48	K50.KHDL .002	2	5	12g45 - 17g05	N1-301	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905915	48	K50.KHDL .003	2	5	12g45 - 17g05	N1-301	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905916	48	K50.KHDL .004	2	5	07g10 - 11g30	N1-303	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905917	48	K50.KHDL .005	2	5	12g45 - 17g05	N1-303	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905918	48	K50.KHDL .006	3	5	12g45 - 17g05	N1-301	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905919	48	K50.KHDL .007	3	5	07g10 - 11g30	N1-303	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905920	48	K50.KHDL .008	3	5	12g45 - 17g05	N1-303	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905921	48	K50.KHDL .009	3	5	12g45 - 17g05	N1-303	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905922	48	K50.KHDL .010	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905923	48	K50.KHDL .011	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	17/09/25 - 22/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905924	48	K50.KHDL .012	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905925	48	K50.KHDL .013	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	17/09/25 - 22/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905926	48	K50.KHDL .014	5	5	07g10 - 11g30	N1-303	07/08/25 - 11/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905927	48	K50.KHDL .015	5	5	12g45 - 17g05	N1-303	07/08/25 - 11/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905928	48	K50.KHDL .016	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	08/08/25 - 12/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905929	48	K50.KHDL .017	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	08/08/25 - 12/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905930	48	K50.KHDL .018	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	19/09/25 - 24/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905931	48	K50.KHDL .019	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	31/10/25 - 05/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905932	48	K50.KHDL .020	6	5	12g45 - 17g05	N1-306	08/08/25 - 12/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905933	48	K50.KHDL .021	6	5	12g45 - 17g05	N1-306	19/09/25 - 24/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905934	48	K50.KHDL .022	6	5	12g45 - 17g05	N1-306	31/10/25 - 05/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905935	48	K50.KHDL .023	2	5	07g10 - 11g30	N1-306	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905936	48	K50.KHDL .024	2	5	07g10 - 11g30	N1-306	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905937	48	K50.KHDL .025	2	5	12g45 - 17g05	N1-306	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905938	48	K50.KHDL .026	2	5	12g45 - 17g05	N1-306	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905939	48	K50.KHDL .027	3	5	12g45 - 17g05	N1-306	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905940	48	K50.KHDL .028	3	5	12g45 - 17g05	N1-306	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905941	48	K50.KHDL .029	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905942	48	K50.KHDL .030	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	17/09/25 - 22/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905943	48	K50.KHDL .031	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	29/10/25 - 03/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905944	48	K50.KHDL .032	4	5	12g45 - 17g05	N1-306	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905945	48	K50.KHDL .033	4	5	12g45 - 17g05	N1-306	17/09/25 - 22/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905946	48	K50.KHDL .034	4	5	12g45 - 17g05	N1-306	29/10/25 - 03/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905947	48	K50.KHDL .035	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	19/09/25 - 24/10/25	

LỊCH HỌC HP TƯ DUY THIẾT KẾ_KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005901	50	K50.TDTK. 001	2	5	07g10 - 11g30	N1-607	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005902	50	K50.TDTK. 002	2	5	12g45 - 17g05	N1-607	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005903	50	K50.TDTK. 003	3	5	07g10 - 11g30	N1-607	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005904	50	K50.TDTK. 004	3	5	12g45 - 17g05	N1-607	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005905	50	K50.TDTK. 005	4	5	07g10 - 11g30	N1-607	06/08/25 - 10/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005906	50	K50.TDTK. 006	4	5	12g45 - 17g05	N1-607	06/08/25 - 10/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005907	50	K50.TDTK. 007	5	5	07g10 - 11g30	N1-607	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005908	50	K50.TDTK. 008	5	5	12g45 - 17g05	N1-607	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005909	50	K50.TDTK. 009	6	5	07g10 - 11g30	N1-607	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005910	50	K50.TDTK. 010	6	5	12g45 - 17g05	N1-607	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005911	50	K50.TDTK. 011	7	5	07g10 - 11g30	N1-607	09/08/25 - 13/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005912	50	K50.TDTK. 012	7	5	12g45 - 17g05	N1-607	09/08/25 - 13/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005913	50	K50.TDTK. 013	2	5	07g10 - 11g30	N1-607	22/09/25 - 27/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005914	50	K50.TDTK. 014	2	5	12g45 - 17g05	N1-607	22/09/25 - 27/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005915	50	K50.TDTK. 015	3	5	07g10 - 11g30	N1-607	23/09/25 - 28/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005916	50	K50.TDTK. 016	3	5	12g45 - 17g05	N1-607	23/09/25 - 28/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005917	50	K50.TDTK. 017	4	5	07g10 - 11g30	N1-607	17/09/25 - 22/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005918	50	K50.TDTK. 018	4	5	12g45 - 17g05	N1-607	17/09/25 - 22/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005919	50	K50.TDTK. 019	5	5	07g10 - 11g30	N1-607	18/09/25 - 23/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005920	50	K50.TDTK. 020	5	5	12g45 - 17g05	N1-607	18/09/25 - 23/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005921	50	K50.TDTK. 021	6	5	07g10 - 11g30	N1-607	19/09/25 - 24/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005922	50	K50.TDTK. 022	6	5	12g45 - 17g05	N1-607	19/09/25 - 24/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005923	50	K50.TDTK. 023	7	5	07g10 - 11g30	N1-607	20/09/25 - 25/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005924	50	K50.TDTK. 024	7	5	12g45 - 17g05	N1-607	20/09/25 - 25/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005925	50	K50.TDTK. 025	2	5	07g10 - 11g30	N1-701	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005926	50	K50.TDTK. 026	2	5	12g45 - 17g05	N1-701	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005927	50	K50.TDTK. 027	3	5	07g10 - 11g30	N1-701	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005928	50	K50.TDTK. 028	3	5	12g45 - 17g05	N1-701	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005929	50	K50.TDTK. 029	4	5	07g10 - 11g30	N1-701	06/08/25 - 10/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005930	50	K50.TDTK. 030	4	5	12g45 - 17g05	N1-701	06/08/25 - 10/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005931	50	K50.TDTK. 031	5	5	07g10 - 11g30	N1-701	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005932	50	K50.TDTK. 032	5	5	12g45 - 17g05	N1-701	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005933	50	K50.TDTK. 033	6	5	07g10 - 11g30	N1-701	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005934	50	K50.TDTK. 034	6	5	12g45 - 17g05	N1-701	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005935	50	K50.TDTK. 035	7	5	07g10 - 11g30	N1-701	09/08/25 - 13/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005936	50	K50.TDTK. 036	7	5	12g45 - 17g05	N1-701	09/08/25 - 13/09/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH TẾ (HP2)_KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319603	44	K50.TACE LG2.001	2	5	07g10 - 11g30	N2-212	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319604	44	K50.TACE LG2.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-212	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319605	44	K50.TACE LG2.003	3	5	07g10 - 11g30	N2-212	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319606	44	K50.TACE LG2.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-212	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319607	44	K50.TACE LG2.005	4	5	07g10 - 11g30	N2-212	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319608	44	K50.TACE LG2.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-212	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319609	44	K50.TACE LG2.007	5	5	07g10 - 11g30	N2-212	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319610	44	K50.TACE LG2.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-212	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319611	44	K50.TACE LG2.009	6	5	07g10 - 11g30	N2-212	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319612	44	K50.TACE LG2.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-212	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319613	44	K50.TACE LG2.011	7	5	07g10 - 11g30	N2-212	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319614	44	K50.TACE LG2.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-212	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319615	44	K50.TACE LG2.013	2	5	07g10 - 11g30	N2-306	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319616	44	K50.TACE LG2.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-306	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319617	44	K50.TACE LG2.015	3	5	07g10 - 11g30	N2-306	05/08/25 - 07/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319618	44	K50.TACE LG2.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-306	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319619	44	K50.TACE LG2.017	4	5	07g10 - 11g30	N2-306	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319620	44	K50.TACE LG2.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-306	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319621	44	K50.TACE LG2.019	5	5	07g10 - 11g30	N2-306	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319622	44	K50.TACE LG2.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-306	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319623	44	K50.TACE LG2.021	6	5	07g10 - 11g30	N2-306	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319624	44	K50.TACE LG2.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-306	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319625	44	K50.TACE LG2.023	7	5	07g10 - 11g30	N2-306	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319626	44	K50.TACE LG2.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-306	09/08/25 - 04/10/25	

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 3) (DU KIẾN)
(DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC GDQPAN ĐỢT 3 [03/09/2025 – 26/09/2025])

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHK-TĐT ngày 12/12/2024)
Học GDQPAN Đợt 3	03/09/2025 – 26/09/2025	
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHK-T-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

- Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:
- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
 - Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
 - Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 3**TRƯỜNG KINH DOANH**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	KINH DOANH SỐ	DB0001	DBP001	
2	QUẢN TRỊ KINH DOANH			ADF001, ADF002, ADF003, ADF004
3	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	QB0001	QBP001	
4	NGÂN HÀNG	NH0001, NH0002, NH0003	NHP001, NHP002	NHF001
5	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT0001	TTP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 3**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
6	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ0001	LQP001	
7	LUẬT KINH TẾ	EL0001, EL0002	ELP001, ELP002	
8	QUẢN LÝ CÔNG	PM0001	PMP001	

LỊCH HỌC GDQPAN KHÓA 50 ĐHCQ_ĐỢT 3

MÃ LỚP HP	THỜI GIAN HỌC	LỚP SV
25C1SDE59900101	03/09/2025 – 26/09/2025	Như bảng trên

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309513	48	[GDQP3]_ DB0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-508	04/08/25 - 25/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-509	06/08/25 - 13/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201214	48	[GDQP3]_ DB0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-409	06/10/25 - 01/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3	25C1MAN50212301	48	[GDQP3]_ DB0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-409	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược trong môi trường số		3	25C1MAN50218001	48	[GDQP3]_ DB0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-403	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021136	48	[GDQP3]_ DB0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319828	48	[GDQP3]_ DB0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-404	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005944	50	[GDQP3]_ DB0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-508	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-509	20/08/25 - 27/08/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309514	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-506	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-512	07/08/25 - 14/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201215	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-103	11/10/25 - 06/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214905	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-205	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chiến lược trong môi trường số	EN	3	25C1MAN50220501	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-205	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021137	30	[GDQP3]_ DBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319829	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-206	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005945	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-512	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-512	21/08/25 - 28/08/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307304	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-407	04/08/25 - 25/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-408	06/08/25 - 13/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209701	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-707	06/10/25 - 01/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214901	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209601	50	[GDQP3]_ ADF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-508	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502177	50	[GDQP3]_ ADF001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319812	50	[GDQP3]_ ADF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006216	50	[GDQP3]_ ADF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-803	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-408	20/08/25 - 27/08/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307305	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-407	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-407	07/08/25 - 14/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209702	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-508	07/10/25 - 02/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214902	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-509	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209602	50	[GDQP3]_ ADF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-507	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502178	50	[GDQP3]_ ADF002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319813	50	[GDQP3]_ ADF002	7	5	12g45 - 17g05	B1-507	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006217	50	[GDQP3]_ ADF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-407	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-407	21/08/25 - 28/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307306	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-408	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-408	09/08/25 - 16/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209703	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-507	02/10/25 - 04/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214903	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	07g10 - 11g30	B1-808	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209603	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	12g45 - 17g05	B1-707	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502179	50	[GDQP3]_ ADF003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319814	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-507	07/10/25 - 02/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006218	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	12g45 - 17g05	B1-708	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-408	23/08/25 - 30/08/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307307	50	[GDQP3]_ ADF004	2	5	07g10 - 11g30	B1-408	04/08/25 - 11/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-509	08/08/25 - 29/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209704	50	[GDQP3]_ ADF004	6	5	07g10 - 11g30	B1-706	10/10/25 - 05/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214904	50	[GDQP3]_ ADF004	6	5	12g45 - 17g05	B1-706	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209604	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-509	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502180	50	[GDQP3]_ ADF004	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319815	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	07g10 - 11g30	B1-801	08/10/25 - 03/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006219	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-409	06/08/25 - 27/08/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-408	18/08/25 - 25/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dịch tễ học		3	25C1MAN50206901	69	[GDQP3]_ QB0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309515	69	[GDQP3]_ QB0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-106	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-107	08/08/25 - 15/08/25	
Quản lý y tế và hệ thống chăm sóc sức khỏe		3	25C1MAN50213401	69	[GDQP3]_ QB0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị điều hành bệnh viện		3	25C1MAN50207401	69	[GDQP3]_ QB0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021138	69	[GDQP3]_ QB0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000455	69	[GDQP3]_ QB0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-106	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	22/08/25 - 29/08/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319830	35	[GDQP3]_ QB0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-305	06/10/25 - 01/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319832	35	[GDQP3]_ QB0001.2	2	5	07g10 - 11g30	B1-508	06/10/25 - 01/12/25	
Dịch tễ học		3	25C1MAN50206902	40	[GDQP3]_ QBP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-302	02/10/25 - 04/12/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309516	40	[GDQP3]_ QBP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-506	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-508	09/08/25 - 16/08/25	
Quản lý y tế và hệ thống chăm sóc sức khỏe		3	25C1MAN50213402	40	[GDQP3]_ QBP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị điều hành bệnh viện	EN	3	25C1MAN50218701	40	[GDQP3]_ QBP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-303	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021139	40	[GDQP3]_ QBP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319831	40	[GDQP3]_ QBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-206	07/10/25 - 02/12/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000456	40	[GDQP3]_ QBP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-510	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-508	23/08/25 - 30/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600603	60	[GDQP3]_ NH0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-403	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021128	60	[GDQP3]_ NH0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508435	60	[GDQP3]_ NH0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-408	02/10/25 - 04/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608803	60	[GDQP3]_ NH0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-401	11/10/25 - 06/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319820	60	[GDQP3]_ NH0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-402	02/10/25 - 04/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005937	60	[GDQP3]_ NH0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-105	07/08/25 - 28/08/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-508	19/08/25 - 26/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000447	60	[GDQP3]_ NH0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-508	05/08/25 - 12/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-411	09/08/25 - 30/08/25	
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600604	60	[GDQP3]_ NH0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-310	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021129	60	[GDQP3]_ NH0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508436	60	[GDQP3]_ NH0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-403	10/10/25 - 05/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608804	60	[GDQP3]_ NH0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-408	06/10/25 - 01/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319821	60	[GDQP3]_ NH0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-410	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005938	55	[GDQP3]_ NH0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-509	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-509	20/08/25 - 27/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000448	55	[GDQP3]_ NH0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-509	04/08/25 - 25/08/25	
						4	5	07g45 - 12g05	N2-509	06/08/25 - 13/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600605	60	[GDQP3]_ NH0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-404	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021130	60	[GDQP3]_ NH0003	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508437	60	[GDQP3]_ NH0003	7	5	12g45 - 17g05	N2-408	11/10/25 - 06/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608805	60	[GDQP3]_ NH0003	3	5	07g45 - 12g05	N2-408	07/10/25 - 02/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319822	60	[GDQP3]_ NH0003	7	5	07g10 - 11g30	N2-403	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005939	55	[GDQP3]_ NH0003	7	5	12g45 - 17g05	N2-508	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-510	21/08/25 - 28/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000449	55	[GDQP3]_ NH0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-508	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-510	07/08/25 - 14/08/25	
Ngân hàng thương mại	EN	3	25C1BAN50611601	45	[GDQP3]_ NHP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-204	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021131	45	[GDQP3]_ NHP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508438	45	[GDQP3]_ NHP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-401	06/10/25 - 01/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611701	45	[GDQP3]_ NHP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-205	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319823	45	[GDQP3]_ NHP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-311	06/10/25 - 01/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005940	45	[GDQP3]_ NHP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-510	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-508	22/08/25 - 29/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000450	45	[GDQP3]_ NHP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-510	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-508	08/08/25 - 15/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại	EN	3	25C1BAN50611602	45	[GDQP3]_ NHP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-206	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021132	45	[GDQP3]_ NHP002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508439	45	[GDQP3]_ NHP002	3	5	07g10 - 11g30	N2-409	07/10/25 - 02/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611702	45	[GDQP3]_ NHP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-205	02/10/25 - 04/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319824	45	[GDQP3]_ NHP002	3	5	12g45 - 17g05	N2-408	07/10/25 - 02/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005941	45	[GDQP3]_ NHP002	3	5	07g10 - 11g30	N2-105	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-406	23/08/25 - 30/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000451	45	[GDQP3]_ NHP002	5	5	07g45 - 12g05	N2-508	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-406	09/08/25 - 16/08/25	

CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại	EN	3	25C1BAN50611603	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021133	45	[GDQP3]_ NHF001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504308	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-509	06/10/25 - 01/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611703	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-706	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319825	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-705	06/10/25 - 01/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006215	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-705	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	22/08/25 - 29/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000452	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-407	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	08/08/25 - 15/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608407	65	[GDQP3]_ TT0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-106	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021134	60	[GDQP3]_ TT0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508440	65	[GDQP3]_ TT0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-207	08/10/25 - 03/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608806	65	[GDQP3]_ TT0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-107	10/10/25 - 05/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319826	60	[GDQP3]_ TT0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-106	08/10/25 - 03/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005942	65	[GDQP3]_ TT0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-207	06/08/25 - 27/08/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	18/08/25 - 25/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000453	65	[GDQP3]_ TT0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-107	04/08/25 - 11/08/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-106	08/08/25 - 29/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608408	40	[GDQP3]_ TTP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-304	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021135	40	[GDQP3]_ TTP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508441	40	[GDQP3]_ TTP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-506	02/10/25 - 04/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611704	40	[GDQP3]_ TTP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-205	11/10/25 - 06/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319827	40	[GDQP3]_ TTP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-511	02/10/25 - 04/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005943	40	[GDQP3]_ TTP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-506	07/08/25 - 28/08/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-512	19/08/25 - 26/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000454	45	[GDQP3]_ TTP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-512	05/08/25 - 12/08/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-506	09/08/25 - 30/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật học so sánh		2	25C1LAW51106403	30	[GDQP3]_ LQ0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-511	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-106	08/08/25 - 15/08/25	
Các học thuyết pháp lý		3	25C1LAW51100401	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	6	5	07g10 - 11g30	N2-107	10/10/25 - 05/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100605	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	07g10 - 11g30	N2-107	06/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326430	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	07g10 - 11g30	N2-107	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-106	22/08/25 - 29/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021144	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302208	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	4	5	12g45 - 17g05	N2-107	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320205	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	12g45 - 17g05	N2-106	06/10/25 - 01/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109705	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	4	5	07g10 - 11g30	N2-106	08/10/25 - 03/12/25	
Luật so sánh	EN	2	25C1LAW51112703	40	[GDQP3]_ LQP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-503	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-212	08/08/25 - 15/08/25	

[CT TV] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103706	50	[GDQP3]_ EL0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-410	06/10/25 - 01/12/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101503	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-403	06/08/25 - 27/08/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	18/08/25 - 25/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326426	50	[GDQP3]_ EL0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-707	04/08/25 - 11/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-403	06/08/25 - 27/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021140	50	[GDQP3]_ EL0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320201	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-707	08/10/25 - 03/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109701	50	[GDQP3]_ EL0001	6	5	12g45 - 17g05	N1-707	10/10/25 - 05/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100601	50	[GDQP3]_ EL0001,PM LL1.K48	4	5	12g45 - 17g05	N1-701	08/10/25 - 03/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111404	50	[GDQP3]_ EL0001,PM LL1.K48	6	5	07g10 - 11g30	N1-707	10/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103707	50	[GDQP3]_ EL0002	3	5	12g45 - 17g05	N1-701	07/10/25 - 02/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111405	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	07g10 - 11g30	N1-707	11/10/25 - 06/12/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101504	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-403	07/08/25 - 28/08/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-506	19/08/25 - 26/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326427	50	[GDQP3]_ EL0002	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	05/08/25 - 12/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N1-502	07/08/25 - 28/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021141	50	[GDQP3]_ EL0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320202	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-707	02/10/25 - 04/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109702	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	12g45 - 17g05	N1-707	11/10/25 - 06/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100602	50	[GDQP3]_ EL0002,CT LL1.K49	5	5	12g45 - 17g05	N1-701	02/10/25 - 04/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100603	40	[GDQP3]_ ELP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-405	10/10/25 - 05/12/25	
Luật doanh nghiệp	EN	3	25C1LAW51107201	40	[GDQP3]_ ELP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-302	08/10/25 - 03/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111406	40	[GDQP3]_ ELP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-707	06/10/25 - 01/12/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101505	40	[GDQP3]_ ELP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-405	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N1-402	20/08/25 - 27/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326428	40	[GDQP3]_ ELP001	4	5	07g10 - 11g30	N1-402	06/08/25 - 13/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-405	08/08/25 - 29/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021142	40	[GDQP3]_ ELP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320203	40	[GDQP3]_ ELP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-405	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109703	40	[GDQP3]_ ELP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-701	06/10/25 - 01/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100604	40	[GDQP3]_ ELP002	7	5	12g45 - 17g05	N1-504	11/10/25 - 06/12/25	
Luật doanh nghiệp	EN	3	25C1LAW51107202	40	[GDQP3]_ ELP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-304	02/10/25 - 04/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111407	40	[GDQP3]_ ELP002	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	07/10/25 - 02/12/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101506	40	[GDQP3]_ ELP002	7	5	07g10 - 11g30	N1-504	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N1-504	21/08/25 - 28/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326429	40	[GDQP3]_ ELP002	5	5	07g10 - 11g30	N1-504	07/08/25 - 14/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-504	09/08/25 - 30/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021143	40	[GDQP3]_ ELP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320204	40	[GDQP3]_ ELP002	7	5	07g10 - 11g30	N1-504	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109704	40	[GDQP3]_ ELP002	3	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319601	33	[GDQP3]_ PM0.PMP. 1	3	5	12g45 - 17g05	N2-506	07/10/25 - 02/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319602	32	[GDQP3]_ PM0.PMP. 2	3	5	12g45 - 17g05	N2-508	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100704	55	[GDQP3]_ PM0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-107	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị nhà nước		2	25C1PUM51205201	55	[GDQP3]_ PM0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-107	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	09/08/25 - 16/08/25	
Marketing trong khu vực công		3	25C1PUM51200501	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-105	11/10/25 - 06/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402907	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-107	02/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326431	72	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-106	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	23/08/25 - 30/08/25	
Quản trị các tổ chức công		3	25C1PUM51200101	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-106	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021145	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112504	25	[GDQP3]_ PMP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị nhà nước	EN	2	25C1PUM51207101	25	[GDQP3]_ PMP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-410	04/08/25 - 11/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-402	08/08/25 - 29/08/25	

Kính gửi: **Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 của Hệ ĐHCQ, Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu dự kiến Học kỳ cuối năm 2025 của các học phần Giáo dục thể chất (GDTC).**

Nếu có yêu cầu điều chỉnh thời khóa biểu, xin vui lòng liên hệ Ban Đào tạo **trước ngày 26/05/2025** để kịp tiến độ đăng ký học phần của sinh viên.

Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo triển khai đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Các HP Giáo dục thể chất cơ bản (GDTC1) và Giáo dục thể chất nâng cao (GDTC2) đều được mở trong 2 học kỳ chính để sinh viên có thể đăng ký học theo nhu cầu,

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Ban Đào tạo.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- B. TCKHĐT; B. QTHT;
- B. CSNH, B. BDCL&KSNB;
- TTKT;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, B.ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



ThS. Võ Thị Tâm

ĐỊA CHỈ BỔ TRÍ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN GDTC HK CUỐI NĂM 2025

HP GDTC	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
Bóng bàn	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Nhà tập Bóng bàn – phía trước tòa nhà N2]
Bóng chuyền; Bóng rổ	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Phía sau Nhà tập Bóng bàn – bên hông tòa nhà N2]
Bóng đá; Golf	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Sân Bóng đá]
Quần vợt	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Sân Tennis – phía trước tòa nhà N2]
Khiêu vũ	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Tầng 1 – Tòa nhà N1]
Cầu lông, Võ thuật	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Khuôn viên bên trong tòa nhà N2]
Pickleball	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Sân Tennis – phía trước tòa nhà N2]

KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY (Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

KHÓA HỌC	THỜI GIAN			GHI CHÚ
	Giảng viên đăng ký	Quản lý môn học duyệt	Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt	
+ Khóa 47, 48,49,50 ĐHCQ	09/06/25 – 08/07/25	09/07/25 – 22/07/25	23/07/25 – 28/07/25	Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 20/07/25

**THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN CÁC KHÓA HỆ ĐHCQ
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 3) (**DU KIẾN**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ BỐ TRÍ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN GDTC HK CUỐI NĂM 2025

HP GDTC	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
Bóng bàn	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Nhà tập Bóng bàn – phía trước tòa nhà N2]
Bóng chuyền; Bóng rổ	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Phía sau Nhà tập Bóng bàn – bên hông tòa nhà N2]
Bóng đá; Golf	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Sân Bóng đá]
Quần vợt	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Sân Tennis – phía trước tòa nhà N2]
Khiêu vũ	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Tầng 1 – Tòa nhà N1]
Cầu lông, Võ thuật	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Khuôn viên bên trong tòa nhà N2]
Pickleball	Cơ sở NVL	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	[Sân Tennis – phía trước tòa nhà N2]

LỊCH HỌC CÁC HP GDTC1 [Dự kiến]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400101	50	K50.GDTC 1.BBCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400110	50	K50.GDTC 1.BBCB_10	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400111	50	K50.GDTC 1.BBCB_11	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400112	50	K50.GDTC 1.BBCB_12	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400113	50	K50.GDTC 1.BBCB_13	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400114	50	K50.GDTC 1.BBCB_14	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400115	50	K50.GDTC 1.BBCB_15	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400116	50	K50.GDTC 1.BBCB_16	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400117	50	K50.GDTC 1.BBCB_17	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400118	50	K50.GDTC 1.BBCB_18	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400119	50	K50.GDTC 1.BBCB_19	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400102	50	K50.GDTC 1.BBCB_2	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400120	50	K50.GDTC 1.BBCB_20	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400121	50	K50.GDTC 1.BBCB_21	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400122	50	K50.GDTC 1.BBCB_22	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400123	50	K50.GDTC 1.BBCB_23	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400124	50	K50.GDTC 1.BBCB_24	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400125	50	K50.GDTC 1.BBCB_25	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400126	50	K50.GDTC 1.BBCB_26	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400127	50	K50.GDTC 1.BBCB_27	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400128	50	K50.GDTC 1.BBCB_28	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400129	50	K50.GDTC 1.BBCB_29	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400103	50	K50.GDTC 1.BBCB_3	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400130	50	K50.GDTC 1.BBCB_30	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400131	50	K50.GDTC 1.BBCB_31	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400132	50	K50.GDTC 1.BBCB_32	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400133	50	K50.GDTC 1.BBCB_33	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400134	50	K50.GDTC 1.BBCB_34	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400135	50	K50.GDTC 1.BBCB_35	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400136	50	K50.GDTC 1.BBCB_36	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400104	50	K50.GDTC 1.BBCB_4	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400105	50	K50.GDTC 1.BBCB_5	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400106	50	K50.GDTC 1.BBCB_6	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400107	50	K50.GDTC 1.BBCB_7	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400108	50	K50.GDTC 1.BBCB_8	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng bàn CB		1	25C1PHY51400109	50	K50.GDTC 1.BBCB_9	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GB	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400201	50	K50.GDTC 1.BCCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400210	50	K50.GDTC 1.BCCB_10	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400211	50	K50.GDTC 1.BCCB_11	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400212	50	K50.GDTC 1.BCCB_12	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400202	50	K50.GDTC 1.BCCB_2	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400203	50	K50.GDTC 1.BCCB_3	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400204	50	K50.GDTC 1.BCCB_4	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400205	50	K50.GDTC 1.BCCB_5	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400206	50	K50.GDTC 1.BCCB_6	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400207	50	K50.GDTC 1.BCCB_7	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400208	50	K50.GDTC 1.BCCB_8	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng chuyền CB		1	25C1PHY51400209	50	K50.GDTC 1.BCCB_9	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400301	50	K50.GDTC 1.BDCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400310	50	K50.GDTC 1.BDCB_1 0	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400311	50	K50.GDTC 1.BDCB_1 1	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400312	50	K50.GDTC 1.BDCB_1 2	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400302	50	K50.GDTC 1.BDCB_2	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400303	50	K50.GDTC 1.BDCB_3	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400304	50	K50.GDTC 1.BDCB_4	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400305	50	K50.GDTC 1.BDCB_5	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400306	50	K50.GDTC 1.BDCB_6	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400307	50	K50.GDTC 1.BDCB_7	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400308	50	K50.GDTC 1.BDCB_8	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng đá CB		1	25C1PHY51400309	50	K50.GDTC 1.BDCB_9	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400401	50	K50.GDTC 1.BRCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400410	50	K50.GDTC 1.BRCB_10	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400411	50	K50.GDTC 1.BRCB_11	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400412	50	K50.GDTC 1.BRCB_12	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400402	50	K50.GDTC 1.BRCB_2	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400403	50	K50.GDTC 1.BRCB_3	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400404	50	K50.GDTC 1.BRCB_4	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400405	50	K50.GDTC 1.BRCB_5	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400406	50	K50.GDTC 1.BRCB_6	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400407	50	K50.GDTC 1.BRCB_7	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400408	50	K50.GDTC 1.BRCB_8	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Bóng rổ CB		1	25C1PHY51400409	50	K50.GDTC 1.BRCB_9	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400501	50	K50.GDTC 1.CLCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400510	50	K50.GDTC 1.CLCB_10	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400511	50	K50.GDTC 1.CLCB_11	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400512	50	K50.GDTC 1.CLCB_12	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400513	50	K50.GDTC 1.CLCB_13	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400514	50	K50.GDTC 1.CLCB_14	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400515	50	K50.GDTC 1.CLCB_15	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400516	50	K50.GDTC 1.CLCB_16	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400517	50	K50.GDTC 1.CLCB_17	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400518	50	K50.GDTC 1.CLCB_18	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400519	50	K50.GDTC 1.CLCB_19	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400502	50	K50.GDTC 1.CLCB_2	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400520	50	K50.GDTC 1.CLCB_20	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400521	50	K50.GDTC 1.CLCB_21	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400522	50	K50.GDTC 1.CLCB_22	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400523	50	K50.GDTC 1.CLCB_23	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400524	50	K50.GDTC 1.CLCB_24	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400525	50	K50.GDTC 1.CLCB_25	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400526	50	K50.GDTC 1.CLCB_26	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400527	50	K50.GDTC 1.CLCB_27	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400528	50	K50.GDTC 1.CLCB_28	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400529	50	K50.GDTC 1.CLCB_29	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400503	50	K50.GDTC 1.CLCB_3	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400530	50	K50.GDTC 1.CLCB_30	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400531	50	K50.GDTC 1.CLCB_31	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400532	50	K50.GDTC 1.CLCB_32	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400533	50	K50.GDTC 1.CLCB_33	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400534	50	K50.GDTC 1.CLCB_34	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400535	50	K50.GDTC 1.CLCB_35	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400536	50	K50.GDTC 1.CLCB_36	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400504	50	K50.GDTC 1.CLCB_4	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400505	50	K50.GDTC 1.CLCB_5	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400506	50	K50.GDTC 1.CLCB_6	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400507	50	K50.GDTC 1.CLCB_7	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400508	50	K50.GDTC 1.CLCB_8	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Cầu lông CB		1	25C1PHY51400509	50	K50.GDTC 1.CLCB_9	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401501	50	K50.GDTC 1.GOCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401510	50	K50.GDTC 1.GOCB_1 0	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401511	50	K50.GDTC 1.GOCB_1 1	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401512	50	K50.GDTC 1.GOCB_1 2	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401502	50	K50.GDTC 1.GOCB_2	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401503	50	K50.GDTC 1.GOCB_3	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401504	50	K50.GDTC 1.GOCB_4	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401505	50	K50.GDTC 1.GOCB_5	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401506	50	K50.GDTC 1.GOCB_6	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401507	50	K50.GDTC 1.GOCB_7	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401508	50	K50.GDTC 1.GOCB_8	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Golf CB		1	25C1PHY51401509	50	K50.GDTC 1.GOCB_9	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401301	50	K50.GDTC 1.KVCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401310	50	K50.GDTC 1.KVCB_1 0	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401311	50	K50.GDTC 1.KVCB_1 1	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401312	50	K50.GDTC 1.KVCB_1 2	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401302	50	K50.GDTC 1.KVCB_2	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401303	50	K50.GDTC 1.KVCB_3	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401304	50	K50.GDTC 1.KVCB_4	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401305	50	K50.GDTC 1.KVCB_5	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401306	50	K50.GDTC 1.KVCB_6	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401307	50	K50.GDTC 1.KVCB_7	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401308	50	K50.GDTC 1.KVCB_8	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Khiêu vũ CB		1	25C1PHY51401309	50	K50.GDTC 1.KVCB_9	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401901	50	K50.GDTC 1.PICCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401910	50	K50.GDTC 1.PICCB_1 0	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401911	50	K50.GDTC 1.PICCB_1 1	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401912	50	K50.GDTC 1.PICCB_1 2	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401902	50	K50.GDTC 1.PICCB_2	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401903	50	K50.GDTC 1.PICCB_3	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401904	50	K50.GDTC 1.PICCB_4	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401905	50	K50.GDTC 1.PICCB_5	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401906	50	K50.GDTC 1.PICCB_6	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401907	50	K50.GDTC 1.PICCB_7	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401908	50	K50.GDTC 1.PICCB_8	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Pickleball CB		1	25C1PHY51401909	50	K50.GDTC 1.PICCB_9	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Quần vợt CB		1	25C1PHY51401401	50	K50.GDTC 1.QVCB_1	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Quần vợt CB		1	25C1PHY51401402	50	K50.GDTC 1.QVCB_2	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Quần vợt CB		1	25C1PHY51401403	50	K50.GDTC 1.QVCB_3	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Quần vợt CB		1	25C1PHY51401404	50	K50.GDTC 1.QVCB_4	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Quần vợt CB		1	25C1PHY51401405	50	K50.GDTC 1.QVCB_5	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Quần vợt CB		1	25C1PHY51401406	50	K50.GDTC 1.QVCB_6	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400601	50	K50.GDTC 1.VTCB_1	2	3	07g00 - 09g15		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400610	50	K50.GDTC 1.VTCB_10	5	3	07g00 - 09g15		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400611	50	K50.GDTC 1.VTCB_11	5	3	09g15 - 11g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400612	50	K50.GDTC 1.VTCB_12	5	3	15g15 - 17g30		07/08/25 - 04/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400613	50	K50.GDTC 1.VTCB_13	6	3	07g00 - 09g15		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400614	50	K50.GDTC 1.VTCB_14	6	3	09g15 - 11g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400615	50	K50.GDTC 1.VTCB_15	6	3	15g15 - 17g30		08/08/25 - 05/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400616	50	K50.GDTC 1.VTCB_16	7	3	07g00 - 09g15		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400617	50	K50.GDTC 1.VTCB_17	7	3	09g15 - 11g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400618	50	K50.GDTC 1.VTCB_18	7	3	15g15 - 17g30		09/08/25 - 06/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400602	50	K50.GDTC 1.VTCB_2	2	3	09g15 - 11g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400603	50	K50.GDTC 1.VTCB_3	2	3	15g15 - 17g30		04/08/25 - 08/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400604	50	K50.GDTC 1.VTCB_4	3	3	07g00 - 09g15		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400605	50	K50.GDTC 1.VTCB_5	3	3	09g15 - 11g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400606	50	K50.GDTC 1.VTCB_6	3	3	15g15 - 17g30		05/08/25 - 09/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400607	50	K50.GDTC 1.VTCB_7	4	3	07g00 - 09g15		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400608	50	K50.GDTC 1.VTCB_8	4	3	09g15 - 11g30		06/08/25 - 03/09/25	
GDTC1 - Võ thuật CB		1	25C1PHY51400609	50	K50.GDTC 1.VTCB_9	4	3	15g15 - 17g30		06/08/25 - 03/09/25	

LỊCH HỌC CÁC HP GDTC2 [Dự kiến]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400701	50	K50.GDTC 2.BBNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400710	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 0	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400711	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 1	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400712	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 2	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400713	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 3	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400714	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 4	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400715	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 5	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400716	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 6	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400717	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 7	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400718	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 8	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400719	50	K50.GDTC 2.BBNC_1 9	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400702	50	K50.GDTC 2.BBNC_2	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400720	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 0	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400721	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 1	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400722	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 2	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400723	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 3	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400724	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 4	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400725	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 5	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400726	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 6	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400727	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 7	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400728	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 8	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400729	50	K50.GDTC 2.BBNC_2 9	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400703	50	K50.GDTC 2.BBNC_3	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400730	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 0	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400731	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400732	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 2	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400733	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 3	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400734	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 4	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400735	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 5	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400736	50	K50.GDTC 2.BBNC_3 6	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400704	50	K50.GDTC 2.BBNC_4	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400705	50	K50.GDTC 2.BBNC_5	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400706	50	K50.GDTC 2.BBNC_6	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400707	50	K50.GDTC 2.BBNC_7	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400708	50	K50.GDTC 2.BBNC_8	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng bàn NC		2	25C1PHY51400709	50	K50.GDTC 2.BBNC_9	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400801	50	K50.GDTC 2.BCNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400810	50	K50.GDTC 2.BCNC_1 0	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400811	50	K50.GDTC 2.BCNC_1 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400812	50	K50.GDTC 2.BCNC_1 2	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400802	50	K50.GDTC 2.BCNC_2	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400803	50	K50.GDTC 2.BCNC_3	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400804	50	K50.GDTC 2.BCNC_4	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400805	50	K50.GDTC 2.BCNC_5	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400806	50	K50.GDTC 2.BCNC_6	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400807	50	K50.GDTC 2.BCNC_7	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400808	50	K50.GDTC 2.BCNC_8	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng chuyền NC		2	25C1PHY51400809	50	K50.GDTC 2.BCNC_9	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400901	50	K50.GDTC 2.BDNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400910	50	K50.GDTC 2.BDNC_1 0	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400911	50	K50.GDTC 2.BDNC_1 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400912	50	K50.GDTC 2.BDNC_1 2	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400902	50	K50.GDTC 2.BDNC_2	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400903	50	K50.GDTC 2.BDNC_3	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400904	50	K50.GDTC 2.BDNC_4	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400905	50	K50.GDTC 2.BDNC_5	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400906	50	K50.GDTC 2.BDNC_6	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400907	50	K50.GDTC 2.BDNC_7	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400908	50	K50.GDTC 2.BDNC_8	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng đá NC		2	25C1PHY51400909	50	K50.GDTC 2.BDNC_9	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401001	50	K50.GDTC 2.BRNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401010	50	K50.GDTC 2.BRNC_1 0	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401011	50	K50.GDTC 2.BRNC_1 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401012	50	K50.GDTC 2.BRNC_1 2	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401002	50	K50.GDTC 2.BRNC_2	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401003	50	K50.GDTC 2.BRNC_3	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401004	50	K50.GDTC 2.BRNC_4	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401005	50	K50.GDTC 2.BRNC_5	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401006	50	K50.GDTC 2.BRNC_6	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401007	50	K50.GDTC 2.BRNC_7	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401008	50	K50.GDTC 2.BRNC_8	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Bóng rổ NC		2	25C1PHY51401009	50	K50.GDTC 2.BRNC_9	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401101	50	K50.GDTC 2.CLNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401110	50	K50.GDTC 2.CLNC_10	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401111	50	K50.GDTC 2.CLNC_11	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401112	50	K50.GDTC 2.CLNC_12	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401113	50	K50.GDTC 2.CLNC_13	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401114	50	K50.GDTC 2.CLNC_14	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401115	50	K50.GDTC 2.CLNC_15	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401116	50	K50.GDTC 2.CLNC_16	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401117	50	K50.GDTC 2.CLNC_17	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401118	50	K50.GDTC 2.CLNC_18	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401119	50	K50.GDTC 2.CLNC_19	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401102	50	K50.GDTC 2.CLNC_2	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401120	50	K50.GDTC 2.CLNC_20	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401121	50	K50.GDTC 2.CLNC_21	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401122	50	K50.GDTC 2.CLNC_22	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401123	50	K50.GDTC 2.CLNC_23	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401124	50	K50.GDTC 2.CLNC_24	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401125	50	K50.GDTC 2.CLNC_25	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401126	50	K50.GDTC 2.CLNC_26	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401127	50	K50.GDTC 2.CLNC_27	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401128	50	K50.GDTC 2.CLNC_28	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401129	50	K50.GDTC 2.CLNC_29	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401103	50	K50.GDTC 2.CLNC_3	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401130	50	K50.GDTC 2.CLNC_30	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401131	50	K50.GDTC 2.CLNC_31	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401132	50	K50.GDTC 2.CLNC_32	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401133	50	K50.GDTC 2.CLNC_33	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401134	50	K50.GDTC 2.CLNC_34	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401135	50	K50.GDTC 2.CLNC_35	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401136	50	K50.GDTC 2.CLNC_36	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401104	50	K50.GDTC 2.CLNC_4	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401105	50	K50.GDTC 2.CLNC_5	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401106	50	K50.GDTC 2.CLNC_6	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401107	50	K50.GDTC 2.CLNC_7	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401108	50	K50.GDTC 2.CLNC_8	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Cầu lông NC		2	25C1PHY51401109	50	K50.GDTC 2.CLNC_9	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GB	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401801	50	K50.GDTC 2.GONC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401810	50	K50.GDTC 2.GONC_1 0	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401811	50	K50.GDTC 2.GONC_1 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401812	50	K50.GDTC 2.GONC_1 2	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401802	50	K50.GDTC 2.GONC_2	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401803	50	K50.GDTC 2.GONC_3	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401804	50	K50.GDTC 2.GONC_4	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401805	50	K50.GDTC 2.GONC_5	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401806	50	K50.GDTC 2.GONC_6	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401807	50	K50.GDTC 2.GONC_7	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401808	50	K50.GDTC 2.GONC_8	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Golf NC		2	25C1PHY51401809	50	K50.GDTC 2.GONC_9	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401601	50	K50.GDTC 2.KVNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401610	50	K50.GDTC 2.KVNC_1 0	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401611	50	K50.GDTC 2.KVNC_1 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401612	50	K50.GDTC 2.KVNC_1 2	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401602	50	K50.GDTC 2.KVNC_2	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401603	50	K50.GDTC 2.KVNC_3	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401604	50	K50.GDTC 2.KVNC_4	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401605	50	K50.GDTC 2.KVNC_5	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401606	50	K50.GDTC 2.KVNC_6	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401607	50	K50.GDTC 2.KVNC_7	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401608	50	K50.GDTC 2.KVNC_8	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Khiêu vũ NC		2	25C1PHY51401609	50	K50.GDTC 2.KVNC_9	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402001	50	K50.GDTC 2.PICNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402010	50	K50.GDTC 2.PICNC_1 0	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402011	50	K50.GDTC 2.PICNC_1 1	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402012	50	K50.GDTC 2.PICNC_1 2	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402002	50	K50.GDTC 2.PICNC_2	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402003	50	K50.GDTC 2.PICNC_3	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402004	50	K50.GDTC 2.PICNC_4	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402005	50	K50.GDTC 2.PICNC_5	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402006	50	K50.GDTC 2.PICNC_6	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402007	50	K50.GDTC 2.PICNC_7	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402008	50	K50.GDTC 2.PICNC_8	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Pickleball NC		2	25C1PHY51402009	50	K50.GDTC 2.PICNC_9	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Quần vợt NC		2	25C1PHY51401701	50	K50.GDTC 2.QVNC_1	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Quần vợt NC		2	25C1PHY51401702	50	K50.GDTC 2.QVNC_2	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Quần vợt NC		2	25C1PHY51401703	50	K50.GDTC 2.QVNC_3	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Quần vợt NC		2	25C1PHY51401704	50	K50.GDTC 2.QVNC_4	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Quần vợt NC		2	25C1PHY51401705	50	K50.GDTC 2.QVNC_5	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Quần vợt NC		2	25C1PHY51401706	50	K50.GDTC 2.QVNC_6	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401201	50	K50.GDTC 2.VTNC_1	2	3	07g00 - 09g15		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401210	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 0	5	3	07g00 - 09g15		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401211	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 1	5	3	09g15 - 11g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401212	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 2	5	3	15g15 - 17g30		18/09/25 - 27/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401213	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 3	6	3	07g00 - 09g15		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401214	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 4	6	3	09g15 - 11g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401215	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 5	6	3	15g15 - 17g30		19/09/25 - 21/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401216	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 6	7	3	07g00 - 09g15		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401217	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 7	7	3	09g15 - 11g30		20/09/25 - 22/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401218	50	K50.GDTC 2.VTNC_1 8	7	3	15g15 - 17g30		20/09/25 - 22/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401202	50	K50.GDTC 2.VTNC_2	2	3	09g15 - 11g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401203	50	K50.GDTC 2.VTNC_3	2	3	15g15 - 17g30		15/09/25 - 17/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401204	50	K50.GDTC 2.VTNC_4	3	3	07g00 - 09g15		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401205	50	K50.GDTC 2.VTNC_5	3	3	09g15 - 11g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401206	50	K50.GDTC 2.VTNC_6	3	3	15g15 - 17g30		16/09/25 - 18/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401207	50	K50.GDTC 2.VTNC_7	4	3	07g00 - 09g15		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401208	50	K50.GDTC 2.VTNC_8	4	3	09g15 - 11g30		17/09/25 - 19/11/25	
GDTC2 - Võ thuật NC		2	25C1PHY51401209	50	K50.GDTC 2.VTNC_9	4	3	15g15 - 17g30		17/09/25 - 19/11/25	